

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN TÙNG

PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2023

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN TÙNG

PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 9 38 01 05

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Hữu Tráng

HÀ NỘI – 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Các thông tin, số liệu nêu trong Luận án là trung thực. Các luận điểm kế thừa được trích dẫn rõ ràng. Tổng thể kết quả nghiên cứu của Luận án chưa từng được công bố trong công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Văn Tùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	7
1.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước liên quan đến đề tài.....	7
1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề dưới góc độ luật hình sự.....	7
1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học.....	10
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	16
1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và quyền sở hữu trí tuệ.....	16
1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học	18
1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu	22
1.3.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu.....	22
1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	27
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM.....	28
2.1. Khái niệm, đặc điểm, mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	28
2.1.1. Khái niệm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	28
2.1.2. Đặc điểm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	29
2.1.3. Mục đích phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	35
2.2. Đối tượng, nội dung và nguyên tắc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	37
2.2.1. Đối tượng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	37
2.2.2. Nội dung của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	43
2.2.3. Nguyên tắc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	47
2.3. Cơ sở của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	51
2.3.1. Cơ sở chính trị.....	51
2.3.2. Cơ sở pháp lý	53
2.3.3. Cơ sở lý luận	55
2.3.4. Cơ sở thực tiễn	56
2.4. Chủ thể và các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	57
2.4.1. Chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	57

2.4.2. Các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	62
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	67
Chương 3. THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM.....	68
3.1. Thực tiễn tổ chức lực lượng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	68
3.1.1. Kết quả đạt được	68
3.1.2. Những hạn chế	75
3.2. Thực tiễn thực hiện biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	78
3.2.1. Kết quả đạt được	78
3.2.2. Những hạn chế	79
3.3. Thực tiễn thực hiện biện pháp kinh tế liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	80
3.3.1. Kết quả đạt được	80
3.3.2. Những hạn chế	82
3.4. Thực tiễn thực hiện biện pháp văn hóa-giáo dục phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.....	85
3.4.1. Kết quả đạt được	85
3.4.2. Những hạn chế	86
3.5. Thực tiễn thực hiện biện pháp tổ chức - quản lý trong bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ.....	88
3.5.1. Kết quả đạt được	88
3.5.2. Những hạn chế	89
3.6. Thực tiễn thực hiện biện pháp chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	90
3.6.1. Kết quả đạt được	90
3.6.2. Những hạn chế	94
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	114
Chương 4. DỰ BÁO VÀ CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM	115
4.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.....	115
4.1.1. Cơ sở của dự báo	115
4.1.2. Nội dung dự báo	119

4.2. Các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam	121
4.2.1. Biện pháp tăng cường giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	121
4.2.2. Biện pháp khắc phục hạn chế trong nền kinh tế - xã hội.....	124
4.2.3. Biện pháp khắc phục hạn chế trong văn hoá, giáo dục.....	125
4.2.4. Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động quản lý Nhà nước	127
4.2.5. Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng	129
4.2.6. Biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật	135
4.2.7. Biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	143
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	145
KẾT LUẬN	146
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	147
PHỤ LỤC.....	172

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	ANTQ	An ninh tổ quốc
2	ANTT	An ninh trật tự
3	BLHS	Bộ luật Hình sự
4	BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
5	CAND	Công an nhân dân
6	CSND	Cảnh sát nhân dân
7	CTTP	Cấu thành tội phạm
8	CSĐT	Cảnh sát điều tra
9	VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
10	TNHS	Trách nhiệm hình sự
11	THTT	Tiến hành tố tụng
12	TAND	Tòa án nhân dân
13	TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
14	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
15	UBND	Ủy ban nhân dân
16	SHTT	Sở hữu trí tuệ
17	SHCN	Sở hữu công nghiệp
18	QLNN	Quản lý nhà nước
19	QTG	Quyền tác giả
20	QLQ	Quyền liên quan

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền SHTT là quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm QTG và quyền liên quan đến QTG, quyền SHCN và quyền đối với giống cây trồng. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh toàn cầu, vấn đề bảo vệ quyền SHTT trở nên đặc biệt quan trọng và trở thành mối quan tâm hàng đầu trong quan hệ kinh tế quốc tế. Việc bảo hộ quyền SHTT là một biện pháp mà xét cho cùng về tính chiến lược sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng phát triển. Từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), vấn đề bảo vệ quyền SHTT, chống sản xuất, buôn bán hàng giả ngày càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi thì quá trình này cũng kéo theo nhiều hệ lụy phức tạp, trong đó vấn đề SHTT đòi hỏi phải xử lý tốt để phát triển bền vững mà muốn được như vậy thì cần đưa ra được các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Việc nghiên cứu một cách khoa học, toàn diện, có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, qua đó đưa ra các giải pháp nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là rất cần thiết, bởi những lý do sau:

- *Thứ nhất*, nhận thức về mặt lý luận cũng như thực tiễn bảo vệ quyền SHTT và pháp luật về quyền SHTT còn có những hạn chế, vướng mắc, đã tác động tiêu cực đến hiệu quả công tác phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tính kém hiệu quả của việc xử lý và truy cứu trách nhiệm đối với các vi phạm pháp luật SHTT nói chung và tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, trong đó có nguyên nhân là tính phức tạp, tính đan xen xâm nhập lẫn nhau giữa những dấu hiệu của các loại vi phạm pháp luật và tội phạm SHTT, các biện pháp trách nhiệm mà pháp luật cho phép người áp dụng được lựa chọn trong những tình huống cụ thể.

Thứ hai, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng, quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ quyền SHTT nên đã ban hành nhiều Nghị quyết và văn bản pháp luật về bảo vệ quyền SHTT; quan tâm đến việc cải cách nâng cao chất lượng công tác tư pháp, hiệu quả hoạt động của cơ quan thực hiện quyền tư pháp cũng như các cơ quan thực hiện một số hoạt động tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác bảo vệ quyền SHTT.

- *Thứ ba*, trong thời gian qua, tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, thiệt hại do tội phạm này gây ra là rất nghiêm trọng; số lượng tội phạm án chiếm một tỷ lệ lớn; hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền SHTT còn nhiều điểm bất cập, thiếu tính cụ thể, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực

tiền xử lý các tội phạm này. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT xảy ra trong mọi lĩnh vực với mọi loại hàng hóa từ hàng tiêu dùng thông thường đến các hàng hóa có giá trị cao, hàng hóa có chức năng đặc biệt quan trọng như thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, phân bón, thực phẩm, xăng dầu, thiết bị điện, mỹ phẩm... Mặc dù các lực lượng chức năng đã tích cực đấu tranh với các hành vi xâm phạm quyền SHTT nhưng việc xử lý đa phần chỉ dừng lại ở việc xử phạt vi phạm hành chính. Điều này dẫn đến việc xử lý các hành vi vi phạm còn thiếu tính răn đe, nghiêm khắc, dẫn đến ở nhiều vụ việc, hành vi vi phạm tái diễn nhiều lần trong thời gian dài và chủ thể vi phạm sẵn sàng nộp phạt hành chính mỗi khi bị phát hiện.

- Thứ tư, hệ thống các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hộ quyền SHTT cơ bản đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế. Tuy nhiên, còn có những điều ước quốc tế Việt Nam tham gia ký kết, phê chuẩn hoặc trong quan hệ kinh tế quốc tế yêu cầu cần phải tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật và thực thi có hiệu quả công tác phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT. Đây là nhu cầu, đòi hỏi tất yếu khách quan xuất phát từ thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Từ những luận giải trên, tác giả chọn đề tài: *“Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay”* làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, làm rõ quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm quyền SHTT, cũng như làm rõ thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, luận án hướng đến mục đích đề xuất được các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổng quan về tình hình nghiên cứu của các công trình trong nước và ngoài nước có liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; đánh giá khái quát kết quả nghiên cứu của những công trình này, xác định những kiến thức được kế thừa và làm rõ những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

- Nghiên cứu, phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như khái niệm, đặc điểm, mục đích phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, cơ sở, nguyên tắc, nội dung biện pháp và chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Đánh giá tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2022 và phân tích làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2022.

- Phân tích thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2022, từ thực trạng nhận thức phòng ngừa; thực trạng về chủ thể phòng ngừa và quan hệ phối hợp giữa các chủ thể phòng ngừa đến thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Từ đó đánh giá hiệu quả phòng ngừa, chỉ ra được những hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập, yếu kém trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Đưa ra các dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa và đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2022 và các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong phạm vi khoa học Tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

Về thời gian: Luận án sử dụng số liệu và các vụ án, vụ việc xâm phạm quyền SHTT trong phạm vi 11 năm, từ năm 2012 đến năm 2022.

Về không gian: Luận án nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc.

Về tính pháp lý: Giai đoạn 2012-2022 là giai đoạn mà cả BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp lý, do đó luận án vừa nghiên cứu quy định về các tội xâm phạm quyền SHTT trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015. Các tội xâm phạm quyền SHTT được quy định tại Chương XVIII của BLHS năm 2015 (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế), cụ thể là: Tội xâm phạm QTG, QLQ (Điều 225) và Tội xâm

phạm quyền SHCN (Điều 226) (Trước đây theo quy định của BLHS năm 1999 nhóm tội này gồm ba tội danh: Tội xâm phạm QTG (Điều 131); Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền SHCN (Điều 170); Tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 171). BLHS năm 2015 đã phi tội phạm hóa tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền SHCN (Điều 170).

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đường lối đổi mới đất nước, về tinh thần cải cách tư pháp trong phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận đa ngành: Luật học kết hợp với chính trị học, giáo dục học, đạo đức học, xã hội học, tâm lý học... để luận giải những vấn đề liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài luận án tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Phương pháp thống kê: phương pháp dùng để thu thập, xử lý và phân tích các số liệu (mặt lượng) về các tội xâm phạm quyền SHTT để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trên địa bàn toàn quốc.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: tổng kết thực tiễn hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam. Thông qua báo cáo tổng kết, các chuyên đề về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT để đề xuất các biện pháp phòng ngừa loại tội phạm này.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, bình luận, quy nạp, diễn dịch: từ các thông tin, tài liệu thu thập được, tiến hành phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch để làm rõ tình hình tội phạm; nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm; thực trạng hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam. Thông qua việc phân tích, tổng hợp, quy nạp để làm rõ những điểm đặc trưng, bản chất của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: nghiên cứu, đánh giá các tài liệu có liên quan đến đề tài luận án, phục vụ cho việc xây dựng luận cứ lý thuyết và luận cứ thực tiễn cho đề tài luận án.

- Phương pháp chuyên gia: tổ chức lấy ý kiến một số nhà khoa học có chuyên môn sâu về lĩnh vực nghiên cứu để bổ sung, hoàn chỉnh kết quả nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: ngoài việc nghiên cứu chung, luận án còn tập trung nghiên cứu những vụ án điển hình, nghiên cứu thực trạng hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam để rút ra những đặc điểm đặc trưng về các tội xâm phạm quyền SHTT và hoạt động phòng ngừa các tội phạm này.

- Phương pháp trao đổi, tọa đàm: tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm nhằm thu thập thông tin từ các cán bộ của các cơ quan tư pháp có nhiều kinh nghiệm trong việc đánh giá về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, cũng như có những biện pháp hữu ích được áp dụng trong phòng ngừa loại tội phạm này.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Luận án sẽ có những đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

Thứ nhất, luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện, làm rõ hơn những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Thứ hai, luận án phân tích, làm rõ được các thông số phản hiện và đánh giá phản ánh cùng những nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Thứ ba, luận án phân tích làm rõ thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT và đánh giá kết quả phòng ngừa đạt được, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót đó.

Thứ tư, luận án dự báo về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới.

Thứ năm, luận án đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, các biện pháp này bao gồm việc tăng cường, thống nhất nhận thức phòng ngừa; hoàn thiện tổ chức lực lượng phòng ngừa; tăng cường hiệu quả việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa; xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường quan hệ phối hợp giữa các chủ thể.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Với việc tổng hợp, xây dựng hệ thống lý luận phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, luận án là công trình nghiên cứu sẽ trang bị về mặt lý luận cho hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Những điểm mới của luận án sẽ góp phần hoàn thiện về mặt lý

luận về phòng ngừa không chỉ riêng các tội xâm phạm quyền SHTT mà còn hoàn thiện lý luận về phòng ngừa các tội phạm khác, phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng, tham khảo trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. Luận án còn là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, giảng viên, sinh viên có quan tâm và những cán bộ đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tội phạm.

7. Cấu trúc của luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được cấu trúc thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

Chương 3: Thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

Chương 4: Dự báo và các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước liên quan đến đề tài

Trong thời gian gần đây tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có nhiều diễn biến phức tạp, đã và đang thu hút nhiều sự quan tâm của cộng đồng quốc tế và rất nhiều tổ chức, nhà nghiên cứu tội phạm học ở các quốc gia như: Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Australia, Cộng hòa liên bang Đức... Với nhiều cấp độ nghiên cứu và khía cạnh khác nhau về các tội xâm phạm quyền SHTT, các nhà nghiên cứu đã đưa ra không ít những luận cứ khoa học, những biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các tội xâm phạm quyền SHTT. Trong số đó, có nhiều công trình mang tính khái quát cao ở tầm quốc gia và có liên quan trực tiếp đến nội dung đề tài luận án. Tuy nhiên, sự khác biệt về chế độ chính trị, truyền thống pháp luật và tổ chức bộ máy nên mỗi quốc gia lại có cách thức phòng ngừa tội phạm khác nhau. Qua nghiên cứu một số công trình cho thấy, hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa một số loại tội phạm cụ thể luôn là đối tượng nghiên cứu của khoa học pháp lý và tội phạm học, trong đó có một số công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền SHTT như sau:

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề dưới góc độ luật hình sự

- Cuốn sách “*Các tội phạm về sở hữu trí tuệ*” (Intellectual Property Crimes) đăng trên Tạp chí Luật hình sự Hoa Kỳ (American Criminal Law Review) số 41:809 (2004) [225] của tác giả Onimi Erekosima và Brian Koosed. Các tác giả đề cập đến các tội phạm về SHTT dưới góc độ luật hình sự theo pháp luật Hoa Kỳ. Các tội phạm như chiếm đoạt bí mật thương mại, giả mạo nhãn hiệu hàng hóa, xâm phạm QTG, giả mạo sáng chế, tội phạm liên quan đến các tác phẩm nghệ thuật có giá trị đã được các tác giả phân tích từ dấu hiệu pháp lý đến các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự và hình phạt quy định. Việc phân tích dấu hiệu pháp lý của tội phạm cho thấy những tội phạm này có thể được thực hiện bởi các tổ chức, doanh nghiệp. Các tác giả bình luận về việc quyết định hình phạt đối với tội phạm này theo luật thành văn và theo các án lệ.

- “*Sổ tay luật sư Hoa Kỳ*” (USAM), Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Các quy định về kết án, Hội thảo về thực thi quyền SHTT dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán, (2007) [233]. Công trình đã khẳng định tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi xâm phạm được thể hiện bởi các hệ số thông thường, trong đó quan trọng nhất là mối đe dọa tiềm năng của hành vi đó đối với sức khỏe và sự an toàn, khối lượng xâm phạm, số lượng doanh thu và lợi nhuận, số người tham gia, mức độ tội phạm có tổ chức, mức độ tổn thất hoặc tổn thất tiềm năng của nạn nhân. Khi hành vi của đối tượng vi phạm có tính liên tục, nguy hiểm, vụ lợi, lừa đảo hoặc chiếm hữu thì việc áp dụng các

biện pháp chế tài phi hình sự sẽ không đủ mạnh để xử lý toàn bộ các đặc điểm sai trái của hành vi đó. Trong trường hợp này cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Truy cứu trách nhiệm hình sự có tác dụng hơn trong việc ngăn chặn các hành vi tái phạm của các đối tượng. Các quy định về hành vi tái phạm trong luật pháp về SHTT và Tài liệu hướng dẫn về hoạt động kết án của Hoa Kỳ đều quy định rằng mọi hành vi tái phạm đều cần phải bị trừng phạt cứng rắn hơn.

Ngoài tiền án của đối tượng vi phạm, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét cả hành vi vi phạm về mặt dân sự trước đó của đối tượng đối với quyền SHTT. Nếu đối tượng coi các chế tài dân sự chỉ là chi phí kinh doanh thì việc áp dụng các chế tài hình sự là hoàn toàn cần thiết. Để xác định các hành vi vi phạm về mặt dân sự trước đó của đối tượng đối với quyền SHTT, cần căn cứ vào các hồ sơ tố tụng dân sự, bộ phận pháp lý của bên bị hại và các điều tra viên tư nhân và bất cứ cơ quan bảo vệ khách hàng nào mà khách hàng có thể khiếu nại. Pháp luật Hoa Kỳ quy định cần đặc biệt cân nhắc khi quyết định kết tội các công ty và tổ chức kinh doanh khác. Các công ty và tổ chức kinh doanh khác thường được bị sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quyền SHTT.

- Theo “*Mẫu cáo trạng và hướng dẫn của bồi thẩm đoàn về các hành vi giả mạo nhãn hiệu*” (2007) [233] thì để kết tội một người với tội buôn lậu hàng hóa/dịch vụ giả mạo vi phạm Điều 18, Mục 2320 (a) của BLHS Hoa Kỳ, công tố viên phải chứng minh, làm rõ các nội dung sau:

- + Bị cáo đã buôn lậu hoặc có ý định buôn lậu hàng hóa/dịch vụ giả mạo: khái niệm buôn lậu được hiểu là vận chuyển, chuyển giao hoặc dùng vào việc khác cho người khác, để đổi lấy thứ có giá trị.

- + Hành vi buôn lậu là cố ý. Hành vi được coi là “cố ý” nếu nó được thực hiện có tính toán hoặc có mục đích. Tuy nhiên, công tố viên không cần chứng minh rằng bị cáo đã cố ý định phạm tội mà chỉ cần chứng minh rằng hành vi của bị cáo là có tính toán hoặc có mục đích.

- + Bị cáo đã sử dụng một nhãn hiệu giả mạo hoặc liên quan tới hàng hoá/dịch vụ đó. Nhãn hiệu giả mạo là nhãn hiệu sai, không thật hoặc không xác thực. Nó trông giống hệt hoặc không khác biệt về cơ bản so với nhãn hiệu đang được sử dụng và đã được đăng ký sử dụng cho các hàng hóa và dịch vụ đó trong sổ đăng ký chính của Văn phòng Nhãn hiệu và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và nhãn hiệu giả mạo là một nhãn hiệu mà việc sử dụng nhãn hiệu đó sẽ có khả năng gây nhầm lẫn, hiểu lầm hoặc lừa dối.

Để xác định về khả năng gây nhầm lẫn, phải cân nhắc nhiều yếu tố bao gồm loại nhãn hiệu, sự giống nhau về kiểu dáng, loại sản phẩm, danh tính của các nhà bán lẻ và người

mua, sự giống nhau của các phương tiện quảng cáo, dự tính của bị cáo và bất cứ sự nhầm lẫn nào trên thực tế. Quy định của pháp luật không yêu cầu phải chứng minh rằng những người mua hàng trực tiếp có thể bị nhầm lẫn, hiểu lầm hay bị lừa dối mà chỉ cần chứng minh rằng bất cứ một người mua hàng nào trong công chúng, kể cả người chỉ nhìn thấy sản phẩm sau khi mua có thể bị nhầm lẫn, hiểu lầm hoặc lừa dối là đủ. Chính vì thế, nếu người bán hàng nói ngay với người mua rằng sản phẩm của anh ta không phải là hàng xịn thì hành vi đó không bị coi là tội phạm. Để xác định khả năng gây nhầm lẫn, chỉ cần kiểm tra xem một khách hàng bình thường khi kiểm tra sản phẩm có bị lừa dối bởi sự tin tưởng rằng sản phẩm đó được sản xuất bởi chính chủ sở hữu nhãn mác thật hay không.

+ Bị cáo ý thức được rằng nhãn hiệu mà mình sử dụng là nhãn hiệu giả. Điều này có nghĩa là bị cáo có biết hoặc có cơ sở để tin rằng nhãn hiệu mà mình sử dụng là nhãn hiệu giả. Có thể chứng minh yếu tố này bằng các chứng cứ gián tiếp, như phương pháp mua hàng, cách thức giao hàng, các thỏa thuận về đóng gói và đặc biệt là mức giá thấp một cách bất bình thường...

- Cuốn sách “*Chứng cứ*” (Tái bản lần thứ hai) của tác giả Roderick Munday, Nxb Fitzwilliam College, Cambridge, năm 2003 [228]. Công trình đi sâu phân tích những nội dung cơ bản của luật chứng cứ cũng như tư duy sáng tạo trong việc áp dụng luật chứng cứ của Vương quốc Anh. Tác giả cũng đã phân tích các đặc điểm về nhân thân, trong đó đưa ra các tiêu chí xác định một người có nhân thân tốt là: (1) nếu bị cáo không có tiền án nào, thì theo luật Anh được coi là một căn cứ để xác định bị cáo là người có nhân thân tốt; (2) Tòa án có quyền bỏ qua hành vi vi phạm nào đó của bị cáo khi xác định liệu anh ta có đáng được coi là người có nhân thân tốt hay không; (3) trường hợp bị cáo có một tiền án nhưng đó là bản án về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc về các tội có tính chất khác xa với tội phạm đang bị truy tố hoặc bị cáo là người đã cao tuổi hoặc đã thi hành xong hình phạt, thì Tòa án vẫn có thể không tính để xác định nhân thân xấu.

Nếu bị cáo có nhân thân tốt thì bị cáo chứ không phải là thẩm phán phải đưa ra tình tiết đó. Sau đó, thẩm phán có nghĩa vụ hướng dẫn cho bồi thẩm đoàn về tầm quan trọng của tình tiết này.

- “*Giới thiệu về luật hình sự xuyên quốc gia*” (An Introduction to Transnational Criminal Law) của Neil Boister, Nxb Oxford University Press, 2012 [221]. Nội dung cuốn sách làm rõ những quy định trong các văn kiện quốc tế khuyến nghị các quốc gia hình sự hóa các hành vi phạm tội mang tính chất xuyên biên giới, xuyên quốc gia và quy định của pháp luật tố tụng hình sự để xử lý các tội phạm này. Công trình cũng đề cập đến lý luận tội phạm học và vấn đề phòng, chống tội phạm thông qua sử dụng công cụ pháp lý là các

hiệp ước đa phương và các Nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, trong đó tập trung vào một số loại tội phạm xuyên quốc gia, như: cướp biển, mua bán người, tội phạm ma túy, khủng bố, rửa tiền, tội phạm mạng, tội phạm môi trường, buôn bán vũ khí, đặc biệt là tội phạm mới nổi là nhóm tội xâm phạm quyền SHTT.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học

- *“Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại”* (Crime and criminology in Japan) của Can Uea, Nxb Tiến Bộ, Moskva, năm 1989 [193]. Tác giả cho rằng tội phạm học không phải là khoa học duy nhất nghiên cứu tội phạm. Tội phạm là đối tượng nghiên cứu của một số ngành khoa học khác như: Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Xã hội học,... Khái niệm tội phạm học mà tác giả đưa ra là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh, phòng chống. Tác giả đã nghiên cứu nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, đưa ra các điều kiện cá nhân và xã hội của tội phạm như giới tính, lứa tuổi. Tác giả cũng chỉ ra những hạn chế trong quá trình đô thị hóa xã hội, quá trình phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, sự di cư, tập trung dân cư do quá trình đô thị hóa đã gây ra sự xáo trộn trong xã hội, gây ra sự mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội, hạn chế sự đoàn kết dân cư trong khu vực về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

- *“Tội phạm học - Cốt lõi”* (Criminology - The Core) của Larry Siegel, Nxb Cengage Learning, năm 2014 [214]. Tác giả đã công bố những luận điểm về tội phạm, tập trung xoay quanh mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội, giữa nạn nhân với nạn nhân, bao hàm trên các lĩnh vực nghiên cứu về phạm vi, bản chất, đặc điểm người phạm tội và nguy cơ từ những người này, phương pháp kiểm soát đối với những nguy cơ đó. Tác giả đã đưa ra những nghiên cứu một cách tổng thể về lý thuyết cơ cấu xã hội, xung đột xã hội nghiêm trọng giữa tội phạm và công lý, các lý thuyết phát triển về thiên hướng và quy luật tội phạm... Trong tác phẩm này, tác giả đã phân tích, giải quyết được nhiều điểm giao nhau giữa tính hợp pháp chính trị, pháp luật với bạo lực chính trị và hoạt động tội phạm. Đây là công trình nghiên cứu toàn diện về tội phạm và là kết quả của những nghiên cứu về mối quan hệ giữa nạn nhân và tội phạm, nạn nhân với nạn nhân, dự báo về các nguy cơ tái phạm đối với một số loại tội phạm và hướng xử lý đối với nguy cơ đó. Công trình này có ý nghĩa lớn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa tội phạm và ngăn chặn nguy cơ tái phạm đối với các tội xâm phạm quyền SHTT.

- *“Giới thiệu về tội phạm và tội phạm học”* (An introduction to Crime and Criminology), sách chuyên khảo của Hennessy Hayes và Tim Prenzler, xuất bản tại Pearson Australia, năm 2014 [207]. Bằng việc phân tích và tổng hợp những quan điểm

khác nhau của cá nhân, cơ quan có uy tín của Australia trong lĩnh vực nghiên cứu về nhân thân người phạm tội, về tình hình tội phạm, các tác giả cho rằng, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố tiêu cực từ phía người bị hại, từ môi trường cộng đồng xã hội, từ chính sách pháp luật của quốc gia, từ môi trường giáo dục... Các tác giả đã đưa ra các chiến lược, phương pháp phòng ngừa, quy trình đấu tranh đối với một số loại tội phạm cụ thể; đưa ra những khuyến nghị cho công tác giáo dục, đào tạo của các cơ quan, tổ chức trong tuyên truyền giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

- *“Điều tra hình sự - Phương pháp dựng lại quá khứ” (Criminal Investigation - A Method for Reconstructing the Past)* của các tác giả James W. Osterburg và Richard H. Ward, Nxb Routledge, năm 2013 [210]. Công trình có nội dung bàn về các nguyên tắc cơ bản trong đấu tranh, phòng chống tội phạm và đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho việc áp dụng các nguyên tắc đó trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm. Các tác giả đã đưa ra phương pháp truyền thông trong việc xây dựng lại một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, dựa trên ba nguồn chính là: thông tin - người, hồ sơ và bằng chứng cụ thể. Việc thu thập thông tin từ người dân, bao gồm cả khai thác các phương tiện truyền thông xã hội hiện nay đang được sử dụng phổ biến trong cộng đồng xã hội để thu thập, củng cố chứng cứ pháp lý, đấu tranh với tội phạm. Mặt khác, thông qua các kênh thông tin này nhằm xây dựng được một hệ thống các biện pháp phòng ngừa từ xa đối với các hành vi phạm tội, nhất là xây dựng ý thức phòng ngừa từ phía nạn nhân trong các vụ án xâm phạm quyền SHTT.

- *“Phòng ngừa tội phạm - Lý luận và thực tiễn” (Crime prevention - Theory and Practice)* của Stephen R. Schneider [234]. Tác giả cho rằng, việc phòng ngừa tội phạm được thực hiện thông qua hoạt động phát triển xã hội cho thanh, thiếu niên và người lớn thông qua cộng đồng xã hội. Tác giả đã giải thích một cách khoa học về hoạt động phòng ngừa tội phạm, như: giảm nguy cơ phạm tội bằng cách thay đổi hành vi của các nạn nhân tiềm tàng trong xã hội; giám sát mọi cơ hội tiếp cận để phòng ngừa hành vi phạm tội; các biện pháp kiểm soát lãnh thổ, không gian, kiểm soát xã hội không chính thức, nhằm giảm những nguyên nhân, điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm. Tác giả chỉ ra những hạn chế và cách giải quyết những hạn chế của việc áp dụng các biện pháp giải quyết vấn đề xã hội cho người phạm tội, tập trung phòng ngừa tái phạm, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong phòng ngừa tội phạm.

- *“Cẩm nang về tội phạm” (Handbook on crime)* của tác giả Fiona Brookman, Nxb Willan, năm 2010 [204]. Tác giả đã tổng hợp kết quả trong các công trình nghiên cứu của nhiều nhà tội phạm học nổi tiếng trên thế giới, như: Công trình *“Những hiểu biết và giải quyết tình trạng trộm cắp hàng hóa trong các chợ” (Understanding and tackling*

stolen goods markets) của tác giả Mike Sutton; Công trình “*Hàng giả*” (Fakes) của các tác giả Scams và Simon Mackenzie; Công trình “*Tội phạm mạng*” (Cybercrime) của Matthew Williams;... Tổng hợp kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học này, tác giả đưa ra những nguyên nhân khái quát của các nhóm, loại tội cụ thể trong đó có tội phạm mạng, hàng giả, trốn thuế thu nhập và gian lận. Trên cơ sở đó, tác giả khuyến cáo những biện pháp nhằm phòng, chống có hiệu quả đối với từng nhóm, loại tội phạm, trong đó có các biện pháp phòng, chống tình hình tội phạm mạng, hàng giả, trốn thuế thu nhập, gian lận và tội xâm phạm quyền SHTT.

- “*Tìm hiểu về tội phạm Cổ cồn trắng*” (Understanding White Collar Crime) của tác giả J. Kelly Strader, Nxb Trường luật Lexis Nexis, tái bản lần thứ 3, năm 2011 [209]. Tác giả nghiên cứu về tội phạm cổ cồn trắng từ các góc độ: tội phạm học, luật hình sự và điều tra tội phạm theo Luật hình sự của Hoa Kỳ. Tác giả đã tổng kết những tranh luận xung quanh khái niệm “tội phạm cổ cồn trắng”. Tác giả cũng đề cập đến hai loại quan điểm trái chiều về bản chất của loại tội phạm này và khẳng định các tội phạm cổ cồn trắng là những hành vi trái pháp luật và đạo đức, vi phạm trách nhiệm được ủy thác từ niềm tin của công chúng được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức có địa vị cao, được tôn trọng trong xã hội. Dấu hiệu đặc trưng cơ bản của tội phạm cổ cồn trắng là chủ thể thực hiện tội phạm gắn với hoạt động nghề nghiệp của họ. Tác giả cũng tập trung vào việc xác định trách nhiệm hình sự của pháp nhân phạm tội, như: xác định thế nào là hành động nhân danh pháp nhân, xác định các dấu hiệu chủ quan, xác định trách nhiệm của nhân viên và đại lý của pháp nhân.

- “*Những người phạm tội bội tín - Tội phạm cổ cồn trắng trong xã hội đương thời*” (Trusted Criminal - White Collar Crime in Contemporary Society) của David O. Friedrichs, Nxb Wadsworth, Cengage Learning, tái bản lần thứ 4, 2010 [199]. Từ góc độ tội phạm học, tác giả tìm hiểu và đưa ra những phát hiện về bản chất của tội phạm này, đánh giá sự phát triển và mức độ phổ biến của tội phạm cổ cồn trắng trên cơ sở các chỉ số về tình hình tội phạm, phản ánh nhận thức của công chúng về tội phạm này, xác định nạn nhân của tội phạm, đánh giá tổn thất mà chúng gây ra, lý giải các lý thuyết về tội phạm này và đưa ra các biện pháp sử dụng pháp luật và biện pháp kiểm soát xã hội đối với tội phạm thông qua việc chính sách và luật hóa những cách thức phòng, chống tội phạm này. Tác giả cũng đi sâu vào phân tích vấn đề về trách nhiệm hình sự của tổ chức đối với tội phạm cổ cồn trắng, trong đó nhấn mạnh hành vi của tội phạm doanh nghiệp như: phá hủy môi trường, xâm phạm quyền SHTT, buôn lậu... .

- “*Điều tra và phòng ngừa tội phạm tài chính - Quản lý thông tin, Chiến lược tình báo và lãnh đạo điều hành*” (Investigation and Prevention of Financial Crime - Knowledge

Management, Intelligence Strategy and Executive Leadership) của Petter Gottschalk, Nxb Gower Publishing Company, Burlington, USA, 2010 [227]. Tác giả xác định phạm vi các tội phạm tài chính bao gồm: gian lận, trộm cắp tài chính, thao túng thị trường và tham nhũng trong lĩnh vực tài chính, các tội phạm về thuế và chứng khoán, tội xâm phạm quyền SHTT, rửa tiền... Tác giả đưa ra một số đặc điểm của nhóm tội phạm này như: có tính chất gian dối, thực hiện một cách cố ý, hành vi mang tính bội tín, thường gây thiệt hại vật chất và thường mang tính che giấu.

- *“Chống tội phạm có tổ chức - Sách về các vụ án buôn lậu và hàng giả”* (Against Organized Crime - Interpol's trafficking and counterfeiting Casebook) của Interpol, giới thiệu và được truy cập tại trang web của Interpol: www.interpol.int. Cuốn sách đưa ra hai nội dung quan trọng là Chương trình của Interpol về chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng cấm và Chương trình trợ giúp của Interpol đối với các quốc gia trong việc thực thi pháp luật xử lý loại tội phạm này. Các tội phạm nguy hiểm được đề cập đến và được dẫn chứng bằng các vụ việc cụ thể ở một số quốc gia như sản xuất và buôn bán hàng giả là thực phẩm, đồ uống, dược phẩm giả, các loại sản phẩm xa xỉ bị làm giả (hàng giả xâm phạm quyền SHCN).

- *“Pháp luật Nhật Bản điều chỉnh các tội phạm kinh tế”* (Japanese Laws regulating Economic Crimes) của tác giả Motoo Noguchi trong tập hợp Luật Nhật Bản, Tập 2: 1997-1998 do Cơ quan Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JICA) phát hành, Nxb Thanh Niên, 1998 [220]. Tác giả xác định khái niệm tội phạm kinh tế không phải là thuật ngữ pháp lý mà là một cách diễn đạt chung chung về các tội phạm xảy ra trong hay liên quan tới các giao dịch kinh tế hoặc hệ thống kinh tế xã hội. Tác giả đề cập tới các loại tội phạm phổ biến nhất được xem là tội phạm kinh tế tại Nhật Bản là tội xâm phạm quyền SHTT, các tội xâm phạm tài sản, các tội phạm về thuế, chứng khoán, các tội phạm doanh nghiệp, các tội xâm phạm trật tự thị trường.

- *“Tội phạm sở hữu trí tuệ”* (Intellectual Property Crimes) của các tác giả Sean Lavin, Tracey Klees, Daye Lee, Scott Mah, Caroline Marshall, Ellen Watlington, American Criminal Law Review 56, no. 3 - Annual Survey of White Collar Crime (Summer 2019) [231] cũng có định hướng nghiên cứu tổng hợp như trên, cụ thể: nghiên cứu này xem xét các lĩnh vực chính của luật SHTT bao gồm: Phần I cung cấp các căn cứ để truy tố hình sự; Phần II kiểm tra hành vi trộm cắp bí mật thương mại; Phần III thảo luận về việc làm giả nhãn hiệu; Phần IV kiểm tra vi phạm bản quyền; Phần V kiểm tra vi phạm bằng sáng chế; Phần VI xem truyền hình cáp và giải mã vệ tinh; Phần VII mô tả kết án cho tội phạm SHTT.

Ở tầm nghiên cứu chính sách, công trình của Peter N. Fowler (Office of Policy and International Affairs, United States Patent and Trademark Office (USPTO)), Teerin Charoenpot (USPTO Regional Intellectual Property Attaché), Cheepchanok Chernkwanma (USPTO Regional Intellectual Property Attaché) (2015), *"ASEAN and Intellectual Property: Will a Complicated History Lead to a Certain Future?"*, Loyola of Los Angeles International and Comparative Law Review, Vol 40:2 (tạm dịch: Peter N. Fowler (Văn phòng Chính sách và Quốc tế, Văn phòng Bằng sáng chế và Thương hiệu Hoa Kỳ (USPTO)), Teerin Charoenpot (Tùy viên SHTT khu vực USPTO), Cheepchanok Chernkwanma (Tùy viên SHTT khu vực USPTO) (2015), *"Tài sản: Liệu một lịch sử phức tạp sẽ dẫn đến một tương lai nào đó?"*, Loyola của Los Angeles International và Tạp chí Luật so sánh, Tập 40: 2) chia sẻ các nội dung trong các hiệp định thương mại tự do như RCEP, TPP về SHTT; đánh giá yếu tố tương thích với quy định của các quốc gia; ảnh hưởng của các quốc gia như Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, WIPO đến vấn đề SHTT tại khu vực Đông Nam Á; những thách thức trong vấn đề hài hòa hóa luật SHTT; các nghiên cứu trường hợp đã chỉ ra bốn ví dụ điển hình về cách các nước ASEAN giải quyết các vấn đề về bảo vệ và thực thi SHTT, và tạo ra mô hình ảnh hưởng cho các quốc gia láng giềng của họ. Các chính sách, kế hoạch lớn của những quốc gia đều thể hiện những tham vọng nhất định trong việc khẳng định vị thế quốc gia trong phạm vi khu vực, ảnh hưởng từ SHTT dẫn đến những vấn đề về pháp lý, kinh tế đối với các quốc gia khác nhưng cũng không thể tránh khỏi những thách thức toàn khu vực nói chung đó là các vấn đề về vi phạm quyền SHTT. Những chính sách trên sẽ góp phần cung cấp định hướng chung về phát triển SHTT của các quốc gia trong khu vực mà Việt Nam là một trong các thành viên, những sách lược này có thể là cơ sở để Việt Nam đánh giá, nghiên cứu và đưa ra chiến lược tổng thể về SHTT trong đó có những vấn đề về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới.

- *"Tội phạm sở hữu trí tuệ trên mạng lưới Darknet" (Intellectual property crime on the Darknet)* của Cơ quan Hợp tác Thực thi pháp luật Liên minh Châu Âu, năm 2017, Eisenhowerlaan 73, 2517 KK The Hague, Hà Lan [202]. Công trình đã khái quát về Darknet giống như một mặt tối phía bên kia của Internet, một thế giới đầy rẫy tội phạm và vô chính phủ với những đặc trưng dễ dàng truy cập và sử dụng, cho phép tội phạm ẩn danh và cung cấp các khả năng cho nhóm tội phạm (buôn bán các loại hàng hóa và dịch vụ bất hợp pháp), đồng thời tạo ra lợi nhuận đáng kể. Thị trường Darknet cũng ngày càng hấp dẫn cho tội phạm liên quan đến các tội xâm phạm quyền SHTT. Công trình đã cho thấy một khía cạnh khác của thực trạng vi phạm bản quyền ở phương thức,

địa bàn, hoạt động trong kỷ nguyên công nghệ mới. Có thể nói, đây là công trình có giá trị thực tiễn lớn cho nghiên cứu dự báo về các tội xâm phạm quyền SHTT trong tương lai.

- “*Đánh giá mối đe dọa tội phạm sở hữu trí tuệ 2019*” (Intellectual property crime threat assessment 2019) của Europol và Văn phòng SHTT Liên minh châu Âu [203]. Báo cáo đã cung cấp một đánh giá độc đáo về các mối đe dọa và tác động mới nổi của các tội xâm phạm quyền SHTT ở Liên minh Châu Âu. Báo cáo này được xây dựng dựa trên các báo cáo tình hình cùng phát triển của năm 2015 và 2017, tiếp tục những hoạt động hợp tác tích cực giữa Europol và EUIPO trong cuộc chiến chống lại hàng giả và vi phạm bản quyền. Đây là một tài liệu chiến lược cung cấp đánh giá về xu hướng mới nhất và tác động hiện tại của tội phạm SHTT trong Liên minh Châu Âu, cũng như sự tham gia của tổ chức nhóm tội phạm nhằm mục đích thông báo cho những người ra quyết định ở cấp chiến lược, hoạch định chính sách và chiến thuật trong đấu tranh chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Một số nghiên cứu khác lại hướng đến đánh giá thực trạng các tội xâm phạm quyền SHTT trên phạm vi toàn cầu được tổng kết ở thời điểm gần nhất có thể kể đến như: “*Báo cáo tội phạm sở hữu trí tuệ và việc thực thi 2017/18*” (IP crime and enforcement report 2017/18 by Intellectual property office) của Tổ chức SHTT cho thấy những thành công và bằng chứng thực tiễn tốt nhất trong cuộc chiến chống tội phạm về SHTT. Thông điệp quan trọng cho tất cả những người liên quan đến việc thực thi quyền SHTT là tội phạm SHTT kết nối địa phương với toàn cầu, khuyến khích sự tôn trọng công khai hơn đối với quyền SHTT.

- “*Nguyên nhân và phòng ngừa các tội xâm phạm SHTT*” (Causes and Prevention of Intellectual Property Crime) của Nicole Leeper Piquero, Trends in Organized Crime 8(4) [223, tr.40-61]. Công trình đã làm rõ khái niệm các tội xâm phạm quyền SHTT, trong đó làm rõ bốn loại SHTT là bằng sáng chế, thương hiệu, bí mật thương mại và bản quyền, trong đó nhấn mạnh tình trạng xâm phạm thông qua sao chép phần mềm, phim, trò chơi điện tử và bản thu âm nhạc gây thiệt hại nghiêm trọng cho các nhà xuất bản và các chủ sở hữu các tài sản trí tuệ. Để phòng ngừa có hiệu quả các tội xâm phạm quyền SHTT, bài viết nhấn mạnh các nội dung: cần làm rõ phạm vi xâm phạm quyền SHTT bị xử lý hình sự và các biện pháp khác; cần làm rõ nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội; và kiến nghị các giải pháp hữu hiệu để kiểm soát và ngăn chặn tình trạng xâm phạm thông qua việc lạm dụng và trộm cắp các tài sản SHTT.

- “*Các nguyên tắc tội phạm học đặc biệt về phòng chống tội phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ*” (Special criminological principles of crime prevention in the field of intellectual property) của các tác giả Tamara Hubanova, Rostyslav Shchokin, Oleh Hubanov, Pavlo Slobodianiuk, Serhii Drobotov, đăng trên International Journal of

Management, Volume 11, Issue 7, July 2020 [236, tr. 938-952]. Công trình đã hệ thống hóa các nguyên tắc tội phạm học đặc biệt trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT. Công trình đã sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nghiên cứu đầy đủ, toàn diện đặc điểm tội phạm học của các tội xâm phạm quyền SHTT. Phương pháp logic và ngữ nghĩa được sử dụng để làm rõ quy định của pháp luật hiện hành cũng như các chính sách trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT. Phương pháp so sánh được sử dụng để nghiên cứu cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Phương pháp mô hình hóa được sử dụng để so sánh mô hình lập pháp trong phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT của Ukraine với các quốc gia khác và pháp luật quốc tế. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, công trình kết luận: phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT cần được thực hiện thường xuyên, liên tục; phòng ngừa không tách rời hoạt động chống tội phạm. Mặt khác, hoạt động phòng ngừa cần hướng vào việc ngăn chặn các hành vi phạm tội có khả năng xảy ra trong tương lai. Để phòng ngừa có hiệu quả các tội xâm phạm quyền SHTT cần phải hiện đại hóa hệ thống SHTT quốc gia, hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường giáo dục để nâng cao khả năng tự bảo vệ tài sản SHTT.

Như vậy, qua việc nghiên cứu ở một số nước cho thấy, đã có một số công trình nghiên cứu về nguyên nhân, điều kiện, tình hình tội phạm, nghiên cứu về hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, các công trình đã lập luận và biện giải những vấn đề cần thiết phải được hoàn thiện để phòng ngừa có hiệu quả đối với các tội xâm phạm quyền SHTT. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của một số công trình đã công bố ở các nước nêu trên còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề như: cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng hệ thống các biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT. Nhiều vấn đề mới chỉ dừng lại ở mức độ thông tin, chưa đi sâu vào vấn đề cụ thể mà luận án sẽ đề cập là phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và quyền sở hữu trí tuệ

Tính đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến các tội xâm phạm quyền SHTT dưới góc độ luật hình sự. Các công trình khoa học tiêu biểu thuộc nhóm này có thể kể đến như sau:

Nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền SHTT trước hết phải kể đến hệ thống giáo trình, bình luận khoa học, sách chuyên khảo, trong đó, Bình luận khoa học BLHS là một nguồn tài liệu nghiên cứu chuyên sâu pháp luật hình sự thực định. Nội dung chủ yếu của các công trình này là phân tích, làm rõ, trình bày các quan điểm khoa học về quy định

của pháp luật hình sự (một hình thức giải thích pháp luật); đánh giá quy định của pháp luật hình sự hiện hành, một số nghiên cứu đưa ra kiến nghị về việc điều chỉnh quy định của pháp luật, liên quan đến các tội xâm phạm quyền SHTT có thể kể đến như: “*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (phần các tội phạm)*” do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên - Nxb Tư pháp năm 2018; “*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 - sửa đổi, bổ sung năm 2017 - Phần các tội phạm*” của tập thể tác giả PGS.TS. Trần Văn Luyện, PGS.TS. Phùng Thế Vắc, TS. Lê Văn Thu, TS. Nguyễn Mai Bộ, TS. Nguyễn Ngọc Hà, LS. ThS. Phạm Thanh Bình, LS. Phạm Thị Thu - Nxb CAND năm 2017; “*Bình luận khoa học phần các tội phạm Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017*” của tác giả Nguyễn Ngọc Điệp biên soạn - Nxb Thế giới năm 2017; “*Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*” do TS. Nguyễn Đức Mai chủ biên - Nxb Chính trị quốc gia, sự thật năm 2018; “*Hệ thống pháp luật Hình sự Việt Nam - Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*” do PGS.TS. Cao Thị Oanh và TS. Lê Đăng Doanh chủ biên - Nxb Hồng Đức năm 2017... Các nghiên cứu đã khái quát chung từng chương các tội phạm cũng như nghiên cứu từng tội danh theo quy định của BLHS hiện hành. Trong phần bình luận mỗi tội phạm cụ thể, các tác giả luận giải những dấu hiệu pháp lý thông qua việc phân tích bốn yếu tố cấu thành tội phạm; giải thích các dấu hiệu thuộc cấu thành tăng nặng của tội danh, trình bày quy định về chế tài đối với mỗi trường hợp phạm tội. Một số công trình có những bình luận sâu, thuyết phục trong việc phân biệt các tội danh với nhau như tác giả có phân biệt giữa tội sản xuất buôn bán hàng giả với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; phân biệt tội sản xuất, buôn bán hàng giả với tội xâm phạm quyền SHCN. Bên cạnh đó, cũng có những quan điểm không thống nhất, đặc biệt là trong phân tích các hành vi khách quan của tội phạm này theo quy định của Luật SHTT với quy định của BLHS hiện hành, có những nghiên cứu chưa cập nhật được quy định mới trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật.

- “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*” của Nguyễn Chí Công (2016), Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội [50]; bằng cách tiếp cận có hệ thống, luận án đã giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trên tất cả các khía cạnh lý luận, thực tiễn để đưa ra kiến nghị nhằm bảo đảm chất lượng áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trong đó có các tội xâm phạm quyền SHTT đáp ứng yêu cầu đấu tranh, xử lý tội phạm trong tình hình hiện nay.

- “*Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*” của Trần Văn Hải (2021), Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.[83] Tác giả đã trình bày những biểu hiện cụ thể của chính sách thông qua quy định của BLHS (khái quát và luận giải về lịch sử lập pháp hình sự, phân tích tiêu chí coi một hành vi là tội xâm phạm quyền SHTT, quy định về hình phạt...). Về thực tiễn, luận án đã đánh giá được thực trạng thể hiện của chính sách về tội phạm và hình phạt đối với các tội xâm phạm quyền SHTT; đánh giá được thực trạng thực hiện chính sách pháp luật hình sự để phát hiện, xử lý và áp dụng hình phạt đối với nhóm tội phạm này. Trên cơ sở xác định được những rào cản, hạn chế và khó khăn, luận án đã đề xuất, gợi mở những giải pháp thiết thực, phù hợp nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự đối với các tội xâm phạm quyền SHTT, góp phần đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các tội phạm này.

- “*Các tội phạm về hàng giả theo pháp luật hình sự Việt Nam*” của Phạm Tài Tuệ (2019), Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội. [143,] Tác giả tuy không trực tiếp nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền SHTT nhưng nghiên cứu đã chỉ ra những khác biệt về lý luận và thực tiễn giữa tội phạm về hàng giả với tội xâm phạm quyền SHCN.

- “*Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam*” của Hà Thị Nguyệt Thu (2018), Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. [135] Tuy không trực tiếp nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự hiện hành về các tội xâm phạm quyền SHTT nhưng tác giả đã đưa ra được những nhận định khái quát về quy định của pháp luật hiện hành về hành vi xâm phạm quyền SHCN. Trong đó, tác giả làm rõ được một số bất cập trong cách quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm cả pháp luật hình sự), vấn đề phân biệt ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm trong lĩnh vực SHCN.

Một số công trình khác nghiên cứu những hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT, có thể kể đến như bài viết “*Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong Bộ luật Hình sự năm 2015*” của tác giả Lê Đình Duy trên Tạp chí Kiểm sát số 20 năm 2018; bài viết “*Giải pháp khắc phục rào cản về thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự*” của tác giả Trần Văn Hải trên Tạp chí Nghề Luật số 01/2019; bài viết “*Một số vướng mắc, hạn chế trong xác định dấu hiệu định tội đối với các tội xâm phạm sở hữu trí tuệ theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam*” của tác giả Mai Thị Thanh Nhung, Tạp chí Nghề luật, số 2/2022, tr.64-69.

1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học

Thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu ở những góc độ khác nhau về tình hình, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, như:

- “*Giáo trình tội phạm học*” của Trường Đại học Huế [157], GS.TS. Võ Khánh Vinh đã xác định “*Công tác đấu tranh với tình hình tội phạm có hai phương hướng tác động chặt chẽ với nhau: Phòng ngừa và việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm*” [157, tr.154]. Tác giả nhấn mạnh “*Việc phòng ngừa tình hình tội phạm là hệ thống nhiều mức độ các biện pháp mang tính chất nhà nước, xã hội và nhà nước xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu, hạn chế) chúng và bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình tội phạm*”. [157, tr.155] Theo tác giả, việc phòng ngừa tình hình tội phạm được thực hiện bằng cách giải quyết cả những nhiệm vụ xã hội (phòng ngừa chung toàn xã hội) lẫn những nhiệm vụ chuyên môn (chuyên ngành).

- “*Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*” (sách chuyên khảo) của GS. TS. Nguyễn Xuân Yêm, Nxb CAND (2001) [185]. Tác giả đã phân tích và đưa ra định nghĩa về phòng ngừa tội phạm. Theo đó, “*phòng ngừa tội phạm là hoạt động cải tạo các quan hệ xã hội nhằm mục đích loại trừ những nguyên nhân tội phạm, loại trừ các điều kiện tạo thuận lợi phát sinh ra các hành vi phạm tội, hạn chế hoặc cô lập các nhân tố tội phạm hoặc có sự ảnh hưởng đến sự hình thành các đặc điểm chống xã hội của con người phạm tội*” [185, tr. 196]. Ở một nghĩa rộng “*phòng ngừa tội phạm được hiểu như là một bộ phận của hoạt động hạn chế, xóa bỏ các nguyên nhân làm nảy sinh tội phạm, là một phần nhiệm vụ của hệ thống kiểm tra xã hội, hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa, và hình thành con người mới*” [185, tr. 197]. Việc xóa bỏ nguyên nhân tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, đời sống, xã hội, biến đổi nhận thức, tập quán, thói quen của con người dựa trên cơ sở tinh thần tập thể đã gắn liền với mục đích của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Về phòng ngừa các tội phạm kinh tế, trong đó có các tội xâm phạm quyền SHTT, tác giả đã nêu đặc điểm tội phạm học, nguyên nhân, điều kiện của các tội phạm kinh tế và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

- “*Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*” (sách chuyên khảo) của GS.TSKH. Đào Trí Úc (chủ biên), Nxb Chính trị quốc gia (1994) [165]; các tác giả đã liệt kê các cơ quan, tổ chức được coi là những chủ thể chính của hoạt động phòng ngừa tội phạm, như: các tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam; Hội đồng nhân các cấp; các cơ quan quản lý hành chính, kinh tế nhà nước; các cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án; các cơ quan thuộc Bộ Tư pháp, các tổ chức xã hội, tập thể lao động và cá nhân. Theo các tác giả, tội phạm học Việt Nam có thể có những biện pháp phòng ngừa sau: Phòng ngừa tội phạm theo cấp độ xã hội chung; phòng ngừa tội phạm theo cấp độ chuyên ngành; các biện pháp phòng ngừa tội phạm theo phạm vi lãnh thổ. Công trình đã

ngiên cứu và chỉ rõ nội dung của các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định trên cơ sở tính chất của sự phòng ngừa. Theo đó, có các biện pháp về kinh tế, chính trị xã hội, văn hóa tư tưởng, tổ chức quản lý, pháp luật và biện pháp phòng ngừa theo chức năng.

- “*Giáo trình tội phạm học*” của Đại học quốc gia Hà Nội (2001) [118], GS.TS. Đỗ Ngọc Quang đã chia các biện pháp phòng ngừa tội phạm ra thành các nhóm sau: nhóm các biện pháp phòng ngừa chung; nhóm các biện pháp quản lý hành chính nhà nước về an ninh trật tự; nhóm các biện pháp phòng ngừa xã hội; nhóm những biện pháp phòng ngừa theo chức năng; nhóm những biện pháp phòng ngừa riêng.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên đã có sự thống nhất khi cho rằng phòng ngừa tình hình tội phạm là tiến hành các biện pháp nhằm ngăn ngừa không để cho tội phạm xảy ra, không để cho tội phạm gây hậu quả thiệt hại cho xã hội; phòng ngừa tội phạm phải có sự tham gia của nhà nước và xã hội. Các công trình nghiên cứu đã phân tích, chỉ ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung.

- “*Vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*” của Nguyễn Vĩnh Diện (2014), Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội [60]; tác giả đã phân tích, đánh giá và làm rõ tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về quyền SHTT có yếu tố nước ngoài và thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện lý luận khoa học pháp lý ở nước ta; làm rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng CAND và yêu cầu đặt ra đối với CAND trong thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế; dự báo tình hình quốc tế và trong nước có liên quan đến thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, do đối tượng nghiên cứu là quyền SHTT có yếu tố nước ngoài nhưng phạm vi nghiên cứu của đề tài rộng (bao gồm cả lĩnh vực dân sự, hành chính, hình sự, pháp luật quốc tế) nên việc nghiên cứu còn dàn trải, các biện pháp mà luận án đưa ra còn chung chung và chỉ tập trung vào vấn đề thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài trong CAND. Do vậy, luận án chưa làm rõ được bức tranh toàn cảnh về các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam cũng như chưa tìm ra được nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để từ đó có các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả các tội xâm phạm quyền SHTT.

- “*Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm sở hữu trí tuệ*” của Lê Việt Long (2009), Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện khoa học xã hội Việt Nam [91]; tác giả đã phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn đấu tranh

phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT như dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng của các tội xâm phạm quyền SHTT, thực trạng, nguyên nhân, điều kiện của những tồn tại trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT để trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các tội xâm phạm quyền SHTT. Tuy nhiên, do nghiên cứu dàn trải và chủ yếu theo khía cạnh pháp luật hình sự nên tác giả chưa làm rõ được thực trạng, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm nên các kiến nghị, biện pháp đưa ra còn chung chung, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng, chống loại tội phạm này. Mặt khác, tác giả nghiên cứu tình hình tội phạm SHTT trước năm 2009. Từ đó đến nay điều kiện, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam cũng như tình hình quốc tế đã có rất nhiều thay đổi nên tình hình, nguyên nhân, điều kiện của các tội xâm phạm quyền SHTT cũng đã khác trước.

- *“Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay”* của Nguyễn Đức Nga (2008), Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện khoa học xã hội Việt Nam [104]. Trên cơ sở phân tích làm rõ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng và khía cạnh tội phạm học trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHCN, hệ thống hóa các quy định về tội xâm phạm quyền SHCN trong luật hình sự Việt Nam, có đối chiếu so sánh với các quy định pháp luật và kinh nghiệm của một số tổ chức và quốc gia trên thế giới trong việc phòng chống các tội xâm phạm quyền SHCN, Tác giả đã đánh giá, phân tích thực trạng tình hình, nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm quyền SHCN ở Việt Nam và đề xuất một số biện pháp chủ yếu đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHCN.

- *“Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả - Thực trạng và biện pháp phòng chống”* của Trần Ngọc Việt (2001), Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật [170]; tác giả chủ yếu hướng đến việc nghiên cứu sâu về tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và đề xuất các biện pháp đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm làm hàng giả và buôn bán hàng giả trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Một số công trình nghiên cứu khác ở góc độ tội phạm học với cách triển khai tương tự trên dưới dạng bài báo có thể kể đến như: *“Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và công tác đấu tranh phòng, chống tác tội phạm này”* của tác giả Bùi Minh Thanh, tạp chí Kiểm sát số 01/2006; bài viết *“Tăng cường quan hệ phối hợp trong phòng chống tội phạm sản xuất, buôn bán hàng giả trên địa bàn Hà Nội”* của tác giả Mai Thị Lệ Quyên, Mai Trọng Thắng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 03/2013...

Nghiên cứu về thực trạng các vi phạm pháp luật về SHTT nói chung (bao gồm tội xâm phạm quyền SHTT và các vi phạm pháp luật SHTT) cũng là vấn đề được nhiều nhà

khoa học, nhà thực tiễn quan tâm như: Cuốn “*Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp do PGS.TS. Lê Hồng Hạnh và ThS. Đinh Thị Mai Phương chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia (2004); Cuốn “*Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ*” (2005) của tác giả Lê Xuân Thảo, Nxb Tư pháp; cuốn “*Quyền tác giả ở Việt Nam - Pháp luật và thực thi*” (2014) của tác giả Trần Văn Nam, Nxb Tư pháp; Đề tài khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Luật Hà Nội “*Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam*” (năm 2018) do TS. Vũ Thị Phương Lan chủ nhiệm... Đây là các công trình nghiên cứu thực trạng bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam có một số nội dung liên quan thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT như: thực thi pháp luật SHTT qua các hoạt động thực tiễn của TAND trong việc xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHCN theo thủ tục tố tụng hình sự; thực tiễn hoạt động quản lý thị trường, lực lượng hải quan, lực lượng cảnh sát kinh tế, hoạt động thanh tra, Cục SHTT, Sở Khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý chuyên ngành khác; những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong thực thi pháp luật về SHTT.

Các công trình nghiên cứu thực trạng bảo hộ quyền SHTT phổ biến nhất dưới dạng các bài viết tạp chí khoa học chuyên ngành có các bài viết: “*Một số hạn chế, bất cập nảy sinh từ thực tiễn thực thi pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thanh Tùng trên Tạp chí Kiểm sát số 01/2016. Nổi bật về tính mới và thuyết phục của các lập luận có thể kể đến bài viết “*Những bất cập và giải pháp hoàn thiện pháp luật về kiểm soát hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ xuất khẩu, quá cảnh*” của tác giả Hứa Thị Hồng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 8/2016; bài viết “*Hành vi xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Phương Thảo trên tạp chí Luật học số 7/2018; bài viết “*Bảo vệ quyền tác giả tác phẩm mỹ thuật theo pháp luật sở hữu trí tuệ: thực trạng và giải pháp*” của tác giả Trần Nguyên Cường trên tạp chí Thanh tra số 11/2018... Đặc điểm chung của nhóm công trình này đó là, khai thác tổng thể hoặc bộ phận thực trạng vi phạm pháp luật về SHTT nói chung, vi phạm pháp luật hình sự - tội xâm phạm quyền SHTT được đề cập đến nhưng rất hạn chế và không phân tích, trình bày sâu.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

1.3.1.1. Những vấn đề đã thống nhất

* Dưới góc độ luật hình sự, các công trình nghiên cứu trên đều thống nhất các nội dung sau đây:

- *Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu cả trong nước và ngoài nước đều thống nhất nội dung về khái niệm các tội xâm phạm quyền SHTT.

- *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu trong nước đều thống nhất về dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm quyền SHTT.

* Dưới góc độ tội phạm học, các công trình nghiên cứu trên đã đạt được các kết quả sau đây:

- *Thứ nhất*, mặc dù các công trình nghiên cứu có cách tiếp cận từ các góc độ khác nhau, nhưng cơ bản đều thống nhất về khái niệm tình hình tội phạm, khái niệm phòng ngừa tình hình tội phạm.

- *Thứ hai*, các công trình đã thống nhất trong việc xác định chủ thể của hoạt động phòng ngừa là: các tổ chức Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, các tổ chức xã hội, các tập thể và mọi cá nhân trong xã hội.

- *Thứ ba*, các công trình đều chung quan điểm phòng ngừa tội phạm bao gồm: Các biện pháp loại trừ các nguyên nhân của tình hình tội phạm, như biện pháp tuyên truyền, giáo dục, biện pháp kinh tế - xã hội, biện pháp văn hóa - tư tưởng, biện pháp tổ chức - quản lý, biện pháp chống tội phạm, biện pháp hoàn thiện pháp luật, biện pháp phòng ngừa nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm.

1.3.1.2. Những vấn đề còn tranh luận

* *Những vấn đề còn tranh luận dưới góc độ khoa học luật hình sự*

- *Thứ nhất*, một số công trình còn chưa thống nhất về đối tượng tác động của các tội xâm phạm quyền SHTT, chưa đưa ra được giải thích về khái niệm “*quy mô thương mại*”.

- *Thứ hai*, việc xác định cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm quyền SHTT còn tồn tại các quan điểm khác nhau, chưa làm rõ ranh giới trong việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT giữa BLHS với Luật Xử lý vi phạm hành chính.

* *Những vấn đề chưa được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học*

- *Thứ nhất*, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm tội phạm học của các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam, giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2022.

- *Thứ hai*, mặc dù đã có một vài công trình khoa học nghiên cứu về tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn 2012-2022.

- *Thứ ba*, có nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu dịch, luận án, luận văn, bài báo khoa học trong nước và ngoài nước đề cập đến dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, hệ thống các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm

quyền SHTT, nhưng do cách tiếp cận khác nhau, thời gian, địa điểm nghiên cứu khác nhau nên cho đến nay, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về các nội dung này trên địa bàn toàn quốc trong giai đoạn 2012-2022.

1.3.1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những tri thức đã được tổng kết trong các công trình khoa học trong nước và ngoài nước để bổ sung, hoàn thiện những vấn đề về lý luận và nâng cao hiệu quả trong thực tiễn hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam, luận án sẽ đi sâu nghiên cứu những vấn đề sau đây:

- Nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT để làm rõ những kết quả đạt được, những vấn đề chưa được các công trình nghiên cứu hoặc chưa được nghiên cứu sâu. Từ đó xác định rõ hướng nghiên cứu và các nội dung nghiên cứu của luận án.

- Nghiên cứu để làm rõ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung đã được nhiều công trình nghiên cứu làm rõ. Lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cũng đã được nghiên cứu ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Đây là nền tảng lý luận cần thiết để làm rõ thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022.

- Khảo sát, đánh giá tình hình của các tội xâm phạm quyền SHTT từ năm 2012 đến năm 2022 có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm này. Một số công trình nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT đã lâu nên không còn tính thời sự, không phù hợp. Hiện nay, chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam (giai đoạn 2012 - 2022) cũng như nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong giai đoạn 2012-2022. Vì vậy, luận án cần phải nghiên cứu, làm rõ tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở nước ta từ năm 2012 đến năm 2022.

- Đánh giá thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022, phân tích làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022.

- Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tội phạm và hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam làm cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong giai đoạn tới.

- Nghiên cứu, đề xuất hệ thống các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Các biện pháp đưa ra dựa trên cơ sở phát hiện những thiếu sót, bất cập trong thực tiễn phòng ngừa tội phạm này thời gian qua, cũng như kết quả dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới và được trình bày khoa học, làm cơ sở để cán bộ thực tiễn vận dụng có hiệu quả.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Với đề tài “*Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay*”, tác giả đưa ra các câu hỏi nghiên cứu:

- Lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có những đặc điểm đặc thù gì?

- Thực trạng, cơ cấu và diễn biến của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022 là như thế nào:

- Tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022 là do những nguyên nhân và điều kiện nào?

- Thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022 có những ưu điểm và những hạn chế nào?

- Những biện pháp nào có thể phòng ngừa hữu hiệu tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

1.3.2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở các câu hỏi nghiên cứu, tác giả đưa ra các giả thuyết nghiên cứu:

- Hiện chưa có một khung lý luận cụ thể, chuyên biệt về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam.

- Tính đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào làm rõ thực trạng, cơ cấu và diễn biến của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022 là như thế nào và nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022.

- Thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022 tuy đã đạt được nhiều kết quả, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, vướng mắc, bất cập.

- Chưa có các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Do vậy, tác giả cần phải tiếp cận từ lý luận chung của khoa học Tội phạm và Phòng ngừa tội phạm để xây dựng khung lý luận cụ thể, đặc thù về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam; làm rõ thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, đánh giá các kết quả đạt được trong hoạt động chống các tội xâm phạm quyền SHTT thể hiện thông qua thực trạng, cơ cấu và diễn biến của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT và phân tích làm rõ những bất cập, hạn chế và nguyên nhân trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022. Từ đó, luận án kiến nghị những biện pháp phù hợp hơn nữa với tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong giai đoạn sắp tới, cũng như chú ý đến yếu tố thuộc về nạn nhân và đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm quyền SHTT để tăng cường phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Cho đến nay đã có nhiều nhà khoa học với không ít các công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc có liên quan đến các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua các hướng tiếp cận khác nhau: luật học, xã hội học, chính sách học, tội phạm học... Sự xuất hiện của các công trình này vừa có những đóng góp to lớn vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, vừa có ý nghĩa to lớn cho thực tiễn công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nhằm có một góc nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu và xác định những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu, tác giả đã nghiên cứu rộng rãi, phong phú tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về vấn đề phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT và nhận thấy đây là những công trình nghiên cứu có chất lượng, mang lại ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, tác giả đã nghiên cứu có chọn lọc và kế thừa những hạt nhân hợp lý để xây dựng những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Tuy nhiên, do cách thức tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu khác nhau nên chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống và toàn diện về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2022. Một số nội dung cần phải tiếp tục nghiên cứu làm rõ và hoàn thiện hơn như lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; tình hình, nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian qua... Đây chính là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới.

Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM

2.1. Khái niệm, đặc điểm, mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

2.1.1. Khái niệm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Theo Từ điển Bách khoa nghiệp vụ Công an định nghĩa: “Phòng ngừa tội phạm là sự vận dụng tổng hợp những biện pháp chính trị, tư tưởng, kinh tế, pháp luật... theo một kế hoạch nhất định của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội để chủ động ngăn ngừa các hành vi phạm tội, loại trừ những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm”. [20, tr. 426] Định nghĩa này đã nhấn mạnh đến chủ thể, các biện pháp phòng ngừa và mục đích của phòng ngừa tội phạm.

GS.TS. Đỗ Ngọc Quang cho rằng phòng ngừa tội phạm được hiểu theo hai nghĩa: “Theo nghĩa rộng, phòng ngừa tội phạm bao hàm, một mặt không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện phạm tội và bằng mọi cách để ngăn chặn tội phạm, kịp thời phát hiện tội phạm, xử lý nghiêm minh các trường hợp phạm tội và cuối cùng là cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Còn theo nghĩa hẹp, phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, không để cho tội phạm gây hậu quả cho xã hội, không để cho thành viên nào của xã hội phải chịu hình phạt của pháp luật, tiết kiệm được những chi phí cần thiết cho Nhà nước trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và cải tạo giáo dục người phạm tội”. [117, tr. 185-199] Định nghĩa này chủ yếu nhấn mạnh mục đích của phòng ngừa tội phạm, hiệu quả của phòng ngừa tội phạm và coi chống tội phạm là một trong các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Theo TS. Lê Thế Tiệm và Phạm Tự Phả thì “Phòng ngừa tội phạm tức là không để cho tội phạm xảy ra và gây nên những hậu quả nguy hiểm cho xã hội, không để cho các thành viên của xã hội phải gánh chịu các hình phạt khắc nghiệt của pháp luật. Và nếu có tội phạm có xảy ra thì phải kịp thời phát hiện, xử lý để đảm bảo cho tội phạm không thể tránh khỏi hình phạt, giáo dục và cải tạo người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội”. [138, tr. 89] Quan điểm này hoàn toàn được GS.TS. Nguyễn Xuân Yên đồng tình ủng hộ trong cuốn Tội phạm học Việt Nam - Tập 1: Tội phạm học Đại cương. Quan điểm này cũng tương tự quan điểm của GS.TS. Đỗ Ngọc Quang.

GS.TS. Võ Khánh Vinh đã khẳng định: “Việc phòng ngừa tình hình tội phạm là hệ thống nhiều mức độ các biện pháp mang tính chất Nhà nước, xã hội, và Nhà nước - xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu; hạn chế) chúng và bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình

tội phạm”. [181, tr.155] Định nghĩa này nêu rõ cấu trúc, bản chất của biện pháp phòng ngừa tội phạm và mục đích của phòng ngừa tội phạm.

Nghiên cứu tổng quát các quan điểm về phòng ngừa tội phạm của các công trình tội phạm học đã được công bố, đồng thời trên cơ sở nghiên cứu những tri thức lý luận chung của tội phạm học về phòng ngừa tội phạm, có thể thấy quan điểm của GS.TS. Võ Khánh Vinh là hoàn toàn phù hợp, tức phòng ngừa tình hình tội phạm phải được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả phòng và chống tội phạm. Quan điểm này được đa số các nhà nghiên cứu thống nhất, đồng tình và cũng phù hợp với xu hướng phòng ngừa tội phạm hiện nay ở nhiều quốc gia trên thế giới khi khả năng và điều kiện thực tế hiện nay ở Việt Nam và các nước chưa cho phép thủ tiêu hết nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Quan điểm trên đã khái quát đầy đủ được nội dung của hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm và chỉ rõ nội hàm của khái niệm phòng ngừa tình hình tội phạm là không để tội phạm xảy ra, không để cho tội phạm gây ra hậu quả cho xã hội.

Với cách tiếp cận trên, kết hợp nghiên cứu, đánh giá thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian qua, có thể định nghĩa phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như sau:

Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi cá nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc sử dụng tổng hợp, đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau hướng vào mục đích thủ tiêu nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nhằm ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại trừ các tội xâm phạm quyền SHTT ra khỏi đời sống xã hội.

2.1.2. Đặc điểm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

- *Hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải gắn với nâng cao nhận thức chủ sở hữu trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ của mình cũng như nhận thức của mọi người dân.*

Những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang mở ra những cơ hội rất lớn trong phát triển các sản phẩm trí tuệ phục vụ nền kinh tế. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế trí thức đang đòi hỏi mọi chủ thể kinh doanh phát huy cao độ trong áp dụng công nghệ mới, đặc biệt là khả năng sáng tạo, tạo ra nhiều sản phẩm trí tuệ để gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, tạo sức mạnh cạnh tranh trong nền kinh tế. Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ đã xác định mục tiêu “*Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ*”. Chiến lược cũng xác định một trong các

nhiệm vụ, giải pháp là “*Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình*”. Điều này cho thấy Chính phủ cũng đã thấy rõ một trong các nguyên nhân dẫn đến các hành vi xâm phạm quyền SHTT xuất phát từ chính những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa chủ động, tích cực trong tự bảo vệ quyền SHTT của mình.

Xuất phát từ đặc thù của các hành vi xâm phạm quyền SHTT là những hành vi rất tinh vi, phức tạp và đa dạng, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, điển hình là ChatGPT đã và đang được người phạm tội lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Thực tiễn xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT thời gian qua cho thấy, một trong các nguyên nhân cơ bản dẫn đến hành vi phạm tội là ý thức của các chủ SHTT trong bảo vệ các tài sản trí tuệ của mình chưa cao. Trong bối cảnh các hành vi xâm phạm đang diễn ra ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn với quy mô rộng lớn hơn, vượt qua cả ranh giới về địa lý và lãnh thổ quốc gia, thay đổi hình thức từ môi trường kinh doanh truyền thống sang môi trường thương mại điện tử và internet, việc xâm phạm quyền SHTT cũng dễ dàng, thuận lợi hơn. Những thương hiệu như sản phẩm kẹo dừa Bến Tre bị làm nhái và đăng ký độc quyền nhãn hiệu ở Trung Quốc; Vinataba, Trung Nguyên, Vifon... phát hiện thương hiệu của mình bị đăng ký tại nhiều quốc gia; nước mắm Phú Quốc liên tục bị công ty nước ngoài đăng ký nhãn hiệu... Tình trạng này cho thấy các chủ sở hữu cần phải nâng cao ý thức trong bảo vệ tài sản SHTT của mình để tránh bị xâm phạm.

- *Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT gắn liền với việc khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quản trị các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh.*

Những năm vừa qua, sự phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp Việt Nam đã và đang đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của nền kinh tế, trở thành bộ phận quan trọng không thể thiếu tạo nên nền tảng kinh tế vững chắc cho đất nước. Việt Nam được đánh giá là thị trường năng động trong đổi mới, sáng tạo. Báo cáo “Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021” của Google, Temasek và Bain&Company cho thấy, khu vực Đông Nam Á đang trên đường trở thành nền kinh tế số trị giá 1000 tỷ USD năm 2030, trong đó dự báo Việt Nam có thể đạt mức 220 tỷ USD. Năm 2021, số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy kinh tế số của Việt Nam ước đạt 163 tỷ USD chiếm khoảng 8,2% GDP cả nước. [3] Thực tế này cho thấy kinh tế số và SHTT đã và đang trở thành lĩnh vực tăng trưởng nhanh, mang lại nhiều lợi thế, lợi nhuận cho các doanh nghiệp. Bên cạnh thuận lợi đó, các doanh nghiệp Việt Nam với đặc thù đa số là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạn chế về nguồn lực và kinh nghiệm trong quản trị và ứng phó với những biến động

của thị trường, nhất là những biến động lớn như đại dịch Covid19 hay khủng hoảng chính trị trên thế giới. Hiện nay, đại đa số các doanh nghiệp mới chỉ coi trọng vấn đề nhân sự và nguồn lực tài chính và tìm mọi cơ hội, điều kiện để đổi mới, sáng tạo mà chưa chú trọng bảo vệ các nguồn lực khác, đặc biệt là nguồn lực SHTT, đổi mới, sáng tạo.

Thực tiễn tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thời gian qua cho thấy một trong các nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT chính là những sơ hở, thiếu cẩn trọng trong bảo vệ, bảo mật các bí mật kinh doanh, phát minh, sáng chế của doanh nghiệp. Trong bối cảnh thông tin, bí mật kinh doanh, tài sản SHTT đang trở thành những lợi thế quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, để nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT, tất cả các doanh nghiệp cần chủ động, tích cực tăng cường bảo vệ, bảo mật, nâng cao năng lực quản trị, ngăn ngừa những nguy cơ đe dọa cả từ bên ngoài doanh nghiệp lẫn bên trong nội bộ doanh nghiệp đối với các sản phẩm trí tuệ của doanh nghiệp. Đây chính là một trong các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các nguy cơ bị xâm phạm các tài sản SHTT cũng như các bí mật kinh doanh.

- Hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải gắn với việc tuyên truyền, nâng cao giá trị đạo đức, tôn trọng sở hữu của người khác.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, việc xây dựng và hình thành đạo đức, văn hóa kinh doanh có tầm quan trọng đặc biệt nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Liên hợp quốc từ năm 2015 đã đưa ra 17 mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2015-2030 với sự tham gia của 193 quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng đã triển khai Chương trình đánh giá, công bố doanh nghiệp bền vững hàng năm kể từ năm 2016. Bên cạnh đó, Viện Doanh nghiệp Việt Nam cũng phối hợp với Tổ chức Đánh giá và Chứng nhận Quốc tế InterConformity tại Cộng hòa liên bang Đức thực hiện đánh giá các doanh nghiệp về mức độ áp dụng quy trình phù hợp với hệ thống phát triển thương hiệu và phát triển bền vững. Đây là những chương trình góp phần xây dựng và lan tỏa đạo đức, văn hóa kinh doanh, bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam chưa thật sự tích cực tham gia các bảng xếp hạng này. Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố, tính đến hết năm 2021, cả nước có khoảng 857.500 doanh nghiệp. Số liệu công bố của Tổng cục Thống kê ngày 20/12/2022, năm 2022 cả nước có tổng số 208.300 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động và có 73.800 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động có thời hạn, gần 50.800

doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và 18.600 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Như vậy tổng số doanh nghiệp tăng thêm năm 2022 là 65.100 doanh nghiệp nâng tổng số doanh nghiệp trên toàn quốc năm 2022 là 922.600 doanh nghiệp. Với tổng số gần 1 triệu doanh nghiệp nhưng khi VCCI phát động Chương trình đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (CSI) 2022, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chỉ nhận được vài trăm hồ sơ tham dự, trong đó chỉ chọn được 146 hồ sơ vào vòng chung kết (chỉ chiếm 0,016% tổng số doanh nghiệp). Tương tự, Chỉ số tín nhiệm Trusted Brand Index năm 2015 thực hiện khảo sát và cập nhật thông tin cho hơn 12.000 doanh nghiệp trên hệ thống dữ liệu của mạng doanh nghiệp Việt Nam với 645 thành viên chính thức. Tuy nhiên tính đến nay chỉ còn khoảng 66,7% doanh nghiệp thành viên tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống này. Những thực tế này cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự quan tâm, nhiệt huyết trong tạo dựng văn hóa, đạo đức kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường, đạo đức kinh doanh giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Đạo đức kinh doanh không chỉ góp phần bảo đảm công bằng, bình đẳng, bảo đảm quyền con người mà còn có vai trò quan trọng trong bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Để xây dựng văn hóa, đạo đức kinh doanh, yếu tố con người là yếu tố then chốt. Một trong các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ đã nhấn mạnh: *“Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững...”* Không thể nói đến đạo đức, văn hóa kinh doanh nếu các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế vẫn thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHCN, như xâm phạm về kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại... Một doanh nghiệp đầu tư rất nhiều công sức, tài chính để hoàn thành một thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn với các đặc tính kỹ thuật vượt trội, nhưng lại bị một cá nhân, tổ chức xâm phạm để sản xuất hàng loạt. Điều này không chỉ làm thiệt hại đến chính doanh nghiệp bị xâm phạm mà còn làm cho các chủ thể kinh doanh khác không còn động lực để đầu tư, sáng tạo ra các sản phẩm mới phục vụ sự phát triển của nền kinh tế. Khi đó, nền kinh tế sẽ không còn động lực để phát triển. Do đó, chỉ khi các giá trị đạo đức kinh doanh được tôn trọng triệt để thì mới tạo ra các quan hệ kinh tế bền vững, là cơ sở để bảo đảm giá trị thương hiệu. Nhiều chủ thể kinh doanh chân chính đã chú trọng quan tâm đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ không ngừng cải tiến chất lượng và phong cách phục vụ để giữ gìn chữ tín. Bên cạnh đó, vẫn còn không ít chủ thể kinh doanh chưa nhận thức đúng về các giá trị đạo đức nên vẫn làm ăn gian dối, cố tình

xâm phạm quyền SHTT của người khác để mang lại lợi ích không chính đáng cho mình. Để bảo đảm một môi trường kinh tế lành mạnh, vấn đề nâng cao giá trị đạo đức, giữ gìn chữ tín là vấn đề rất quan trọng. Đây cũng chính là cơ sở bền vững để bảo đảm vững chắc cho hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT.

Đứng về phía người tiêu dùng, đạo đức tiêu dùng cũng là một trong các yếu tố quan trọng để tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Ngày nay, xu hướng đề cao giá trị đạo đức trong tiêu dùng đang được chú trọng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển. Cùng với xu hướng này, việc tiêu dùng có đạo đức, có trách nhiệm với các sản phẩm chính hãng, nói không với các sản phẩm là hàng nhái, hàng vi phạm quyền SHTT chính là biện pháp hữu hiệu trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT. Hành vi tiêu thụ hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền SHTT chính là hành vi tiếp tay cho các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Do đó, chừng nào đạo đức người tiêu dùng chưa được nâng cao, thì hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn chưa đạt được mức độ mong muốn.

- Hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải gắn với việc tiến hành các biện pháp nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu vượt bậc. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân thuộc mọi thành phần kinh tế đã có những bước phát triển và đang được nâng cao. Tình trạng nghèo đói đã giảm đáng kể. Theo mức chuẩn nghèo “cùng cực” của World Bank áp dụng từ tháng 10/2015 với mức dưới 1,90 USD thì tỷ lệ người dân sống dưới mức 1,90 USD/ ngày ở Việt Nam đã giảm đáng kể qua các năm. Cụ thể, năm 2018 tỷ lệ này là 1,8% so với năm 2008 là 18,6%. Tuy nhiên, nếu tính theo chuẩn nghèo ở mức 3,2 USD/ ngày hoặc 5,5 USD/ ngày thì mức độ giảm là chưa cao. Nếu tính theo mức 3,2 USD/ ngày thì tốc độ giảm là 17,63%/năm còn mức 5,5 USD/ngày chỉ giảm bình quân 11,71%. [51] Điều này cho thấy, vấn đề đói nghèo, đời sống kinh tế khó khăn vẫn là những rào cản tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế bền vững.

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động của những diễn biến phức tạp và bất ổn trên thế giới. Sự bất ổn trong hoạt động của một số ngân hàng ở Hoa Kỳ và Châu Âu có những ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế thế giới và khu vực, trong đó có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Chiến sự Nga – Ukraine kéo dài tác động xấu đến kinh tế toàn cầu nhất là lạm phát và giá nhiên liệu. Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 vẫn để lại những hậu quả nặng nề cho nền kinh tế. Những khó khăn trong thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, trái phiếu ảnh hưởng đến nhu cầu và

huy động vốn của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất đầu vào tăng cao, sự sụt giảm đơn hàng, giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, cước phí vận tải, chi phí logistics cao gia tăng áp lực vận hành của các doanh nghiệp và tiềm ẩn rủi ro đối với sự phát triển bền vững. Điều này cho thấy đói nghèo và năng lực sản xuất, kinh doanh là những yếu tố quan trọng tác động đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nghiên cứu cho thấy một trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng phạm các tội xâm phạm quyền SHTT là do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp. Do đó việc tiến hành các biện pháp nhằm tạo ra công ăn việc làm, tạo cơ chế cho vay vốn, hạn chế tình trạng thất nghiệp, nâng cao mức sống cho người dân, nhất là bộ phận doanh nghiệp mới khởi nghiệp, doanh nghiệp đang gặp khó khăn, doanh nghiệp siêu nhỏ... sẽ góp phần quan trọng trong hạn chế, khắc phục các nguyên nhân, điều kiện về kinh tế của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT gắn liền với việc tăng cường trách nhiệm trong quản lý và xử lý vi phạm quyền SHTT của cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường hiệu quả hoạt động chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

Những năm gần đây, Việt Nam gia nhập nhiều Hiệp định thương mại tự do, nhất là những hiệp định tự do thế hệ mới, trong đó cam kết về quyền SHTT là vấn đề đặc biệt quan trọng. Bảo vệ quyền SHTT không chỉ là bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp cho cá nhân, doanh nghiệp mà còn bảo đảm sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Số liệu thống kê từ Chương trình 168 về phối hợp hành động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT cho thấy, năm 2020 các lực lượng chức năng của các Bộ, ngành đã xử phạt 1.300 vụ xâm phạm quyền SHTT với tổng số tiền 25 tỷ đồng gồm các dạng hành vi như: hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, vi phạm về tên thương mại, tên doanh nghiệp, xâm phạm quyền đối với sáng chế, phát minh, giải pháp hữu ích, bí mật kinh doanh và xâm phạm quyền SHTT trên môi trường mạng...; trong đó 95% số vụ xâm phạm quyền SHTT được xử lý bằng các biện pháp hành chính. Đánh giá của các chuyên gia và một số cơ quan chức năng cho thấy, mặc dù việc phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT trong những năm gần đây đã có những bước tiến đáng kể nhưng so với thực tiễn vẫn còn rất hạn chế. Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là những điểm nóng trong xâm phạm quyền SHTT và cũng là những địa phương có số lượng phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT lớn nhất cả nước. Tuy nhiên, đánh giá của các chuyên gia cho thấy, hiệu quả xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT chưa cao mà một trong các nguyên nhân là do hành vi phạm tội diễn ra phổ biến với thủ đoạn tinh vi trong khi

trình độ cán bộ chuyên môn còn hạn chế, công tác bồi dưỡng cán bộ còn mang tính thời vụ chưa đáp ứng yêu cầu. [280]

Thực trạng trên cho thấy hiệu quả xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT còn rất hạn chế. Thực tiễn mới phát hiện và xử lý được một số lượng nhỏ các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Hơn nữa, có đến 95% số vụ là xử lý vi phạm hành chính. Điều này chưa bảo đảm tính răn đe, dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền SHTT vẫn diễn ra ngày càng phổ biến hơn. Chống tội phạm là một trong các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa tội phạm. Do đó cần phát huy vai trò của cơ quan Công an, VKSND và TAND các cấp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt trong các vụ án xâm phạm quyền SHTT có yếu tố đồng phạm, phạm tội có tổ chức, sử dụng các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, gây hậu quả lớn trong xã hội. Qua đó chú trọng công tác phát hiện nguyên nhân, điều kiện tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, từ đó kiến nghị các cơ quan hữu quan khắc phục và tiến hành các biện pháp phòng ngừa.

Hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần có sự phối hợp thường xuyên giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền, giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, các tổ chức, đoàn thể xã hội và tất cả quần chúng nhân dân... để các biện pháp phòng ngừa được tiến hành đồng bộ, thường xuyên, liên tục.

2.1.3. Mục đích phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

“Tội phạm học có mục đích là đưa ra những kiến nghị về các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm...”. [168, tr. 76] Do đó mục đích cuối cùng và quan trọng nhất của ngành khoa học này là tìm ra biện pháp tác động vào quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm, loại trừ được các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, tiến tới mục tiêu không để tội phạm xảy ra, kéo giảm và từng bước loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT là một bộ phận trong phòng ngừa tội phạm nói chung, vì vậy phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cũng không thể tách rời mục đích của phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Vì vậy có thể xác định mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như sau:

- Một là, hạn chế, thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, ngăn ngừa không cho tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nảy sinh, phát triển.

Nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là sự tác

động qua lại giữa các hiện tượng tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong hoàn cảnh tình huống nhất định làm phát sinh tình hình các tội phạm. Để tác động, triệt tiêu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trước hết cần tập trung nghiên cứu, phát hiện, xác định chính xác các yếu tố, hiện tượng đóng vai trò là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, đồng thời xây dựng các chiến lược, phương án đấu tranh ngắn hạn và dài hạn nhằm hạn chế, xóa bỏ các nguyên nhân và điều kiện này, hướng tới mục tiêu ngăn ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT xảy ra.

Việc hạn chế hoặc xóa bỏ các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là công việc lâu dài, khó khăn và phức tạp, công việc này đòi hỏi có sự quan tâm của toàn xã hội, sự tham gia tích cực, hiệu quả của cả hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân, đồng thời đòi hỏi phải có chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lý, toàn diện của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Hai là, áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn kịp thời các tội xâm phạm quyền SHTT xảy ra, xử lý nghiêm minh người phạm tội, không để xảy ra các hành vi phạm tội mới.

Mục đích phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT không chỉ là tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm mà còn nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi phạm tội, xử lý nghiêm minh người phạm tội, không để xảy ra các hành vi phạm tội mới.

Ngăn chặn hành vi phạm tội là hoạt động có tính tức thời, cấp bách nhằm tác động đến đối tượng có nguy cơ phạm tội, khi những người này đã và đang có ý định hoặc chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội, làm cho đối tượng đó tự giác từ bỏ hoặc không thể thực hiện được hành vi xâm phạm quyền SHTT, từ đó ngăn chặn được hậu quả xảy ra. Mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong trường hợp này là ngăn ngừa không để hiện thực hóa hành vi xâm phạm quyền SHTT dù đã tồn tại ý định, động cơ phạm tội, hoặc đã lên kế hoạch để thực hiện hành vi phạm tội từ trước. Ngăn chặn hành vi phạm tội cũng là việc chặn đứng quá trình lặp lại của hành vi phạm tội, không để cho các tội xâm phạm quyền SHTT được thực hiện nhiều lần. Ngăn chặn các tội xâm phạm quyền SHTT không chỉ có nghĩa áp dụng đối với tội phạm chưa xảy ra mà còn ngăn không cho các tội xâm phạm quyền SHTT thực hiện đến cùng, tức là chặn đứng hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT đang diễn ra, không để cho hành vi phạm tội gây thêm thiệt hại về tài sản, sức khỏe của con người.

Ngăn chặn hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT còn là việc kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm minh người đã thực hiện hành vi xâm phạm

quyền SHTT, tiến hành giáo dục cải tạo họ thành những công dân có ích cho xã hội. Việc điều tra, truy tố, xét xử không chỉ có tác động trực tiếp đối với người đã phạm các tội xâm phạm quyền SHTT mà còn có tác động trực tiếp đến tất cả mọi người trong xã hội, đặc biệt những đối tượng đang có ý định bước chân vào con đường xâm phạm quyền SHTT. Các biện pháp được áp dụng nhằm đạt được mục đích này là các biện pháp mang tính cưỡng chế bắt buộc được áp dụng bởi các chủ thể là các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc một số chủ thể khác (trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang).

- *Ba là, bảo vệ tối đa quyền sở hữu tài sản trí tuệ, qua đó bảo vệ tối đa quyền cơ bản của con người.*

Để đạt được các mục đích trên, cần xây dựng và thực hiện cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị; tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, nâng cao trách nhiệm vai trò chủ động của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm, cảm hóa giáo dục người phạm tội tại cộng đồng và dân cư; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm các đối tượng xâm phạm quyền SHTT. Quan tâm, giúp đỡ những người lỗi lầm có công ăn việc làm ổn định, hoàn lương, tái hòa nhập gia đình và cộng đồng xã hội, không bước chân vào con đường phạm tội.

2.2. Đối tượng, nội dung và nguyên tắc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

2.2.1. Đối tượng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Đối tượng của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Tình hình tội phạm được hiểu “là một hiện tượng xã hội, pháp lý – hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định”. [175, tr.61] Tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được hình thành từ tổng thể các tội xâm phạm quyền SHTT xảy ra ở nước ta trong một giai đoạn nhất định. Để nhận thức được tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, trước hết cần nhận thức về các tội xâm phạm quyền SHTT.

Khái niệm “sở hữu” là một phạm trù kinh tế mang yếu tố khách quan, xuất hiện và phát triển song song cùng với sự xuất hiện và phát triển của xã hội loài người. Khi phân tích các hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác đã chỉ ra rằng bất cứ nền sản xuất nào cũng là việc con người chiếm hữu những đối tượng tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất

định. Sở hữu được hiểu chính là việc chiếm hữu những sản vật tự nhiên, thành quả lao động của xã hội loài người.

Khái niệm “trí tuệ” dùng để chỉ khả năng nhận thức lý tính đạt đến một trình độ nhất định. Khái niệm “sở hữu trí tuệ” chỉ việc con người chiếm hữu một đối tượng nào đó, nhưng đối tượng này không phải là khả năng nhận thức lý tính mà thường được hiểu là những thành quả, sản phẩm được tạo ra từ hoạt động sáng tạo thuộc về lĩnh vực tư duy, nhận thức lý tính của con người. Cách hiểu này xuất phát từ mối liên quan chặt chẽ đến khái niệm “trí tuệ” đó là “tài sản trí tuệ”. Khái niệm “tài sản trí tuệ” được sử dụng để chỉ những tài sản là kết quả sáng tạo trí tuệ của con người.

Theo Tổ chức SHTT thế giới (WIPO), “sở hữu trí tuệ” xét trên nghĩa rộng là các quyền hợp pháp, xuất phát từ hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật.

Theo tác giả Lê Việt Long thì *“Ở đâu có hoạt động nghiên cứu, sáng tạo thì ở đó xuất hiện tài sản trí tuệ. Những thành quả do trí tuệ con người tạo ra thông qua hoạt động sáng tạo được thừa nhận là tài sản trí tuệ. Sở hữu các tài sản đó được gọi là tài sản trí tuệ”*. [69, tr. 19] Tác giả cũng đồng tình với định nghĩa SHTT được WIPO nêu trên.

Có thể thấy quan niệm về SHTT theo nghĩa rộng nêu trên thể hiện yếu tố pháp lý khi đề cập đến SHTT dưới góc độ “quyền”. Tuy nhiên, quan niệm này chưa làm rõ sự khác nhau của hai khái niệm “sở hữu trí tuệ” và “quyền sở hữu trí tuệ” và có thể dẫn đến cách hiểu đồng nhất chúng với nhau.

Thực tế, có những nghiên cứu đã có sự phân định hai khái niệm này như tác giả Đoàn Văn Trường: *“SHTT có thể hiểu là các sáng tạo trí tuệ mà đối với chúng Nhà nước dành cho các cá nhân sự kiểm soát độc quyền trong một thời gian nhất định nhằm ngăn chặn sự khai thác đối tượng một cách bất hợp pháp”*. [136, tr. 23] SHTT được tác giả xác định là tài sản đặc biệt do trí óc con người tạo ra, là sản phẩm của trí tuệ con người. Các tài sản này liên quan đến những thông tin mà có thể được thể hiện bằng các vật thể hữu hình với số lượng bản sao không hạn chế, ở cùng một thời điểm, và ở các địa điểm khác nhau trên thế giới. Quyền sở hữu trong trường hợp này không phải là quyền sở hữu bản thân các bản sao, mà chính là những thông tin chứa đựng trong bản sao đó. Quyền sở hữu đối với các tài sản này gọi là quyền SHTT. Quan điểm này nhấn mạnh vào đối tượng của SHTT và gần như đồng nhất giữa SHTT và tài sản trí tuệ.

Khái niệm SHTT cần được hiểu ở một nghĩa rộng hơn đó là một loại quan hệ xã hội, một hình thức quan hệ sở hữu “đặc biệt”. Tính đặc biệt này xuất phát từ loại đối tượng được sở hữu là “tài sản trí tuệ”. Quan hệ SHTT về cơ bản cũng có chủ thể, nội

dung và khách thể của nó. Trong đó, chủ thể của quan hệ SHTT là cá nhân, tổ chức (các bên) tham gia vào quan hệ này; với nội dung là các quyền và nghĩa vụ của chủ thể; và điều mà chủ thể tham gia vào quan hệ SHTT hướng tới chính là khách thể của quan hệ SHTT - các tài sản trí tuệ. Trong mối quan hệ với SHTT, quyền SHTT được coi là nội dung trọng tâm của SHTT.

Về khái niệm quyền SHTT, hiện nay chưa có định nghĩa thống nhất về quyền SHTT. Định nghĩa thông dụng và có phạm vi phổ biến rộng nhất được nêu tại Điều 2 (viii), Công ước Stockholm về thành lập Tổ chức SHTT thế giới ngày 14/7/1967, theo đó: “*Quyền SHTT bao gồm các quyền liên quan tới các tác phẩm khoa học, nghệ thuật và văn học; các buổi biểu diễn của các nghệ sĩ, các bản ghi âm và các chương trình phát thanh, truyền hình; sáng chế trong tất cả các lĩnh vực của con người; các phát minh khoa học; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, chỉ dẫn và tên thương mại; bảo vệ chống cạnh tranh không lành mạnh và tất cả các quyền khác và kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật*”. Đây là một định nghĩa mang tính chất liệt kê, nhưng cũng đã chỉ ra các đối tượng cơ bản của quyền SHTT là “*kết quả của hoạt động trí tuệ và uy tín kinh doanh*”. Kết quả sáng tạo của trí tuệ như sáng chế, tác phẩm văn học nghệ thuật và những biểu tượng, tên gọi và hình ảnh được sử dụng trong thương mại được gọi chung bằng thuật ngữ SHTT. Như vậy, QTG và SHCN là hai trụ cột cơ bản của quyền SHTT. Đây còn được gọi là các loại hình SHTT; những hình thức khác được phát triển và thiết lập hoặc trở thành một loại hình mới hoặc một phần của một trong hai loại hình cơ bản nói trên.

Khái niệm quyền SHTT ở Việt Nam được giải thích trong Luật SHTT: “*Quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm QTG và quyền liên quan đến QTG, quyền SHCN và quyền đối với giống cây trồng*” (khoản 1 Điều 4). So với khái niệm quốc tế, pháp luật Việt Nam xác định quyền SHTT được phân thành 3 nhóm là: QTG, quyền liên quan đến QTG; quyền SHCN và quyền đối với giống cây trồng.

Từ định nghĩa tại khoản 1 Điều 4 Luật SHTT, có thể liệt kê các đối tượng của quyền SHTT bao gồm: tác phẩm; cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh; giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra định nghĩa:

Quyền SHTT là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản SHTT, bao gồm các quyền liên quan tới các tác phẩm; cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh; giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Dưới góc độ pháp lý hình sự, hành vi xâm phạm quyền SHTT là hành vi gây thiệt hại đến quyền lợi của chủ quyền SHTT, trái với quy định của BLHS; đó không phải là sự ảnh hưởng, tác động đơn thuần tới quyền SHTT của chủ thể quyền mà là hành vi gây ra các thiệt hại cho quyền SHTT.

Xâm phạm quyền SHTT được thể hiện bằng các hành vi khác nhau như: sao chép, sử dụng, phân phối hoặc bằng các hình thức khác... khai thác một cách trái phép các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác qua đó trục lợi bất chính hoặc gây ra thiệt hại cho chủ sở hữu quyền. Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể khác nhau, tùy vào đó, cách thức xử lý với những hành vi đó cũng sẽ khác nhau.

Khái niệm tội phạm SHTT được Interpol đưa ra và giải thích đây là một thuật ngữ chung được sử dụng để mô tả các tội danh làm giả và vi phạm bản quyền, trong đó: Làm giả nhãn hiệu và vi phạm bản quyền là những tội phạm nghiêm trọng về SHTT nhằm lừa dối người tiêu dùng, đe dọa sức khỏe và sự an toàn, gây thiệt hại cho xã hội hàng tỷ đô la doanh thu của chính phủ, đầu tư nước ngoài hoặc lợi nhuận kinh doanh và vi phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu, bằng sáng chế và bản quyền. Sản phẩm giả gây ra mối đe dọa an toàn đáng kể cho người tiêu dùng trên toàn thế giới. Những khách hàng không nghi ngờ sẽ khiến sức khỏe, thậm chí tính mạng của họ gặp nguy hiểm mỗi khi họ sử dụng các sản phẩm bị làm giả, tiêu thụ đồ uống có cồn và thực phẩm bị làm giả hoặc di chuyển trên ô tô và máy bay được bảo dưỡng bằng các bộ phận giả kém chất lượng.

Báo cáo đánh giá mối đe dọa từ tội xâm phạm quyền SHTT của Liên minh Châu Âu năm 2019 cũng nêu quan điểm: *“Làm giả và vi phạm bản quyền được sử dụng để mô tả một loạt các hoạt động bất hợp pháp, thường liên quan đến các nhãn hiệu và bằng sáng chế đã đăng ký (đối với hàng giả) và bản quyền và thiết kế (đối với vi phạm bản quyền). Cùng với nhau, chúng cấu thành tội phạm SHTT.”* [9]

Các nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam cũng liệt kê và chỉ ra được các hành vi phạm tội được coi là các tội xâm phạm quyền SHTT như nghiên cứu

của tác giả Lê Hoài Nam đã nêu rõ các dấu hiệu đặc trưng cơ bản về nội dung, hình thức của các tội xâm phạm quyền SHTT: *“là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong BLHS do người có đủ năng lực TNHS vì mục đích kinh doanh hoặc vụ lợi mà xâm phạm QTG, QLQ; nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý hoặc các đối tượng SHTT khác đang được bảo hộ tại Việt Nam với quy mô thương mại và đáng bị xử lý bằng hình phạt”*. [101, tr. 51]

Khoản 1 Điều 8 của BLHS có đưa ra định nghĩa: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”*. Định nghĩa này được đánh giá là có tính khoa học, thể hiện tập trung nhất quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm. Đây vừa là cơ sở khoa học thống nhất cho việc xác định những loại tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS cũng như là cơ sở cho việc nhận thức và áp dụng đúng đắn những điều luật quy định về từng tội phạm cụ thể. Việc xây dựng định nghĩa về các tội xâm phạm quyền SHTT theo pháp luật hình sự Việt Nam cũng dựa trên điểm chung về tội phạm được nêu trong BLHS.

Là những tội phạm được quy định trong BLHS hiện hành, các tội xâm phạm quyền SHTT vừa mang đầy đủ những đặc điểm của tội phạm nói chung, đồng thời mang đặc trưng riêng của nhóm tội này, cụ thể là:

- *Các tội xâm phạm quyền SHTT là hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội*. Tính nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này thể hiện ở tính gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ SHTT qua đó gây thiệt hại cho trật tự quản lý kinh tế. Hầu hết các quốc gia đều quan tâm và đặt ra việc bảo vệ quyền SHTT bằng biện pháp hình sự bởi quan hệ SHTT có ý nghĩa quan trọng đối với không chỉ chủ thể quyền SHTT, chủ thể sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng mà còn liên quan đến sự phát triển của quốc gia. Những quy định này góp phần khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy nỗ lực, cống hiến của các cá nhân vào hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo nghệ thuật tạo ra những sản phẩm vật chất, tinh thần cho đời sống xã hội; việc xử lý nghiêm các vi phạm SHTT góp phần giảm thiểu tổn thất cho các nhà sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy họ phát triển, kinh doanh hợp pháp; việc thực thi có hiệu quả quy định về bảo vệ quyền SHTT giúp người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn và sử dụng các dịch vụ, hàng hóa chất lượng,

đảm bảo lợi ích của chính họ. Bảo vệ quyền SHTT tốt sẽ tạo ra môi trường lành mạnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ, bảo vệ lợi ích quốc gia. Bảo vệ quyền SHTT dần trở thành một trong các điều kiện tiên quyết để tham gia quan hệ thương mại quốc tế, qua đó thúc đẩy hoạt động thương mại lành mạnh trên phạm vi toàn cầu.

Theo một nghiên cứu được thực hiện bởi EUIPO và Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD) vào năm 2019, ước tính về vi phạm quyền SHTT trong thương mại quốc tế năm 2016 có thể đạt bằng 3,3% thương mại thế giới. Cùng với đó là sự sụt giảm doanh số bán hàng trong nhiều lĩnh vực đưa đến hệ quả tăng số tiền lỗ lên nhiều chục tỷ EURO và mất việc làm của hàng trăm nghìn người lao động qua mỗi năm (chỉ tạm thống kê trong khu vực Châu Âu). Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp vào ngân sách các quốc gia cũng theo đó bị mất đi không ít.

- Các tội xâm phạm quyền SHTT phải được quy định trong Bộ luật hình sự.

Nguồn của Luật hình sự Việt Nam theo nghĩa hẹp là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật hình sự. Nguồn Luật hình sự dưới dạng văn bản pháp luật ở các quốc gia trên thế giới chủ yếu là tồn tại dưới ba hình thức: BLHS và Luật chuyên ngành có chứa quy phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, ngành Luật hình sự có nguồn duy nhất là BLHS. Do đó, tất cả tội phạm và hình phạt được quy định chính thức trong BLHS.

Các tội xâm phạm quyền SHTT được quy định tại Chương XVIII của BLHS năm 2015 (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế), cụ thể là: Tội xâm phạm QTG, QLQ (Điều 225); Tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 226). Ngoài ra, còn có các tội có liên quan đến quyền SHTT, như: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 195).

- Các tội xâm phạm quyền SHTT do người có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS hoặc pháp nhân thương mại thực hiện. Các tội xâm phạm quyền SHTT được quy định trong BLHS phải do người có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại thực hiện.

Đối với chủ thể thực hiện tội phạm là cá nhân, những người này phải đáp ứng đủ dấu hiệu chủ thể của tội phạm ở các yếu tố năng lực TNHS và độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên.

Bên cạnh việc truy cứu TNHS của cá nhân, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam đã quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội xâm phạm quyền SHTT. Theo quy

định của BLHS năm 2015, TNHS của pháp nhân thương mại đối với các tội xâm phạm quyền SHTT được đặt ra khi hành vi phạm tội đó được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại, vì lợi ích của pháp nhân thương mại và được sự chỉ đạo/điều hành/chấp thuận của pháp nhân thương mại. Việc truy cứu TNHS cũng chỉ đặt ra khi còn thời hiệu truy cứu TNHS đối với tội phạm đó.

- *Các tội xâm phạm quyền SHTT được thực hiện với lỗi cố ý.* Hành vi xâm phạm quyền SHTT trở thành tội phạm khi thái độ tâm lý chủ quan của người phạm tội thuộc trường hợp nhận thức rõ tính chất nguy hiểm và trái pháp luật của hành vi của mình nhưng mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả của hành vi đó xảy ra. Hiện nay các sách báo, phim ảnh lậu bản; hàng hóa gắn nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo khá tinh vi đang tràn lan trên thị trường, vào từng góc ngách trong đời sống người tiêu dùng. Không loại trừ trong số những đơn vị kinh doanh, nhà cung cấp đã nhập khẩu, phân phối, buôn bán hàng hóa vi phạm SHTT nhưng không nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi này. Trong những trường hợp đó, về mặt lý luận có trường hợp hành vi của họ không có lỗi cố ý, vì vậy, không đặt ra vấn đề TNHS.

- *Các tội xâm phạm quyền SHTT phải bị xử lý hình sự.* BLHS quy định hành vi phạm tội, đồng thời quy định hình phạt có thể được áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đó. So với các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật khác, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước có tính nghiêm khắc nhất, chỉ áp dụng cho người, pháp nhân thương mại phạm tội.

Từ định nghĩa chung về tội phạm và các đặc điểm của hành vi xâm phạm quyền SHTT, có thể định nghĩa về các tội xâm phạm quyền SHTT như sau:

Các tội xâm phạm quyền SHTT là những hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội được quy định trong BLHS, do người đủ tuổi chịu TNHS, có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản trí tuệ và theo quy định của BLHS phải chịu hình phạt.

Từ khái niệm về tình hình tội phạm và khái niệm về các tội xâm phạm quyền SHTT, có thể đưa ra định nghĩa về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như sau:

Tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là một hiện tượng xã hội, pháp lý – hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội xâm phạm quyền SHTT do các cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện ở nước ta trong một khoảng thời gian nhất định.

2.2.2. Nội dung của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Xuất phát từ tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình hình diễn biến phức

tập cũng như hậu quả thiệt hại do các tội xâm phạm quyền SHTT gây ra đã làm cho hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trở thành một nhu cầu tất yếu, quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, TTATXH. Thông qua việc nghiên cứu lý luận phòng ngừa tình hình tội phạm và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, nội dung phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT gồm các nội dung sau:

- Khắc phục, hạn chế các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

+ Nghiên cứu nắm rõ, nhận định, đánh giá đúng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua việc phân tích thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội phạm này, đặc biệt chỉ ra được các đặc điểm nhân thân của người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT.

+ Xác định rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Cần tập trung chỉ rõ được các hiện tượng, yếu tố tiêu cực trong môi trường gia đình, nhà trường, xã hội và đặc điểm tâm lý tiêu cực của cá nhân đóng vai trò là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; từ đó nhận định, đánh giá đúng đắn về thực trạng phòng ngừa, hiệu quả hoạt động phòng ngừa cũng như chỉ rõ những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian qua.

+ Xây dựng, đề ra các chủ trương, kế hoạch và tiến hành các biện pháp phòng ngừa nhằm khắc phục, hạn chế, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

+ Quán triệt yêu cầu phòng ngừa là chính, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ, chủ động dự báo sớm và giải quyết các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và những vấn đề phức tạp về trật tự xã hội ngay từ cơ sở. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội ở địa bàn cơ sở trong phòng, chống tội phạm. Tăng cường tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm, nhất là trên mạng xã hội. Thực hiện đồng bộ các biện pháp kiềm chế, kéo giảm tội phạm, trong đó chú trọng giải quyết những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, tập trung là công tác bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ, giải quyết những khó khăn về đời sống của nhân dân do tác động của đại dịch Covid-19, nhất là đối với nhóm đối tượng có nguy cơ phạm tội cao; giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ nhân dân; quản lý, giáo dục đoàn viên, hội viên, con em trong gia

đình không phạm tội và tệ nạn xã hội, tổ chức tốt công tác tái hòa nhập cộng đồng cho số đối tượng chấp hành xong án phạt tù, đối tượng được đặc xá.

- *Nhanh chóng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án để nâng cao hiệu quả chống các tội xâm phạm quyền SHTT.*

+ Tiến hành các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng CAND nhằm thu thập thông tin về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, ngăn chặn các tội xâm phạm quyền SHTT xảy ra.

+ Tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT. Xuất phát từ thực tiễn là không phải lúc nào việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội cũng mang lại hiệu quả như mong muốn và biểu hiện cụ thể là vẫn có các tội xâm phạm quyền SHTT xảy ra. Do vậy, trường hợp các tội xâm phạm quyền SHTT đã xảy ra thì việc truy cứu TNHS, áp dụng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước là hoạt động cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội phạm này.

+ Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia; tội phạm buôn lậu, hàng giả, hàng nhái; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm pháp luật về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, tội phạm sử dụng công nghệ cao.

+ Các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; công tác bắt, giam, giữ và điều tra, xử lý tội phạm. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc chấp hành pháp luật trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở các ngành và địa phương.

- *Khắc phục hạn chế trong hệ thống biện pháp phòng ngừa và triển khai biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.*

+ Các cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng, triển khai các Nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch trong việc phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

+ Nâng cao hiệu lực công tác tổ chức, quản lý điều hành xã hội nhằm xác định rõ chức trách, nhiệm vụ của các chủ thể phòng ngừa; khắc phục những thiết sót, buông lỏng trong công tác quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, bịt kín sơ hở mà người phạm tội có thể lợi dụng thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT.

+ Giáo dục, nâng cao nhận thức, trình độ hiểu biết pháp luật và tinh thần trách nhiệm cùng thái độ không khoan nhượng của nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; hướng dẫn, nhắc nhở người dân tự khắc phục các nguyên nhân, điều kiện phạm tội do mình tạo ra.

+ Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, pháp luật của Đảng, Nhà nước hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm; trong đó, xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tội phạm. Triển khai Kết luận số 13-KL/TW ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

+ Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

+ Chủ động nắm, phân tích, dự báo tình hình thế giới, khu vực từ sớm, từ xa; kịp thời tham mưu, đề xuất Đảng, Nhà nước các chủ trương, đối sách phù hợp nhằm giữ vững chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia và những vấn đề căn cơ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

+ Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý cư trú, quản lý hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu căn cước công dân; khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân phục vụ công tác phòng, chống tội phạm.

+ Thường xuyên sơ kết, tổng kết công tác phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT để làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn để rút kinh nghiệm, rút ra các bài học thực tiễn, phát huy cao độ các kết quả đạt được đồng thời khắc phục các hạn chế, yếu kém, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

+ Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm theo hướng đi vào chiều sâu, thực chất. Thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia về phòng, chống tội phạm; qua đó, tranh thủ các nguồn lực quốc tế phục vụ công tác phòng, chống tội phạm.

+ Tiếp tục tăng cường các nguồn lực cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, trang bị phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống tội phạm.

Tóm lại, nội dung chính cốt lõi của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền

SHTT là việc tiến hành đồng bộ các biện pháp phòng ngừa nhằm hướng đến việc kiềm chế, dần hạn chế, khắc phục, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ hoặc làm vô hiệu hóa các yếu tố, hiện tượng đóng vai trò là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT để từ đó tác động đến từng cá nhân trong xã hội không nảy sinh ý định xâm phạm quyền SHTT và những ai đã có ý định phạm tội sẽ không có điều kiện, cơ hội để bộc lộ ra bên ngoài mà từ bỏ ý định đó một cách hoàn toàn. Nếu các tội xâm phạm quyền SHTT đã xảy ra thì chủ thể chuyên trách phòng ngừa áp dụng các biện pháp xử lý về mặt hình sự thông qua các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người phạm tội, từ đó cải tạo, răn đe, giáo dục người phạm tội và công dân khác trong xã hội không bước chân vào con đường phạm tội các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.2.3. Nguyên tắc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là một bộ phận của phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung nên phải tuân thủ các nguyên tắc chung trong phòng ngừa tình hình tội phạm. Những nguyên tắc này chính là những đảm bảo cần thiết, quan trọng cho hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có hiệu quả.

- Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Xuất phát từ bản chất tính giai cấp của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm do đó hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần đảm bảo sự chỉ đạo chặt chẽ, lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng. Nguyên tắc này đòi hỏi mọi quan điểm, biện pháp, mọi phương thức xây dựng, tổ chức hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải được quán triệt một cách nhất quán với quan điểm của Đảng về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung cũng như tuân thủ tuyệt đối sự chỉ đạo, lãnh đạo các cấp ủy Đảng trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nguyên tắc pháp chế XHCN trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được hiểu là hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải có cơ sở pháp luật, hợp hiến và hợp pháp. Để nguyên tắc pháp chế được thực hiện trên thực tế, đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT hoàn chỉnh, đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ và hợp lý; cùng với đó là sự tuân thủ, chấp hành đầy đủ, nghiêm túc và nhất quán các quy định của Hiến pháp và pháp luật của các chủ thể khi tiến hành hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm

phạm quyền SHTT.

- Nguyên tắc dân chủ trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Dân chủ là một trong những nguyên tắc nổi bật thể hiện bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc dân chủ đòi hỏi hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải có sự hưởng ứng, tham gia tích cực, rộng rãi, chủ động, sáng tạo và có hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị. Cần xác định rằng không một cơ quan, tổ chức nào có khả năng độc lập giải quyết toàn bộ nhiệm vụ phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, mà đây là công việc chung của toàn xã hội, đòi hỏi phải có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân.

- Nguyên tắc nhân đạo trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Xét cho cùng mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là không để cho một cá nhân nào trong xã hội phải thực hiện các tội xâm phạm quyền SHTT cũng như phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi, điều này đồng nghĩa với việc nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp con người, hướng con người tới cuộc sống tốt đẹp hơn. Việc tuân thủ nguyên tắc nhân đạo có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có liên quan, đảm bảo tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa; hạn chế những tổn thương cho người phạm tội nói riêng và cho xã hội nói chung.

- Nguyên tắc khoa học và tiến bộ trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT

Đây là nguyên tắc phản ánh hệ thống những quan điểm nhận thức về quy luật tồn tại khách quan của tình hình tội phạm và việc áp dụng các biện pháp khoa học vào phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Nội dung của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ việc tổ chức hệ thống các chủ thể phòng ngừa, các chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải được xây dựng và tiến hành trên cơ sở khoa học, mang tính chất đồng bộ, có hệ thống, phù hợp với tiến trình phát triển của xã hội và xu hướng đấu tranh phòng, chống các tội phạm khác. Đồng thời phải biết khai thác, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ vào hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các đối tượng nghiệp vụ, trong tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm.

- Nguyên tắc đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Thực tế có rất nhiều chủ thể tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT với những chức năng, nhiệm vụ khác nhau như các cấp ủy đảng,

Hội đồng nhân dân, UBND các cấp, các cơ quan tiến hành tố tụng, các tổ chức chính trị-xã hội, quần chúng nhân dân... Do đó hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT chỉ có thể phát huy được hiệu quả cao nhất khi các chủ thể hoạt động phòng ngừa chủ động tham gia phối hợp, hỗ trợ, nhất quán nhau về hình thức, nội dung, phạm vi, biện pháp, cách thức tiến hành các hoạt động phòng ngừa và phải đặt trong một cơ chế phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, đồng bộ, thống nhất, có sự phân định rõ ràng, rành mạch chức năng, nhiệm vụ của từng chủ thể trên từng địa bàn, từng lĩnh vực nhất định; có sự điều hành thống nhất giữa các cơ quan chuyên trách và không chuyên trách.

Bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc chung trong phòng ngừa tội phạm, xuất phát từ tính đặc thù của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, tác giả cho rằng hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần tuân thủ thêm hai nguyên tắc đặc thù sau:

- *Nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.*

Bảo đảm quyền con người, quyền công dân là một trong những vấn đề quan trọng, được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chủ trương nhất quán đó đã được thể hiện trong các Văn kiện của Đảng, Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*”. Điều 15 và Điều 16 Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hướng: “*Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác...*”.

Để bảo đảm quyền con người, quyền công dân tránh bị xâm hại trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT đòi hỏi hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cũng phải tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc bảo đảm quyền con người. Con người được nói tới ở đây là bị can, bị cáo, người bị tạm giữ, người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT, người có nguy cơ phạm các tội xâm phạm quyền SHTT, các cá nhân có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, tiến hành, áp dụng, triển khai các biện pháp phòng ngừa, những người tham gia tố tụng khác hay là bất kỳ người dân nào tham gia hoạt động phòng ngừa và chịu sự tác động từ hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nguyên tắc này đòi hỏi cần tạo ra các điều kiện cần thiết trong quá trình thực hiện các hoạt động ngăn ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT để các cá nhân, tổ chức có liên quan trong phòng ngừa có thể tiếp cận, thụ hưởng được các quyền của họ theo quy định của pháp luật. Đồng thời góp phần kiểm soát, hạn chế, ngăn ngừa nguy cơ xâm hại quyền con người từ các cơ quan tiến hành tố tụng và các chủ thể khác. Bảo đảm quyền con người trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT sẽ trực tiếp khẳng định địa vị pháp lý của những người tham gia tố tụng hình sự với những quyền, nghĩa vụ cụ thể được quy định trong pháp luật.

Để thực hiện hiệu quả nguyên tắc này đòi hỏi cần nâng cao nhận thức về việc đảm bảo quyền con người từ phía các chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; cần phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức và quần chúng nhân dân trong việc giám sát đảm bảo quyền con người trong hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT ở các chủ thể, đặc biệt là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc ngăn ngừa, điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nguyên tắc này khẳng định sự thống nhất chặt chẽ giữa quyền và nghĩa vụ của mỗi người dân trong việc tham gia phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nhưng cũng nhấn mạnh việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi người trong phòng, chống tội phạm phải đặt trong mối quan hệ với việc tôn trọng và đảm bảo quyền con người, tránh xâm phạm đến quyền hợp pháp của người khác cho dù đó là người thực hiện hành vi phạm tội.

- Nguyên tắc phòng ngừa theo địa bàn, theo đối tượng thực hiện tội phạm, theo đặc điểm nạn nhân trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Nguyên tắc phòng ngừa theo địa bàn đòi hỏi hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải gắn với đặc điểm đặc trưng về địa lý, con người của từng vùng, miền. Con người ở mỗi vùng, miền khác nhau đều có những đặc trưng văn hóa, dân cư vùng, miền khác nhau. Chính đặc trưng văn hóa, dân cư khác nhau đã ảnh hưởng đến các quan điểm về đạo đức, văn hóa truyền thống, ảnh hưởng đến tâm lý, thói quen tiêu dùng khác nhau. Có những vùng, miền người dân, nhất là tầng lớp thanh, thiếu niên có tư tưởng hướng ngoại nên rất ưa chuộng các loại hàng hóa ngoại nhập. Lợi dụng tâm lý, thói quen này mà người phạm tội đã tìm mọi cách để thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT để có được các hàng hóa giả mạo với giá rẻ để thu lợi bất chính lớn. Một số vùng, miền, người dân lại có tâm lý ưa chuộng hàng giá rẻ. Vì vậy vấn đề quyết định nhu cầu tiêu dùng là giá cả chứ không phải nguồn gốc xuất xứ hay vấn đề ô nhiễm

môi trường do sản xuất tạo ra. Vì vậy, người phạm tội tìm mọi biện pháp để xâm phạm quyền SHTT làm cho hàng hóa có giá rẻ để dễ dàng tiêu thụ với lợi nhuận lớn.

Xuất phát từ các đặc điểm tâm lý, văn hóa, đặc điểm dân cư vùng miền, nên càng làm rõ các đặc trưng vùng miền thì càng có cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là hoạt động tổ chức, bố trí lực lượng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trên từng địa phương. Tương ứng với mỗi đối tượng phòng ngừa khác nhau, sẽ lựa chọn chủ thể, biện pháp, nội dung, hình thức phòng ngừa sao cho phù hợp nhằm phát huy hiệu quả cao nhất các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.3. Cơ sở của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT xét về bản chất là hoạt động tác động vào nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm nhằm không cho tội phạm xảy ra, vừa phải kịp thời phát hiện và xử lý tội phạm. Để đạt được mục tiêu đã đề ra, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần thiết phải được tiến hành dựa trên những cơ sở nhất định, đó là: Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn.

2.3.1. Cơ sở chính trị

Phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng trước hết dựa trên cơ sở là các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong phòng, chống tội phạm.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, kết hợp chặt chẽ tính tích cực của quần chúng với công tác nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn. Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, thì phòng ngừa là biện pháp chủ yếu. Để giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội cần chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm cơ bản. Những quan điểm này được thể hiện rõ nét qua các Văn kiện, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chỉ đạo của Ban Bí thư qua từng thời kỳ, như:

+ Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã chỉ rõ: “Hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm theo hướng xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa...”. Điều này thể hiện đậm nét vai trò lãnh đạo của Đảng trong phòng chống tội phạm. Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2006 về Chiến lược cải cách

tư pháp đến năm 2020 đã xác định cần “Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội”. Như vậy trong các Nghị quyết trên đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách hình sự, hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa.

+ Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới đã xác định “Công tác phòng, chống tội phạm là một nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa thường xuyên, lâu dài, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội”; đồng thời, Ban Bí thư yêu cầu “Chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công trấn áp các loại tội phạm... Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm trước hết về tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách; phải thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tội phạm; chỉ đạo thực hiện tốt công tác nắm tình hình, chủ động xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa giải quyết các vấn đề bức xúc về an ninh, trật tự ngay từ cơ sở”. Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới... cũng đã thể hiện quan điểm rõ ràng của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

+ Nghị quyết số 38-2017/NQ-CP ngày 25/4/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các FTA thế hệ mới chỉ rõ: “Rà soát, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật để bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt về SHTT”.

+ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

"hoàn thiện thể chế về SHTT theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền SHTT được bảo vệ và thực thi hiệu quả".

+ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 *"Hoàn thiện pháp luật về SHTT, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền SHTT, đặc biệt là đối với các sản phẩm tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia. Khuyến khích các công ty đa quốc gia đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam"*.

+ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là phải *"hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ SHTT"*. Việc *"tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền SHTT"* cũng được đặt ra trong nhiệm vụ chung về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nằm trong Chiến lược của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

+ Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về *"Đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới"*.

+ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới trong đó đã đề ra một trong các nhiệm vụ là *"Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân"*. Nội dung này đã đưa ra nhiều nhiệm vụ, biện pháp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan từ cơ quan Điều tra đến Viện kiểm sát, Tòa án và Cơ quan Thi hành án. Đây chính là cơ sở chính trị quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động xử lý tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, từ đó cũng nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng.

2.3.2. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý có vai trò quan trọng trong cụ thể hóa và triển khai và thực hiện các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

Xét một cách tổng quát thì cơ sở pháp lý quan trọng của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là một cơ cấu phức tạp, bao gồm các quy định của nhiều ngành luật khác nhau. Để cụ thể hóa đường lối của Đảng, từng bước đưa công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đi vào thực tiễn, Hiến pháp của Nhà nước ta qua các thời

kỳ đã xác định phòng ngừa tội phạm là trách nhiệm của toàn xã hội, việc tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm phải trên cơ sở tuân thủ triệt để các quy định của Hiến pháp và pháp luật, cụ thể như: Điều 8 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật*”; Điều 51 quy định “*Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, TTATXH và chấp hành những quy tắc sinh hoạt cộng đồng*”. Đây chính là nền tảng pháp lý cơ bản nhất của hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở nước ta.

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 đã quy định: “*hoàn thiện chính sách tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHTT*”.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, biện pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 với phương châm hành động “*Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển*” với 06 quan điểm trọng tâm chỉ đạo, điều hành; trong đó tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội là trọng tâm, then chốt.

- Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Nhằm kịp thời đấu tranh phòng, chống tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, thời gian qua Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa đường lối của Đảng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, khắc phục sơ hở, thiếu sót trong phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT. Ban Chỉ đạo 389 quốc gia chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh các hoạt động buôn lậu, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Đẩy mạnh thanh tra hành chính, kiểm tra chuyên ngành nhằm chấn chỉnh quản lý, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực, góp phần phòng ngừa tội phạm về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu. Tập trung điều tra các vụ án, vụ việc kinh tế, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp. Chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, xác minh,

điều tra làm rõ các sai phạm có tác dụng lan tỏa, mang tính chất cảnh tỉnh trong những lĩnh vực nhạy cảm.

Quyết định số 623/2016/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó đã nêu rõ: *“Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các cơ quan chức năng làm nòng cốt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm”*. Những chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của chính phủ là cơ sở quan trọng của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Ngoài ra còn có các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, TAND tối cao và các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành (xem Phụ lục 1)

Các bộ, ngành liên quan đã ban hành những quy định về công tác phòng, chống tội phạm. Những văn bản này thể hiện sự kiên quyết của Đảng và Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức lực lượng và triển khai các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.3.3. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là dựa trên nền tảng cơ sở lý luận của Tội phạm học. Tội phạm học cung cấp những nền tảng lý luận về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội và lý luận về phòng ngừa tình hình tội phạm.

Trên cơ sở nền tảng lý luận của Tội phạm học, tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như trên đã định nghĩa là một hiện tượng xã hội, pháp lý – hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội xâm phạm quyền SHTT do các cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện ở nước ta trong một khoảng thời gian nhất định. Tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được nhận thức thông qua các thông số về thực trạng, diễn biến, cơ cấu và tính chất của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Thực trạng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là số lượng các tội xâm phạm quyền SHTT đã thực hiện và các chủ thể (cá nhân, pháp nhân thương mại) đã thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT trong một khoảng thời gian nhất định. Thực trạng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT bao gồm cả số lượng tội phạm rõ và tội phạm

ẩn. [181, tr. 63] Tội phạm rõ của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là toàn bộ số lượng các tội xâm phạm quyền SHTT đã được phát hiện và được xử lý bằng bản án có hiệu lực pháp luật và có trong số liệu thống kê hình sự. Tội phạm ẩn của các tội xâm phạm quyền SHTT là thực tế đã xảy ra nhưng vì những lý do nhất định nên chưa được phát hiện, chưa được xử lý và không có trong số liệu thống kê tội phạm. Khi phân tích về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thì phải đánh giá cả tội phạm rõ và tội phạm ẩn để nhận thức đầy đủ và chính xác về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Động thái của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là sự vận động của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong một khoảng thời gian nhất định (ba năm, năm năm, mười năm...). Động thái của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giúp cho việc nhận thức về xu hướng, quy luật vận động của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong khoảng thời gian nghiên cứu.

Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là tỷ trọng và mối tương quan giữa các bộ phận trong tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT theo những đặc điểm nào đó, như đặc điểm về nhân thân, đặc điểm về loại tội phạm, đặc điểm về địa bàn phạm tội... Các chỉ số về cơ cấu của THTP chỉ rõ đặc điểm lượng – chất của tính nguy hiểm cho xã hội của THTP có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ nguyên nhân, điều kiện của THTP và đối với việc tổ chức phòng ngừa tội phạm. [181, tr. 65-66]

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về thực trạng của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT sẽ phân tích làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Nguyên nhân và điều kiện của THTP là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình. [181, tr.87] Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT chính là những hiện tượng tiêu cực trong môi trường kinh tế - xã hội, những hiện tượng tiêu cực trong môi trường văn hóa – giáo dục, những hiện tượng tiêu cực trong quản lý nhà nước, những hạn chế trong tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, những hạn chế từ phía nạn nhân của tội phạm.

Lý luận về phòng ngừa tình hình tội phạm làm rõ khái niệm, mục đích, cơ sở, nội dung, nguyên tắc phòng ngừa THTP, các chủ thể phòng ngừa THTP và các biện pháp phòng ngừa THTP. [181, tr. 154-181] Lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là sự vận dụng lý luận phòng ngừa THTP để phòng ngừa một nhóm tội.

2.3.4. Cơ sở thực tiễn

Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là hướng vào mục đích thủ tiêu nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm. Muốn phòng ngừa tình hình các tội

xâm phạm quyền SHTT phải dựa trên sự phân tích, đánh giá toàn bộ tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT đã xảy ra trong một giai đoạn nhất định, từ đó làm rõ những nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm. Chỉ trên cơ sở các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT đã được làm rõ thì mới có thể đề ra các biện pháp để hạn chế hay loại trừ các nguyên nhân và điều kiện này.

Mặt khác, hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là hoạt động luôn được thực hiện cùng với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước trong các giai đoạn. Để tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT để tổng kết những kết quả đạt được cũng như làm rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém. Từ đó mới đề ra được các biện pháp nhằm phát huy các ưu điểm, khắc phục các hạn chế để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.4. Chủ thể và các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

2.4.1. Chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh, *“chủ thể phòng ngừa tội phạm bao gồm chủ thể lãnh đạo quá trình phòng ngừa và chủ thể thực hiện quá trình phòng ngừa tội phạm”*. Theo quan điểm này, Đảng Cộng Sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo toàn diện hoạt động phòng ngừa tội phạm, Quốc hội là chủ thể ban hành pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa tội phạm và Chính phủ là chủ thể triển khai, thi hành pháp luật phòng ngừa tội phạm. Đây là những chủ thể quan trọng lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung mà hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở tầm vĩ mô trên phạm vi cả nước. Các cơ quan bảo vệ pháp luật (lực lượng Công an, VKSND, TAND), các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt các chủ thể là tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân là các chủ thể triển khai các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

2.4.1.1. Đảng lãnh đạo toàn diện hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Đảng lãnh đạo hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua các nghị quyết của Đảng. Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới đã xác định rõ: *“Công tác phòng, chống tội phạm là một nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa thường xuyên, lâu dài, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội”*. Ban Bí thư đã yêu cầu *“Chủ*

động phòng ngừa, tích cực tấn công trấn áp các loại tội phạm...”. Những đường lối, quan điểm của Đảng chính là kim chỉ nam cho hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng.

Các cấp ủy Đảng lãnh đạo toàn diện hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT bằng cách thông qua việc lãnh đạo toàn diện hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng ở từng địa phương, từng giai đoạn cụ thể bảo đảm các hoạt động phòng, chống tội phạm luôn đạt hiệu quả cao nhất để bảo vệ tối đa mọi lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

2.4.1.2. Quốc hội ban hành pháp luật, giám sát thực thi pháp luật, tạo cơ sở pháp lý hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Quốc hội với vai trò “*thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp*” đã ban hành rất nhiều bộ luật, luật, nghị quyết để cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động phòng ngừa THTP các tội xâm phạm quyền SHTT. Những quy định của BLHS năm 2015 về các tội xâm phạm quyền SHTT, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự... chính là những cơ sở pháp lý quan trọng trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

Quốc hội cũng là cơ quan thực hiện việc giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội, trong đó có các văn bản luật liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT. Qua đó để điều chỉnh các hoạt động này một cách có hiệu quả nhất để bảo vệ tốt nhất các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội.

2.4.1.3. Chính phủ và các bộ, ngành

Trong phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, Chính phủ và các bộ, ngành có vai trò đặc biệt quan trọng. Điều 94 Hiến pháp năm 2013 xác định: “*Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội*”. Khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định ba nhóm nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật: “*1. Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra*

việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật; 2. Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ; 3. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án”.

Từ những quy định trên cho thấy, để phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, Chính phủ cần thực hiện các nội dung:

Thứ nhất, tập trung chỉ đạo, tổ chức rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, từ quy định của BLHS, Luật SHTT, Luật xử lý vi phạm hành chính... đến các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật để bảo đảm một hành lang pháp lý hữu hiệu. Chính phủ cần kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT hoặc kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có những bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT. Từ đó giúp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Thứ hai, Chính phủ cần lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm. Những nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT phải được biên soạn với chất lượng cao, hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền để bảo đảm phát huy hiệu quả tối đa nhất. Chỉ khi từng cá nhân, tổ chức trong xã hội thấm nhuần và lĩnh hội đầy đủ những nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thì hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT mới đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, Chính phủ cần tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và tinh thần cảnh giác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong quần chúng nhân dân, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội

xâm phạm quyền SHTT; cần kịp thời tổ chức khen thưởng, tuyên dương các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ tư, Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; chỉ đạo các bộ, ban ngành, đoàn thể tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong từng đơn vị, địa bàn quận, huyện, xã, phường, thị trấn; đảm bảo các điều kiện vật chất như ngân sách, kinh phí, phương tiện, công cụ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Các bộ, ngành trong phạm vi thẩm quyền của mình triển khai các chiến lược, kế hoạch phòng, chống tội phạm hàng năm và các kế hoạch dài hạn nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi, có hiệu quả nhất chiến lược, kế hoạch phòng, chống tội phạm.

2.4.1.4. Các cơ quan bảo vệ pháp luật

a) Công an nhân dân

CAND là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, chức năng này được quy định cụ thể, trực tiếp trong Hiến pháp, BLHS, BLTTHS, đặc biệt là Luật CAND. Như vậy, CAND là lực lượng nòng cốt, có vai trò, trách nhiệm trực tiếp trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Vai trò phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT của lực lượng Công an được thể hiện qua các hoạt động như sau: trực tiếp tham mưu cho các cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc xây dựng, hoạch định các chương trình, kế hoạch phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn; trực tiếp tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như: Tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và nhất là quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; tiến hành các biện pháp phòng ngừa xã hội trong hệ thống các biện pháp phòng ngừa chung của cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức; tiến hành toàn diện các hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ như các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản, các phương pháp, chiến thuật trinh sát hay các biện pháp nghiệp vụ công khai nhằm phát hiện, ngăn chặn các tội xâm phạm quyền SHTT; tiến hành các hoạt động phát hiện, khởi tố, điều tra làm rõ và đề nghị truy tố người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT trước pháp luật; tiến hành thi hành án hình

sự và giáo dục cải tạo người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT; sơ kết, tổng kết thực tiễn, thống kê hình sự; phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội xâm phạm quyền SHTT và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

b) Viện Kiểm sát nhân dân

Luật Tổ chức VKSND năm 2014 ghi nhận: “*Viện Kiểm sát là một trong các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước, có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nhằm góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất*”. Vai trò của VKSND trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được thể hiện thông qua các hoạt động như: xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT; kiểm sát việc tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động khởi tố, điều tra, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT, đồng thời thực hiện chức năng truy tố người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT góp phần tích cực vào việc ngăn chặn tội phạm, kiểm chế, đẩy lùi và từng bước làm giảm tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

VKSND các cấp còn gián tiếp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua việc thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của mình. Hoạt động này không những đảm bảo tính đúng đắn hợp pháp trong hoạt động xét xử của Tòa án mà còn đảm bảo quyền con người, quyền công dân không bị xâm phạm trái pháp luật. Ngoài ra, VKSND còn chức năng thống kê, báo cáo tổng hợp về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, từ đó làm cơ sở kiến nghị, đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT.

c) Tòa án nhân dân

Theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013: “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”. Hoạt động của TAND các cấp trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được thể hiện trước hết thông qua việc xét xử, làm sáng tỏ bản chất của vụ án, mức độ lỗi của người phạm tội, quyết định loại và mức hình phạt đối với người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT. Trong quá trình xét xử, bên cạnh việc làm sáng tỏ bản chất thực sự của vụ án, Hội đồng xét xử còn chỉ ra được nguyên nhân và điều kiện tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cũng như nhân thân người phạm tội từ đó yêu cầu, kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục những sơ hở thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm hữu hiệu nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm

quyền SHTT. Việc xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT còn có vai trò, tác dụng quan trọng trong việc góp phần tuyên truyền giáo dục pháp luật, nâng cao tinh thần đấu tranh với các tội xâm phạm quyền SHTT ở người dân.

2.4.1.5. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng lao động và người dân

- *Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội bao gồm:* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức như: Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức xã hội khác như Hội Luật gia, Liên đoàn luật sư... Hoạt động của các tổ chức này trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được thể hiện qua việc: phối hợp và hỗ trợ các cơ quan chuyên môn xây dựng các kế hoạch phòng ngừa tội phạm; trực tiếp tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm cụ thể ở địa bàn, khu vực; tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn của các tội xâm phạm quyền SHTT, giúp người dân nâng cao ý thức cảnh giác; trực tiếp huy động các hội viên tham gia các chương trình phòng, chống tội phạm nói chung của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ, đơn vị của mình.

- *Công dân và mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 BLHS: “*Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm*”. Theo đó, mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội tham gia vào hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm thông qua việc thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân, của cá nhân, tổ chức đã được quy định trong Hiến pháp và pháp luật; chủ động phát hiện, ngăn ngừa, tố giác các tội xâm phạm quyền SHTT đến cơ quan chức năng nhanh chóng, kịp thời; tham gia cảm hóa, quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người có tiền án, tiền sự trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng, không tham gia phạm các tội xâm phạm quyền SHTT; hưởng ứng, thực hiện tốt chương trình, kế hoạch phòng chống tội phạm do chính quyền các cấp phát động tổ chức; đặc biệt có vai trò quan trọng trong việc tham gia quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình không bước chân vào con đường phạm tội.

2.4.2. Các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là một hiện tượng xã hội phức tạp, đa dạng và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau trong xã hội nên không chỉ các chủ thể tiến hành hoạt động phòng ngừa mà các biện pháp phòng ngừa áp dụng cũng phải đa dạng, phong phú, nhiều cấp độ. Trên cơ sở lý luận về tội phạm học và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có thể chia các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thành: Biện pháp hoàn thiện pháp luật, biện pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Biện pháp kinh tế - xã hội; Biện pháp

văn hóa - giáo dục; Biện pháp tổ chức - quản lý; Biện pháp chống tội phạm.

2.4.2.1. Biện pháp hoàn thiện pháp luật

Như trên đã phân tích, hệ thống pháp luật giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Hệ thống pháp luật chính là cơ sở pháp lý quan trọng trong tổ chức và vận hành hệ thống các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, những quy định về các tội xâm phạm quyền SHTT giữ vai trò quan trọng bởi đây chính là cơ sở để xác định cụ thể một hành vi được coi là hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT. Đây cũng là cơ sở quan trọng để phân biệt một hành vi xâm phạm quyền SHTT là tội phạm hay không phải là tội phạm (vi phạm hành chính, vi phạm dân sự). Bên cạnh đó, pháp luật về tổ tụng hình sự, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, pháp luật xử lý vi phạm hành chính... cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Hệ thống pháp luật đầy đủ, hoàn thiện, chi tiết, cụ thể thì tạo thuận lợi trong quá trình xử lý các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT. Ngược lại, quy định của pháp luật chưa đầy đủ, thiếu hoàn thiện, mâu thuẫn, chồng chéo, chưa cụ thể, rõ ràng thì sẽ gây ra những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết các vụ án về các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.4.2.2. Biện pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Biện pháp này nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật ở người dân; nâng cao ý thức quản lý, bảo vệ tài sản của người dân nhằm giảm thiểu nguy cơ trở thành nạn nhân trong các vụ việc xâm phạm quyền SHTT; nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT ở người dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm ở các chủ thể phòng ngừa. Đối tượng tuyên truyền cần tập trung vào hai nhóm đối tượng: nhóm đối tượng có nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là các doanh nghiệp. Nhóm thứ hai là những người có khả năng cao dễ trở thành người phạm tội. Đây là những nhóm người, chủ doanh nghiệp còn hạn chế về ý thức, đạo đức, văn hóa kinh doanh, nhóm người gặp khó khăn, hạn chế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nhóm người nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm... Quá trình thực hiện biện pháp này cần bám sát đặc điểm đối tượng được tuyên truyền để lựa chọn nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp. Chủ thể tiến hành các biện pháp tuyên truyền chủ yếu dựa vào các thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan truyền thông và các tổ chức, đoàn thể xã hội.

2.4.2.3. Biện pháp kinh tế - xã hội

Biện pháp này hướng đến việc khắc phục các nguyên nhân, điều kiện tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT từ các yếu tố kinh tế - xã hội bằng cách tập trung vào việc tăng cường cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước đến Việt Nam kinh doanh; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh, đẩy mạnh nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch sinh thái; tăng cường công tác đào tạo nhân lực có chất lượng cao, tạo công ăn việc làm cho người dân đặc biệt là cho bộ phận thanh thiếu niên không có công ăn việc làm, các đối tượng sau khi chấp hành án trở về địa phương; thực hiện tốt chính sách xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, hạn chế tác động tiêu cực từ quá trình đô thị hóa.

2.4.2.4. Biện pháp văn hóa - giáo dục

Biện pháp này góp phần xóa bỏ những nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT xuất phát từ trình độ văn hóa thấp và nhận thức kém, lệch lạc ở một bộ phận người dân. Chính quyền tiến hành các chủ trương, biện pháp, kế hoạch nhằm đảm bảo các chính sách về văn hóa, giáo dục cho người dân như khuyến khích việc học tập, nâng cao trình độ dân trí, phổ cập giáo dục tại địa phương, tăng cường dạy nghề, hướng nghiệp gắn với nhu cầu thực tiễn. Phát huy vai trò phối hợp của gia đình và nhà trường trong việc quản lý, giáo dục, rèn luyện nhân cách, đạo đức bên cạnh kiến thức văn hóa, chuyên môn, hình thành suy nghĩ tích cực và lối sống lành mạnh cho con em mình. Chính quyền đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tại các cơ sở đào tạo và dạy nghề; xây dựng các thiết chế văn hóa, tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao kết hợp đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa góp phần phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

2.4.2.5. Biện pháp tổ chức - quản lý nhà nước

Nhà nước với vai trò là cơ quan hành chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước và xã hội. Các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò quan trọng trong áp dụng pháp luật, đưa pháp luật vào thực tiễn đời sống xã hội. Thông qua hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là các cơ quan như Cục SHTT thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Bản quyền thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công thương, Các cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an, Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ thường xuyên tổ chức các hoạt động đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và các vấn đề liên quan đến xâm phạm quyền SHTT. Các cơ

quan này hoạt động càng hiệu quả thì càng góp phần bảo đảm hạn chế tối đa các hành vi xâm phạm quyền SHTT và ngược lại. Vì vậy, khắc phục các hạn chế, bất cập, yếu kém trong hoạt động của các cơ quan này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Biện pháp này nhằm khắc phục các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT từ những hạn chế trong hoạt động tổ chức, quản lý của các cơ quan chức năng, nhất là các cơ quan kể trên. Nội dung của biện pháp này bao gồm các hoạt động như: Rà soát, thống kê, quản lý, tổ chức ... bịt kín sơ hở không để các đối tượng xâm phạm quyền SHTT lợi dụng hoạt động phạm tội.

2.4.2.6. Biện pháp chống tội phạm

Đây là biện pháp do các cơ quan bảo vệ pháp luật (CAND, TAND và VKSND các cấp) tiến hành tác động trực tiếp đến đối tượng cụ thể nhằm mục đích phát hiện, vô hiệu hóa hoặc loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Nhóm biện pháp này có tính chuyên sâu của các cơ quan chuyên trách trong đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua các hoạt động như:

- Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cơ bản của lực lượng Công an trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT như tiến hành công tác điều tra cơ bản về hệ loại đối tượng, địa bàn, tuyến giao thông trọng điểm phức tạp về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; công tác sưu tra quản lý đối tượng có khả năng, điều kiện hoặc có biểu hiện nghi vấn liên quan đến hoạt động phạm các tội xâm phạm quyền SHTT; công tác xác minh hiềm nghi nhằm xác minh, làm rõ các đối tượng nghi vấn phạm các tội xâm phạm quyền SHTT; công tác xây dựng và sử dụng cộng tác viên bí mật nhằm thu thập thông tin về tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT hay thông tin về các tổ chức xâm phạm quyền SHTT; xác lập và đấu tranh chuyên án do các nhóm xâm phạm quyền SHTT gây ra. Kết hợp các hoạt động nghiệp vụ trinh sát như trinh sát xác minh, trinh sát ngoại tuyến... phục vụ phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, nhanh chóng làm rõ sự thật các vụ án xâm phạm quyền SHTT một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, không để lọt tội phạm và người phạm tội theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan điều tra. Qua đó làm rõ được các đặc về phương thức, thủ đoạn phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội cùng các đặc điểm nhân thân của người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra, xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT của VKSND các cấp.

- Tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thông qua chức năng xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT của TAND các cấp, thực hiện việc xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa nhằm làm sáng tỏ bản chất của vụ án, đảm bảo các bản án được tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cơ quan điều tra, TAND, VKSND các cấp thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phát hiện các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, từ đó yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong phạm vi trách nhiệm của mình. Đây là một nhiệm vụ không kém phần quan trọng so với nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đồng bộ.

2.4.2.7. Biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng như tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 các hành vi phạm tội nói chung, các hành vi xâm phạm quyền SHTT nói chung đã không còn giới hạn trong phạm vi từng quốc gia, vùng lãnh thổ mà đã mang tính xuyên quốc gia. Hành vi xâm phạm quyền SHTT không chỉ trong phạm vi giả mạo các nhãn hiệu hàng hóa tiêu dùng nổi tiếng như đồng hồ, túi xách mà đã mở rộng ra nhiều loại hàng hóa có chức năng bổ dưỡng, thuốc chữa bệnh, thuốc bảo vệ thực vật... có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người. Vì vậy hoạt động phòng, chống tội các tội xâm phạm quyền SHTT chỉ mang lại hiệu quả trên cơ sở hợp tác quốc tế thông qua các hiệp định song phương và đa phương giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Chỉ trên cơ sở tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế thì mới bảo đảm quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT mang tính xuyên quốc gia được nhanh chóng, thuận lợi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Lý luận về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT là một vấn đề khoa học pháp lý phức tạp có tính liên ngành, đa ngành. Để làm rõ lý luận về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT, không chỉ cần nghiên cứu lý luận về tội phạm, phòng ngừa tội phạm mà còn phải nghiên cứu những vấn đề có liên quan về SHTT. Trong chương này, tác giả đã trình bày hệ thống những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, bao gồm:

1. Nghiên cứu khái niệm quyền SHTT, các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy sự phong phú, nhiều chiều cạnh của các quan điểm khoa học, pháp định về bản chất, đặc điểm của các tội xâm phạm quyền SHTT.
2. Xác định khái niệm, đặc điểm và mục đích của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.
3. Xác định, chỉ rõ các cơ sở của phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT bao gồm: cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn.
4. Xác định được nội dung, nguyên tắc và các chủ thể phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT bao gồm chủ thể lãnh đạo và chủ thể triển khai thực hiện hoạt động phòng ngừa.
5. Xác định các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

Toàn bộ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT được trình bày sẽ là cơ sở quan trọng để tác giả nghiên cứu, đánh giá thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong giai đoạn từ 2012 đến năm 2022.

Chương 3. THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM

3.1. Thực tiễn tổ chức lực lượng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

3.1.1. Kết quả đạt được

- Về nhân lực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xâm phạm quyền SHTT.

Theo quy định tại Điều 200 Luật SHTT, thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT thuộc về Công an, Viện kiểm sát, Tòa án (áp dụng biện pháp hình sự), Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp (biện pháp xử lý hành chính và kiến nghị xử lý hình sự).

Thanh tra chuyên ngành trực thuộc các Bộ quản lý chuyên ngành như: (i) Bộ Khoa học và Công nghệ (về SHCN); (ii) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (về QTG, QLQ); (iii) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (về giống cây trồng); (iv) Bộ Thông tin và Truyền thông (về tên miền) và các Sở tương ứng ở địa phương có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT theo lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng của mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với các hành vi có dấu hiệu tội phạm. Cụ thể như sau:

+ Thanh tra Khoa học và Công nghệ: có thẩm quyền xử lý hành chính hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với tất cả các hành vi xâm phạm quyền SHCN (từ xâm phạm quyền SHCN đối với sáng chế, giải pháp hữu ích đến xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và cạnh tranh không lành mạnh).

+ Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Có thẩm quyền xử lý hành chính hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm QTG, QLQ và hành vi quảng cáo xâm phạm quyền SHTT.

+ Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: có thẩm quyền xử lý hành chính hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.

+ Thanh tra Thông tin và Truyền thông: có thẩm quyền xử lý hành chính hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên miền.

+ Quản lý thị trường: Tổng cục Quản lý thị trường là “*tổ chức trực thuộc Bộ Công thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng*

hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền SHTT; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật”[26].

Ở Trung ương, Tổng cục Quản lý thị trường gồm có Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường và các Vụ quản lý nhà nước. Ở địa phương, các tổ chức Quản lý thị trường gồm có Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (bao gồm Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Quản lý thị trường liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và Đội Quản lý thị trường cấp huyện (trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh).

Lực lượng Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt các hành vi sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo ở thị trường trong nước, v.v. trong lĩnh vực SHCN [27]; các hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, bán, cho thuê, v.v. trong lĩnh vực QTG, QLQ; và các hành vi vi phạm quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, v.v. trong lĩnh vực quyền đối với giống cây trồng. Lực lượng quản lý thị trường không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có thẩm quyền xử lý và áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT tại địa phương tương ứng.

+ Hải quan

Hải quan là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền SHTT. Lực lượng hải quan bao gồm Cục Giám sát quản lý về hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan và các Cục, Chi cục Hải quan khác có thẩm quyền xử phạt các hành vi xâm phạm quyền đối với các đối tượng SHCN trong hoạt động quá cảnh, nhập khẩu hàng hóa; xử phạt một số hành vi xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực QTG, QLQ và lĩnh vực giống cây trồng.

Cục Điều tra chống buôn lậu là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng thực thi bảo vệ quyền SHTT, chống hàng giả trong lĩnh vực hải quan. Từ tháng 6/2010, để thực hiện việc chuyên môn hoá sâu hơn hoạt động thực thi bảo vệ quyền SHTT, Tổng

cục Hải quan đã thành lập đơn vị chuyên trách là Đội Kiểm soát bảo vệ quyền SHTT thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu. Theo đó, Đội Kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền SHTT có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu và trực tiếp thực hiện công tác phòng chống hàng giả và bảo vệ quyền SHTT trong lĩnh vực hải quan.

+ Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển

Lực lượng biên phòng có thẩm quyền xử phạt một số hành vi xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực QTG, QLQ và lĩnh vực giống cây trồng, gồm: Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm; Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng; Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng.

Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt một số hành vi xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực QTG, QLQ, gồm: Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển; Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển; Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển; Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam.

+ Cơ quan công an

Các vụ án xâm phạm quyền SHTT chủ yếu được tiến hành điều tra bởi hệ thống Cơ quan cảnh sát điều tra từ trung ương tới địa phương gồm Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện. Cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan điều tra này lại được chia nhỏ thành các cục, phòng, đội, như: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ (C03) là một cục thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ (PC03) thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra cấp tỉnh.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN của CAND: Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu thuộc Công an cấp tỉnh; Giám đốc Công an cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham

những, kinh tế, buôn lậu. Ngoài những người này, những người có thẩm quyền thuộc lực lượng CAND phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 39 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng của CAND: Chiến sĩ CAND đang thi hành công vụ; Trưởng trạm, Đội trưởng của Chiến sĩ CAND đang thi hành công vụ; Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất; Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Giám đốc Công an cấp tỉnh; Cục trưởng Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực QTG, QLQ của CAND: Chiến sĩ CAND đang thi hành công vụ, Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của Chiến sĩ CAND đang thi hành công vụ; Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng; Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng; Giám đốc Công an cấp tỉnh; Cục trưởng Cục An ninh

chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

+ Viện kiểm sát

Ngành Kiểm sát hiện có 14.915 biên chế, gồm: 06 lãnh đạo VKSND tối cao, 1.980 biên chế làm công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ án hình sự, 1.028 biên chế làm công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại, lao động; 852 biên chế làm công tác kiểm sát kiểm sát các hoạt động tư pháp khác; 1.938 biên chế làm công tác tham mưu tổng hợp, pháp chế, thống kê tội phạm, tổ chức cán bộ, thanh tra; 9.011 biên chế thuộc VKS cấp huyện phân công thực hiện đồng thời nhiều lĩnh vực công tác. Có 9.594 Kiểm sát viên, trong đó, ở VKSND tối cao có 14 Kiểm sát viên VKSND tối cao, 136 Kiểm sát viên cao cấp, 152 Kiểm sát viên trung cấp và 80 Kiểm sát viên sơ cấp; ở VKSND cấp cao có 100 Kiểm sát viên cao cấp, 81 Kiểm sát viên trung cấp và 70 Kiểm sát viên sơ cấp; ở VKSND cấp tỉnh có 54 Kiểm sát viên cao cấp, 2.261 Kiểm sát viên trung cấp, 621 Kiểm sát viên sơ cấp; ở VKSND cấp huyện có 1.213 Kiểm sát viên trung cấp và 4.783 Kiểm sát viên sơ cấp.

Toàn Ngành có 14.336 cán bộ trình độ cử nhân luật trở lên, trong đó có 01 Phó giáo sư, 52 tiến sỹ và 1.876 thạc sỹ; 100% Kiểm sát viên có trình độ cử nhân luật và được đào tạo nghiệp vụ kiểm sát.[13]

+ Hệ thống Tòa án

Tính đến ngày 30/9/2021, tổ chức bộ máy của TAND gồm TAND tối cao, 03 TAND cấp cao, 63 TAND cấp tỉnh và 702 TAND cấp huyện. Đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là công chức có chức danh tư pháp tiếp tục được kiện toàn, bổ sung về số lượng và nâng cao về chất lượng. Về trình độ chuyên môn, TAND có 04 Phó giáo sư; 54 Tiến sỹ, 2.494 Thạc sỹ, 10.567 cử nhân và 266 trình độ khác. Về trình độ lý luận chính trị, có 2.168 người có trình độ cao cấp, 161 người có trình độ cử nhân, 4.272 người có trình độ trung cấp chính trị.[8]

+ Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389 quốc gia)

Bên cạnh các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, liên quan đến việc xử lý vi phạm về hàng giả, còn có Ban chỉ đạo 389 quốc gia (Ban Chỉ đạo quốc gia

chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, được thành lập theo Quyết định 389/QĐ-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ) được thành lập để thay thế cho Ban chỉ đạo 127 (Ban Chỉ đạo Trung ương về đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, được thành lập năm 2001). Ban chỉ đạo 389 quốc gia có nhiệm vụ *“chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan và các lực lượng chức năng phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nghiêm trọng, có tổ chức”; “thành lập các đoàn liên ngành để kiểm tra việc xử lý các vụ buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả lớn; kiểm tra tình hình chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại một số địa bàn trọng điểm”*.

- Về công tác phối hợp giữa các cơ quan có chức năng phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Những năm qua, hoạt động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT đã dần được chú trọng, cụ thể:

+ Thành lập và tổ chức vận hành Ban chỉ đạo 389 quốc gia. Với những cải tổ lớn trong cách thức tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo 389 quốc gia, công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng thu ngân sách, bảo vệ môi trường kinh doanh cũng như quyền lợi của người tiêu dùng, từ đó góp phần tích cực tới sự phát triển Kinh tế - xã hội của quốc gia.

+ Thiết lập và tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác liên Bộ, ngành về thực thi quyền SHTT (gọi tắt là Chương trình 168). Chương trình 168 được ký kết lần đầu tiên giữa các cơ quan có liên quan (07 bộ ngành) vào năm 2006, có thời gian thực hiện trong 5 năm 2006-2010. Đây là sự khởi đầu cho một cơ chế phối hợp chính thức giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp Trung ương về thực thi quyền SHTT. Tuy nhiên, Chương trình 168 giai đoạn I chỉ dừng lại ở sự thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bộ mà không được triển khai trong thực tế.

Trên cơ sở tổng kết bài học kinh nghiệm từ Chương trình 168 giai đoạn I, ngày 06/8/2012, 09 Bộ, ngành (gồm 07 Bộ ký Chương trình hành động 168 trước đây và 02 cơ quan là TAND tối cao, VKSND tối cao) đã ký kết Chương trình phối hợp hành động số 2198/CTHĐ/BKHCN-BVHTTDL-BNNPTNT-BTC-BCT-BCA-BTTTT-TANDTC-VKSNDTC về phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2015 (gọi tắt là “Chương trình 168 giai đoạn II”). Chương trình hướng đến các mục tiêu chính là đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin, thiết lập cơ chế cung cấp thông tin về tình hình thực thi quyền SHTT của từng Bộ/ngành, trong đó có việc xây dựng một cơ sở dữ liệu, website dùng chung cho các Bộ/ngành công bố thông tin về các vụ xâm

phạm quyền SHTT điển hình đã bị xử lý hoặc xét xử, đẩy mạnh hoạt động phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; tăng cường hợp tác đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ thực thi và tăng cường hợp tác quốc tế về SHTT.

Các Bộ, ngành đã có những phối hợp trong Chương trình 168, nhất là hoạt động trao đổi thông tin giữa các thành viên về tình hình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tuyên truyền, giáo dục; đào tạo và tăng cường năng lực cán bộ thực thi, tăng cường hợp tác quốc tế về SHTT. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đóng vai trò là cơ quan thường trực của Chương trình đã có những nỗ lực nhất định nhằm đưa những cam kết của các thành viên vào thực tiễn. Trên thực tế, giữa các cơ quan thực thi quyền SHTT vẫn có sự phối hợp, tuy nhiên sự phối hợp này chỉ mang tính đơn lẻ, theo vụ việc và không mang tính hệ thống, thường xuyên với những cách thức, biện pháp và mục tiêu đã được xác định trước cho toàn bộ hệ thống. Chẳng hạn: (i) một số cơ quan thực thi quyền SHTT tổ chức các đoàn liên ngành thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; và (ii) trong quá trình giải quyết vụ việc cơ quan thực thi quyền SHTT đề nghị một hoặc một số cơ quan thực thi quyền SHTT khác phối hợp xuất phát từ tính chất của vụ việc hoặc do vượt quá thẩm quyền.

Ngày 19/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 389/QĐ-TTg về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Ngày 06/01/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 19/3/2014. Theo các Quyết định này, Ban chỉ đạo 389 quốc gia gồm các thành phần:

- + Trưởng Ban: Phó Thủ tướng Chính phủ theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.
- + Phó Trưởng Ban Thường trực: Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- + Các Phó Trưởng Ban gồm: Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Thứ trưởng Bộ Công an.
- + Các Ủy viên gồm:

Thứ trưởng các bộ: Tài chính, Công Thương, Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Phó Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.

Thủ trưởng các cơ quan, lực lượng chức năng: Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo 389 quốc gia; Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Tư lệnh Cảnh sát biển; Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát; Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh; Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phó Viện trưởng VKSND tối cao.

Có thể thấy, thành phần Ban chỉ đạo 389 quốc gia gồm đại diện của hầu hết các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa.

3.1.2. Những hạn chế

Hệ thống các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hoặc kiến nghị khởi tố các vi phạm trong lĩnh vực SHTT hiện nay gồm nhiều đầu mối, thẩm quyền chưa cụ thể, rõ ràng. Có cơ quan được trao thẩm quyền xử phạt hành chính nhưng thực tế không có điều kiện để tổ chức thực hiện (như Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã); có cơ quan có thẩm quyền kiến nghị khởi tố nhưng thực tế không thực hiện; có cơ quan không xác định được trách nhiệm giữa thẩm quyền được trao thêm (thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính) với nhiệm vụ theo chức năng thường xuyên (nhiệm vụ điều tra, xác minh của cơ quan công an).

Xâm phạm quyền SHTT trong giai đoạn hiện nay được thực hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới như áp dụng công nghệ cao, sử dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại để sản xuất hàng hoá vi phạm quyền SHTT làm cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý thị trường khó phát hiện hàng hóa bị vi phạm quyền SHTT, hàng thật, hàng giả. Các hành vi vi phạm này ngày càng nguy hiểm hơn ở tính chất vi phạm, có tổ chức chặt chẽ không những trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam mà còn mở rộng đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài, trong khi năng lực, trình độ chuyên môn của các cơ quan quản lý còn hạn chế nên việc phát hiện khó khăn.

Năng lực của các cơ quan thực thi việc xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT về cơ bản còn thiếu và yếu (cơ sở vật chất, kỹ thuật, thông tin và đội ngũ cán bộ). Một số địa phương chưa có lực lượng chuyên trách về SHTT. Khi giải quyết các vụ xâm phạm quyền SHTT, nhiều trường hợp các cơ quan còn phụ thuộc vào ý kiến giám định của tổ chức giám định hoặc ý kiến của cơ quan chuyên môn. Điều này khiến cho nhiều vụ việc bị kéo dài thời gian xử lý, chất lượng giải quyết chưa cao. Báo cáo của chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2021 cho thấy, giai đoạn hiện nay, tổng số vụ án khởi tố mới đang ở mức rất cao và tăng dần trong nhiều năm, trong khi biên chế điều tra viên, cán bộ điều tra còn thiếu (trung bình mỗi năm, một điều tra viên Công an cấp huyện thụ lý điều tra 12 vụ án, thụ lý giải quyết 15 tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố); sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cùng cấp trong điều tra, giải quyết vụ án ở một số địa phương còn chưa chặt chẽ, thống nhất, nhất là trong thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra lại, điều tra bổ sung;

tình trạng sợ trách nhiệm, tâm lý giữ an toàn đã khiến tinh thần, ý chí tấn công tội phạm có lúc, có nơi giảm sút, chưa xử lý tội phạm kịp thời...[11]

Báo cáo công tác của VKSND tối cao cho thấy một số hạn chế như từ năm 2014 đến nay, các vụ việc tăng thêm nhiều trong tất cả các lĩnh vực (năm 2019, số vụ án hình sự tăng 8,8%; vụ án hành chính tăng 18,6%; vụ việc dân sự tăng 5,5% so với năm 2018), nhiều nhiệm vụ tăng thêm theo quy định của pháp luật nhưng chất lượng đội ngũ kiểm tra viên, Kiểm sát viên chưa đáp ứng yêu cầu, các đơn vị đều phải cắt giảm biên chế (năm 2019, toàn Ngành giảm 515 biên chế, chiếm 3,3% tổng biên chế toàn Ngành); cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; quan hệ phối hợp công tác giữa Viện kiểm sát với các cơ quan tư pháp ở một số nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả.[13]

Tổng số biên chế TAND các cấp hiện có 13.457 người, chỉ đạt 88,32%, còn thiếu 1.780 người so với biên chế được giao do yêu cầu phải tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ-TW. Mỗi năm trung bình các Tòa án thụ lý hơn 600.000 nghìn vụ việc các loại với tính chất ngày càng đa dạng và phức tạp; trong khi đó số lượng biên chế cán bộ, Thẩm phán của một số Tòa án chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dẫn đến áp lực, khó khăn rất lớn với Tòa án.[8]

Nhóm các tội xâm phạm quyền SHTT có đặc điểm rất phức tạp vì chủ thể của tội phạm hầu hết là những người có điều kiện kinh tế, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề cao, am hiểu những lĩnh vực mình đang hoạt động, kinh doanh, một số người còn có chức vụ, quyền hạn nhất định. Bên cạnh đó, sự bùng nổ của khoa học, công nghệ, sự ra đời của ChatGPT đã tạo ra nhiều thiết bị, công cụ, phương tiện phạm tội ngày càng tinh vi, hiện đại nên rất khó phát hiện. Mặt khác, các máy chủ để tạo lập các website giả mạo thường được đặt hoặc thuê ở nước ngoài nên gây nhiều khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Nhiều trường hợp, các đối tượng thường xuyên thay đổi các địa chỉ website nhằm xóa dấu vết sau một thời gian hoạt động phạm tội. Ví dụ, Bản án số 104/2022/HS-ST ngày 19/7/2022 của TAND huyện T, thành phố Hà Nội xét xử Đào Công L phạm tội xâm phạm QTG (Điều 225 BLHS). [303] Trong vụ án này, L đã mua một tài khoản trên mạng, sau đó sử dụng máy tính và phần mềm “Cốc cốc” để truy cập trang web <http://U.vn>, đăng nhập tài khoản đã mua và tải 02 khóa học online “*30 Tuyệt chiêu gia tăng doanh số ngay lập tức*” và “*Sát thủ bán hàng Livestream*” dạy về lĩnh vực kinh doanh về máy tính. Sau đó L đã tổ chức bán các khóa học này trái pháp luật bằng cách lập ra trang Fanpage “*Học online AZ - Mọi lúc mọi nơi*” trên mạng xã hội Facebook, lập website <http://khoahoconlinenew.com>. L đăng các bài viết bán 02 khóa

học trên và chạy quảng cáo trên Facebook để bán các khóa học cho 1279 người trong thời gian khoảng hơn 3 tháng thu lời bất chính tổng số tiền là 923.456.000 đồng.

Đào Công L đã sử dụng công nghệ thông tin để lập các website, chạy quảng cáo và thực hiện các hành vi phân phối đến công chúng (1279 người) bản sao bản ghi âm, ghi hình đã được bảo hộ tại Việt Nam để thu lợi bất chính 923.456.000 đồng. Hành vi được thực hiện trong một thời gian dài trên không gian mạng với một số lượng người tham gia rất lớn lên đến 1.279 người nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền phát hiện. Chỉ đến khi người bị xâm phạm bản quyền phát hiện, tố cáo thì cơ quan có thẩm quyền mới thụ lý giải quyết. Trường hợp này, nếu người bị xâm phạm không phát hiện, tố cáo thì hành vi phạm tội sẽ vẫn còn tiếp tục thực hiện. Vụ việc này cho thấy năng lực, trình độ công nghệ thông tin và mức độ kiểm soát môi trường mạng liên quan đến các hành vi xâm phạm quyền SHTT của cán bộ, công chức vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa phát hiện được những hành vi xâm phạm quyền SHTT mặc dù hành vi đã thực hiện trong một thời gian dài với số lượng người tham gia là rất lớn.

Pháp luật về bảo hộ quyền SHTT là lĩnh vực mang tính chuyên biệt cao, đồng thời mang tính quốc tế hóa. Nhiều quốc gia đã thành lập các cơ quan chuyên trách phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, nhất là thành lập Tòa chuyên biệt về SHTT. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa thành lập các cơ quan này để chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT. Trong thời gian qua, TAND tối cao đã có sự quan tâm hơn đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật SHTT cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án, song do tính phức tạp và đa dạng của các hành vi vi phạm về SHTT nên cán bộ Tòa án vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết các vụ án xâm phạm quyền SHTT. Trong việc giải quyết các vụ án về xâm phạm quyền SHTT thì kết quả trưng cầu giám định hoặc kết luận các yếu tố vi phạm của cơ quan có thẩm quyền về việc có hay không có hành vi xâm phạm quyền SHTT có giá trị quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng dùng làm căn cứ giải quyết được chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các chủ thể quyền. Tuy nhiên số lượng giám định viên về SHTT còn ít, thiếu các chuyên gia về SHTT dẫn tới cùng một vụ việc nhưng giám định viên thực hiện nhiều lần theo yêu cầu, trưng cầu giám định nên chưa bảo đảm tính khách quan, chính xác trong giải quyết vụ việc về SHTT.

3.2. Thực tiễn thực hiện biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

3.2.1. Kết quả đạt được

Xác định công tác tuyên truyền, PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là cầu nối góp phần đưa chính sách pháp luật về phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng vào thực tiễn cuộc sống. Triển khai Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/7/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân (theo Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ); Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Bộ Tư pháp cùng với các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương tích cực xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng đến từng cá nhân, hộ gia đình và toàn xã hội.

Trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL, toàn quốc đã tổ chức 9.429.104 cuộc PBGDPL trực tiếp; biên soạn và cấp phát miễn phí 511.988.157 tài liệu PBGDPL. Hình thức PBGDPL trực tiếp vẫn là cách thức phổ biến, được nhiều cơ quan, tổ chức lựa chọn khi thông tin, PBGDPL cho người dân.

Để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận thông tin pháp luật qua mạng Internet, Bộ Tư pháp đã xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật. Kể từ khi đưa vào khai thác, sử dụng từ năm 2013 đến nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật đã cập nhập được 119.630 văn bản. Số lượt truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật khoảng 30.000 lượt/ngày.

Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được củng cố, kiện toàn, phát triển cả về số lượng và nâng cao chất lượng. Hoạt động quản lý, khai thác và sử dụng đội ngũ này được quan tâm và chú trọng hơn. Đội ngũ này đã trở thành lực lượng nòng cốt trong triển khai các hoạt động PBGDPL tại cơ quan, đơn vị và địa phương. Đến nay, cả nước có 26.731 báo cáo viên pháp luật (trung ương: 1.776; cấp tỉnh: 7.379; cấp huyện: 17.576) và 141.936 tuyên truyền viên cấp xã (tăng 4.557 báo cáo viên pháp luật và 34.344 tuyên truyền viên pháp luật so với năm 2013). Một số ngành còn xây dựng, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật của ngành. Chất lượng hoạt động đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại một số bộ, ngành, đoàn thể và địa phương được đánh giá hoạt động đạt hiệu quả; còn lại đa phần là

tương đối hiệu quả.

Theo thống kê của Bộ Tư pháp, kinh phí từ nguồn xã hội hóa chiếm 11% kinh phí dành cho công tác PBGDPL trong cả nước (năm 2019); tỷ lệ tương ứng là chiếm 4,26% (năm 2020), 8,3% (năm 2021) và 3,5% (06 tháng đầu năm 2022).[24]

Nhìn chung, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT đã được quan tâm triển khai và đạt một số kết quả nhất định. Đội ngũ làm công tác tuyên truyền từng bước được xây dựng và củng cố, nhiều nội dung tuyên truyền đã đi vào vào thực tiễn cuộc sống, góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức của nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

3.2.2. Những hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác tuyên truyền PBGDPL trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT còn những hạn chế sau đây:

- Chưa xây dựng được bộ tài liệu tuyên truyền chuyên sâu về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Như trên đã phân tích, tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có những đặc thù về chủ thể của tội phạm cũng như nạn nhân của tội phạm. Do vậy, cần phải có những tài liệu tuyên truyền chuyên sâu về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Tuy nhiên thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy chưa có tài liệu tuyên truyền nào giúp nhận thức rõ về các phương thức, thủ đoạn phạm các tội xâm phạm quyền SHTT; chưa có tài liệu tuyên truyền nào chuyên sâu về nội dung giúp nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh, nâng cao khả năng bảo mật các bí mật kinh doanh của mình. Đây là những tài liệu quan trọng giúp các chủ thể kinh doanh nhận thức rõ nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT, từ đó sẽ nâng cao khả năng phòng ngừa.

- Thực tiễn tuyên truyền, PBGDPL cũng cho thấy chưa có các hình thức tuyên truyền hiệu quả. Những hình thức tuyên truyền vẫn mang tính truyền thống như phát thanh, truyền hình, phát tờ rơi, thực hiện các buổi nói chuyện tại các khu phố, thôn xóm... Chưa có các hình thức linh hoạt, đặc thù cho các nhóm đối tượng dễ có nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT là các chủ thể kinh doanh và các nhóm đối tượng dễ có nguy cơ thực hiện các tội xâm phạm quyền SHTT là những người làm ăn, kinh doanh bất chấp đạo đức, pháp luật. Hiện chưa có các mô hình các câu lạc bộ phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT trong các câu lạc bộ doanh nhân tại các địa phương. Trong bối cảnh mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo đang phát triển mạnh nhưng việc ứng dụng mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo, nhất là ChatGPT vào tuyên truyền, phổ

biển, giáo dục pháp luật, tăng cường phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn còn rất hạn chế.

- Công tác PBGDPL về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT chưa được sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, tổ chức. Việc đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết... để đúc rút kinh nghiệm, tìm biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác PBGDPL về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả; công tác phối hợp trong triển khai công tác PBGDPL tại nhiều nơi chưa thực sự được coi trọng; hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tại một số bộ, ngành, địa phương còn mang tính hình thức.

- Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL ở các cấp, các ngành mặc dù đã được củng cố, kiện toàn và bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực nhưng vẫn còn mỏng, chưa đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi của đất nước trong tình hình mới, chưa có đội ngũ chuyên sâu được trang bị các kiến thức sâu về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Cơ sở vật chất, kinh phí dành cho công tác PBGDPL chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa hoặc những địa bàn khó khăn. Các chương trình và đề án về PBGDPL có mục tiêu lớn, nhiều nhiệm vụ, hoạt động nhưng thiếu nguồn lực bảo đảm, nhất là đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách. Việc điều tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ PBGDPL từ ngân sách của trung ương cho địa phương theo quy định tại Điều 39 Luật PBGDPL chưa được thực hiện. Còn một số địa phương cấp huyện, xã chưa bố trí ngân sách phục vụ cho hoạt động PBGDPL. Việc huy động các nguồn lực xã hội cho công tác PBGDPL còn chưa nhiều. Kinh phí mặc dù đã được quan tâm bố trí nhưng tại nhiều nơi vẫn rất khó khăn. Nhiều địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, phải phụ thuộc ngân sách trung ương nên không chủ động được nguồn lực thực hiện. Thực tế là hầu hết các tỉnh càng nghèo thì đối tượng đặc thù có nhu cầu cần được PBGDPL càng nhiều (người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số...) nhưng nguồn lực của tỉnh lại hạn hẹp. Bên cạnh đó, công tác PBGDPL là hoạt động mang tính xã hội, phi lợi nhuận nên việc huy động nguồn lực vật chất từ xã hội, cộng đồng doanh nghiệp rất khó khăn; chưa có chính sách ưu đãi cụ thể cho các cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động PBGDPL nên hạn chế trong triển khai thực hiện.

3.3. Thực tiễn thực hiện biện pháp kinh tế liên quan đến phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

3.3.1. Kết quả đạt được

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, trong đó phải kể đến việc duy trì được tốc độ tăng trưởng khá trong một thời gian dài và

đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, vượt qua được thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội, đói nghèo và kém phát triển. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra mục tiêu phát triển tổng thể của Việt Nam tới năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2045. Các văn kiện đã đề ra mục tiêu phát triển của đất nước với tầm nhìn đến năm 2045 như: “*phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN*” (thu nhập cao); đến năm 2025, nước ta là “*nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp*” (GDP bình quân đầu người khoảng 4700-5000 USD từ mức hiện nay là 2.779 USD) và đến năm 2030 là “*nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao*”. Như vậy, trong 25 năm tới, từ nay tới 2045, Đảng đã đặt ra mục tiêu mang tính khát vọng cực lớn đó là đưa Việt Nam từ vị thế của quốc gia thu nhập trung bình thấp hiện nay lên quốc gia phát triển, có thu nhập cao. [281] Trong giai đoạn 1960 đến 2008, có hàng trăm quốc gia có khát vọng vươn lên trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao, nhưng tuyệt đại đa số đều “*mắc kẹt*”, không vươn lên thành công, bị rơi vào “*bẫy thu nhập trung bình*” và chỉ có 13 quốc gia/vùng lãnh thổ được xem là thành công (trong đó, khu vực Đông Á và Đông Nam Á, gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore). [247] Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, tiến trình hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, Việt Nam cũng phải tìm cách để không bị rơi vào “*bẫy thu nhập trung bình*”. Điều đó chỉ có thể thực hiện được nếu Việt Nam xây dựng được thể chế phát triển có chất lượng cao cùng một bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị thực sự hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, là nhân tố thúc đẩy phát triển. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định 3 đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và hạ tầng [46, tr. 203] nhưng nội hàm của từng khâu đột phá đều có sự bổ sung, phát triển. Với đột phá về nhân lực, Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu “*sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài*”, “*khơi dậy khát vọng phát triển*”, “*phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc*”; [46, tr. 204] với đột phá về kết cấu hạ tầng, Văn kiện bổ sung “*chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số*” [46, tr. 204]; với đột phá về thể chế, thay vì chỉ chú ý tới đột phá thể chế phát triển nền kinh tế thị trường, hiện nay Văn kiện mở rộng thêm là “*thể chế phát triển*” nói chung, bao gồm thể chế về “*quản trị quốc gia*”, nhấn mạnh khâu tổ chức thực hiện thể chế (“*tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp*”), thúc đẩy “*đổi mới sáng tạo*”, tăng cường “*kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật*”, “*khuyến khích làm giàu theo pháp luật, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội*” [46, tr. 265].

Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định quan điểm “*Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội*”. Chiến lược cũng đưa ra nhiều giải pháp để bảo vệ quyền SHTT, trong đó nhấn mạnh biện pháp “*Nghiên cứu, đề xuất chế tài xử lý các hành vi xâm phạm sở hữu trí tuệ đủ sức răn đe và chú trọng chống hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ*”; “*Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số; Nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ; Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ*”. Những quan điểm, giải pháp nêu trên cho thấy quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước trong phát huy tối đa nguồn lực SHTT trong phát triển kinh tế, đồng thời cũng tăng cường bảo vệ quyền SHTT.

Nhận thức một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là vấn đề thuộc về kinh tế - xã hội nên chính phủ đã triển khai, áp dụng nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống vật chất cho từng hộ gia đình, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế trên toàn quốc, góp phần ổn định TTATXH, từng bước đẩy lùi tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng.

Các vấn đề về pháp luật kinh tế Việt Nam đã được nêu cụ thể trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Trong đó, Đảng đã chỉ ra 05 định hướng chính để hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế, đó là: Đổi mới mô hình tăng trưởng; Cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện các loại thị trường (đất đai, lao động,...); Yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Yêu cầu hoàn thiện nền kinh tế thị trường, xây dựng nền kinh tế hiện đại đáp ứng định hướng xã hội chủ nghĩa; Hoàn thiện pháp luật gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế.

3.3.2. Những hạn chế

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) đã đánh giá bên cạnh kết quả đạt được, nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp

theo hướng hiện đại chưa đạt yêu cầu, chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển và bắt kịp các nước trong khu vực. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Môi trường kinh doanh ở một số lĩnh vực, địa phương còn hạn chế, chưa thực sự thông thoáng. Các đột phá chiến lược chưa có bứt phá. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả; quản lý phát triển đô thị còn bất cập. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Mô hình tăng trưởng chưa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tính tự chủ của nền kinh tế còn thấp; vẫn còn phụ thuộc lớn vào bên ngoài; chưa quan tâm đúng mức đến chuỗi giá trị và cung ứng trong nước... nhằm nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. [46, tr.210-211] Các Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế các khu vực của đất nước cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập về kinh tế của từng khu vực. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng chỉ rõ “*Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình cả nước. Tiềm năng, lợi thế của vùng, nhất là kinh tế biển chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, GRDP bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, chất lượng và năng lực cạnh tranh chưa cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chưa có đột phá.... Các đô thị trung tâm vùng chưa phát huy được vai trò đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng. Văn hóa - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Một số chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Thị trường lao động chậm phát triển, thiếu linh hoạt, tỉ lệ thiếu việc làm còn cao; chất lượng lao động và việc làm còn thấp. Tỉ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉ lệ giảm nghèo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội có lúc, có nơi còn bị động; công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu*”. [18] Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng nêu rõ: “*Vùng Đông Nam Bộ còn nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức lớn: Phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; một số chỉ tiêu quan trọng chưa đạt như đề ra. Tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại và thấp hơn cả nước; đóng góp vào tổng thu ngân sách nhà nước giảm, tốc độ tăng năng suất lao*

động thấp, công tác quy hoạch và triển khai thực hiện các quy hoạch còn chậm Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa đóng góp nhiều vào đổi mới mô hình tăng trưởng; chưa làm chủ được công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn trong những ngành chủ lực. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp; công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm; phân bố khu chế xuất, khu công nghiệp chưa hợp lý”. [19]

Những hạn chế mà các văn kiện của Đảng, các chiến lược phát triển kinh tế vùng đã chỉ ra chính là những nguyên nhân dẫn đến tình trạng kinh tế phát triển chưa hiệu quả, chưa đồng đều, chưa bền vững, từ đó dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh, nhất là tình trạng xâm phạm quyền SHTT nhằm thu lợi bất chính.

Tình trạng này cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ thất nghiệp và nghèo đói trong xã hội. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2023 của Tổng cục Thống kê cho biết, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 ước tính là 2,25%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 ước tính là 2,25%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) quý I năm 2023 là 7,61%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 ước tính là 2,25%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2023 là 1,94%, Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương quý I năm 2023 là 7,9 triệu đồng/tháng. [282]

Đạo đức kinh doanh, nhất là tính trung thực, liêm chính và có trách nhiệm đối với công việc sản xuất, kinh doanh và đối với xã hội; sự tôn trọng quyền con người, tôn trọng hiến pháp và thượng tôn pháp luật chưa được đề cao. Một số doanh nhân đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật, “lách luật” để làm giàu bất chính. Một số khác đặt mục tiêu vì lợi nhuận nên đã bất chấp pháp luật, xem nhẹ trách nhiệm của mình đối với xã hội, với người lao động, với nhà đầu tư nên đã vi phạm quyền SHTT. Một số doanh nhân thoái hóa, biến chất về đạo đức làm cho phương châm sống của chủ nghĩa xã hội “mình vì mọi người, mọi người vì mình” không đi vào thực tế cuộc sống. Hầu hết các vụ án phạm các tội xâm phạm quyền SHTT, người phạm tội đều là những người vi phạm nghiêm trọng đạo đức kinh doanh, coi thường pháp luật, đề cao lợi nhuận, kiếm tiền bằng mọi giá.

Báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về số hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 trên phạm vi toàn quốc cho thấy tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo) chung toàn quốc là

7,52%, với tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 1.972.767 hộ. Trong đó, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất cả nước, chiếm 21,92% với 701.461 hộ; Đồng bằng sông Hồng là 2,45% với 169.566 hộ; Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung là 10,04% với 571.251 hộ; Tây Nguyên là 15,39% với 236.766 hộ; Đông Nam Bộ là 0,34% với 15.787 hộ. Đồng bằng sông Cửu Long là 5,73% với 277.936 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo của cả nước là 4,03% với 1.057.374 hộ, trong đó khu vực Trung du và miền núi phía Bắc là 14,23% với 455.271 hộ; Đồng bằng sông Hồng là 1,00% với 69.239 hộ; Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung là 4,99% với 284.137 hộ; Tây Nguyên là 8,39% với 129.160 hộ; Đông Nam Bộ là 0,21% với 9.710 hộ; Đồng bằng sông Cửu Long là 2,26% với 109.767 hộ. Tỷ lệ hộ cận nghèo cả nước là 3,49% với tổng số 915.274 hộ, trong đó vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 7,69% với 246.190 hộ; Đồng bằng sông Hồng là 1,45% với 100.237 hộ; Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung là 5,05% với 287.114 hộ; Tây Nguyên là 6,99% với 107.487 hộ; Đông Nam Bộ là 0,13% với 6.077 hộ; Đồng bằng sông Cửu Long là 3,46% với 168.169 hộ. [283]

Kinh tế chậm phát triển, tiềm năng kinh tế chưa được giải phóng, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và tình trạng nghèo đói chiếm tỷ lệ cao, sự suy thoái, coi thường đạo đức kinh doanh là những yếu tố có tác động lớn đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

3.4. Thực tiễn thực hiện biện pháp văn hóa-giáo dục phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

3.4.1. Kết quả đạt được

Những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lĩnh vực văn hóa-giáo dục đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Thực hiện “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” (ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ), “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (ban hành kèm theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ), “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” (Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), cả nước hiện có 166 bảo tàng, trong đó có 4 bảo tàng quốc gia với hơn 3 triệu hiện vật; 3.486 tổng di tích được xếp hạng quốc gia, trong đó có 1.626 di tích lịch sử; 105 di tích quốc gia đặc biệt; 288 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (riêng Hà Nội có 21 lễ hội); 27 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận là “Di sản văn hóa thế giới”, trong đó chỉ riêng tỉnh Bắc Ninh đã có 2 di sản văn hóa thế giới là Dân ca quan họ và Ca trù. [284]

Nhận thức và xác định rõ chủ trương phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu góp phần nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật của quần chúng nhân dân trong phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, vì vậy trong những năm qua, cấp ủy Đảng và nhà nước luôn luôn dành một tỷ lệ ngân sách đáng kể đầu tư vào giáo dục.

Sau 10 năm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (2010 - 2020), số trường mầm non tăng hơn 2.600 trường. Mỗi xã phường đều có ít nhất 1 trường mầm non công lập. Số trẻ đến trường tăng hơn 1,5 triệu em so với năm học 2010 - 2011. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 99,9%. Về cấp tiểu học, 63/63 tỉnh thành đều đạt chất lượng phổ cập mức độ 2, trong đó 4 địa phương đạt mức độ 3. Cả 63/63 tỉnh thành đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 1, một số địa phương đạt mức độ 2 và 3. Năm học 2020 - 2021, cả nước có hơn 5 triệu trẻ mầm non, hơn 8,8 triệu học sinh tiểu học, hơn 5,9 triệu học sinh THCS, hơn 2,7 triệu học sinh THPT; tổng số phòng học là 593.808 phòng (tăng 3.504 phòng so với năm học trước), trong đó phòng học kiên cố chiếm 70,5%. Riêng bậc THPT, cả nước có 2.543 trường (tăng 144 trường), 59.686 lớp; trong số này có 45,33% số trường đạt chuẩn quốc gia và 40,22% số trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Tính đến cuối năm 2020, đã có 7 trường đại học được công nhận bởi tổ chức đánh giá, kiểm định quốc tế (HCERES, AUN-QA), 195 chương trình đào tạo của 32 trường đại học được đánh giá, công nhận theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Năm 2018, lần đầu tiên, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP HCM lọt vào danh sách 1.000 trường hàng đầu thế giới của Tổ chức Quacquarelli Symonds (Anh). Cả nước hiện có 172 trường đại học công lập, 65 trường ngoài công lập, với gần 1,7 triệu sinh viên. Nếu như năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ là 40% thì đến năm 2020 đã tăng lên 64%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% lên 24,5%. [285]

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực văn hóa-giáo dục đã góp phần tạo môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao dân trí, bảo vệ và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của mỗi cá nhân trong xã hội, từ đó góp phần quan trọng trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

3.4.2. Những hạn chế

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, lĩnh vực văn hóa-giáo dục vẫn còn những hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực xây dựng văn hóa, con người đã được Đảng chỉ rõ từ lâu, nhưng chậm được khắc phục. Những năm gần đây, đạo đức trong xã hội có chiều hướng xuống cấp đáng

lo ngại. Đã xuất hiện các trường hợp phai nhạt lý tưởng, lối sống thực dụng, vị kỷ, vô cảm; sự vô trách nhiệm, thiếu kỷ luật trong lao động, hoạt động công vụ; một số biểu hiện, xu hướng lệch lạc trong sáng tác, trình diễn, cảm thụ văn học, nghệ thuật,... chưa được khắc phục. [286] Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan gia tăng. Sự suy thoái về tư tưởng, xuống cấp về đạo đức, tha hóa về lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân, gây bức xúc trong xã hội, ảnh hưởng đến niềm tin của người dân đối với Đảng, Nhà nước. Nạn tham nhũng, hối lộ, làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính, lối sống buông thả, hưởng lạc, sống gấp, thói cơ hội trong chính trị, gian lận trong học hành, bằng cấp,... diễn ra phổ biến. Đạo đức nghề nghiệp sa sút, ngay cả trong những lĩnh vực được xã hội tôn vinh như: y tế, giáo dục, bảo vệ luật pháp, báo chí. Hiện tượng mê tín, dị đoan có chiều hướng lan rộng, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và trật tự, an toàn xã hội. Lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, thiếu ý chí phấn đấu có phần gia tăng trong thế hệ trẻ. Văn hóa gia đình chưa được chăm lo, củng cố. Văn hóa học đường có những biểu hiện đáng báo động. Các hành vi bạo lực, phản cảm, ứng xử thiếu văn hóa, bệnh dối trá, đạo đức giả, nói không đi đôi với làm, sự xuống cấp về đạo đức, suy thoái về lối sống, sự băng hoại các giá trị văn hóa đang có chiều hướng phát triển tạo nên sự lo lắng, bất an của xã hội. Bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ bị phai nhạt. Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Hệ thống các thiết chế và cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa nhìn chung còn kém phát triển và trong tình trạng xuống cấp, chắp vá, thiếu đồng bộ và hiệu quả sử dụng còn thấp. Hệ thống các thiết chế văn hóa truyền thống chưa được nghiên cứu để bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả, trong khi các thiết chế văn hóa mới chưa được xây dựng đủ và phù hợp. [287]

Những hạn chế trong môi trường văn hóa có tác động ảnh hưởng rất lớn đến tư cách, đạo đức, nhân cách của những chủ thể kinh doanh. Một số người do tác động của văn hóa ngoại lai, xuống cấp về đạo đức, coi thường các giá trị văn hóa, đạo đức, giá trị con người nên vì lợi ích cá nhân ích kỷ, nhỏ nhen sẵn sàng xâm phạm quyền SHTT để có được lợi ích bất chính lớn nhất.

Chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học và giữa các địa bàn chưa đồng đều. Việc truyền đạt kiến thức văn hóa kết hợp với giáo dục pháp luật, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống chưa được các cơ sở đào tạo quan tâm, chú trọng đúng mức. Công tác giáo dục pháp luật, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong hệ thống giáo dục phổ thông chủ yếu được lồng ghép thông qua nội dung giảng dạy ở môn học giáo dục công dân và chỉ dừng

lại ở nội dung tuyên truyền pháp luật giao thông, về phòng chống ma túy, phòng chống bạo lực học đường mà chưa đi sâu vào lĩnh vực phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Hiện cả nước vẫn còn hơn 1,49 triệu người mù chữ. [288] Một số địa phương có tỷ lệ học sinh bỏ học rất cao, như tỉnh Đắk Lắk từ năm học 2018 đến học kỳ 1 của năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 9.793 em học sinh bỏ học. [289] Tại Tây Ninh, tỷ lệ học sinh cấp THPT bỏ học là 1,2% (tăng 0,05% so với cùng kỳ); tỷ lệ học sinh cấp THCS bỏ học là 0,66% (tăng 0,19% so với cùng kỳ). [290] Báo cáo của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội cho thấy, giai đoạn năm 2016 - 2019, tỷ lệ học sinh THCS người DTTS bỏ học năm 2016 là 1,48%, đến năm 2019, tỷ lệ này có giảm nhưng vẫn là 1,13%. [291]

Cơ sở đào tạo nghề phát triển rộng khắp tuy nhiên chất lượng đào tạo nghề ở nhiều trường chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra, cơ sở vật chất còn hạn chế, nội dung đào tạo chưa sâu, chậm cập nhật, đổi mới, chưa gắn với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, điều này dẫn đến nhiều học viên sau khi ra trường không xin được việc làm hoặc có trình độ tay nghề kém. Tình trạng sinh viên học nghề bỏ học ở một số trường dạy nghề cũng rất nhiều, như: Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, TP HCM mỗi năm có từ 40 - 50% học sinh hệ trung cấp sau THCS bỏ học; Trường Trung cấp Nghề kỹ thuật công nghệ Hùng Vương, TP HCM có tỷ lệ học sinh bỏ học là 30% - 40%...[292]

Những hạn chế trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục đã có những ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức, đạo đức, nhân cách, lối sống của một bộ phận không nhỏ người dân, trong đó có một bộ phận là chủ thể kinh doanh, từ đó hình thành những đặc điểm nhân thân tiêu cực, dễ làm phát sinh những hành vi phạm tội, trong đó có các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT như sự coi thường đạo đức kinh doanh, coi thường quyền SHTT, coi thường pháp luật, đề cao lợi nhuận, kiếm tiền bằng mọi giá.

3.5. Thực tiễn thực hiện biện pháp tổ chức - quản lý trong bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ

3.5.1. Kết quả đạt được

Những năm vừa qua, hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ quyền SHTT đã được đẩy mạnh. Các cơ quan chuyên ngành đã nỗ lực tích cực ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền SHTT. Thống kê từ năm 2018 đến năm 2022, lực lượng Quản lý thị trường cả nước đã xử lý hàng chục ngàn vụ việc vi phạm liên quan đến các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT. Cụ thể, năm 2018, xử lý 4.392 vụ việc, phạt tiền vi phạm hành chính hơn 41 tỷ đồng; năm 2019 xử lý 4.987 vụ vi phạm, số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 43 tỷ đồng; đến năm 2022 xử lý 3.069 vụ việc

vi phạm, số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 38 tỷ đồng; 3 tháng đầu năm 2023, xử lý 1.764 vụ vi phạm, số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 15,7 tỷ đồng. [293] Tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2018 đến hết tháng 6/2021, lực lượng quản lý thị trường đã kiểm tra hơn 3.600 vụ vi phạm liên quan đến lĩnh vực SHCN; số tiền xử phạt vi phạm hành chính hơn 37 tỷ đồng. Trong lĩnh vực QTG, QLQ, lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý 2 vụ, số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 100 triệu đồng về hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu QTG. Tại Hà Giang, từ tháng 10/2018 đến 2021, lực lượng quản lý thị trường đã kiểm tra 4.224 vụ, xử lý vi phạm 3.319 vụ, số tiền thu phạt nộp ngân sách 13,5 tỷ, trong đó chủ yếu là các cơ sở kinh doanh mà chưa xử lý được cơ sở sản xuất, cung cấp hàng hóa vi phạm. Tại Lạng Sơn, từ năm 2018 đến 2021, lực lượng quản lý thị trường đã kiểm tra 490 vụ liên quan đến xâm phạm quyền SHTT, số vụ vi phạm xử lý là 468 vụ, với số tiền xử lý vi phạm hành chính gần 20 tỷ đồng.[280]

3.5.2. Những hạn chế

- Công tác quản lý Nhà nước trong việc đăng ký quyền SHTT đôi lúc bị buông lỏng. Tình trạng mua bán, sử dụng sản phẩm vi phạm quyền SHTT khá phổ biến, nhưng ít bị xử lý hoặc xử lý quá nhẹ, điều này tạo tâm lý coi thường, nhờn pháp luật của các đối tượng có hành vi vi phạm. Ví dụ, Bản án số 107/2022/HSST ngày 19/5/2022 của TAND quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh [296] xét xử bị cáo Tăng A Q sinh năm 1977 về tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 226 BLHS). Trong vụ án này, Q đã từng bị Ủy ban nhân dân quận G V, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.900.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, kinh doanh có sử dụng lao động nhưng không khai báo việc sử dụng lao động với cơ quan chức năng và vi phạm các quy định về viết, đặt bảng hiệu. Vừa chấp hành xong biện pháp xử phạt, Q lại bị TAND quận G V, Thành phố H xử phạt một (01) năm cải tạo không giam giữ về tội “Trốn thuế”. Tiếp đó Q lại bị TAND quận G V, Thành phố H xử phạt sáu (06) tháng tù về tội “Kinh doanh trái phép”. Sau khi chấp hành xong hình phạt, Q lại bị Công an quận T P, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi kinh doanh dèp nhựa các loại do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ là hàng nhập lậu. Ngày 20/01/2020, Q tiếp tục bị Công an quận T P, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu là dèp nhựa. Ngày 02/6/2020, Đội Quản lý thị trường số 14 tiến hành kiểm tra phát hiện kho chứa hàng của Q tại số 727 A C, phường T T, quận T P, Thành phố H rất nhiều sản phẩm dèp các loại giả các nhãn hiệu nổi tiếng như Nike, Adidas Louis Vuitton, Chanel... với tổng giá trị tương đương hàng thật là

946.254.000 đồng. Trong vụ án này, Tăng A Q đã nhiều lần thực hiện các hành vi phạm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trong đó đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm quyền SHCN. Tuy nhiên, ngay sau khi bị xử phạt hành chính thì chỉ 20 ngày sau, Q lại thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm quyền SHCN với tính chất, mức độ cao hơn rất nhiều. Điều này cho thấy, việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Q là quá nhẹ, không đáp ứng được mục đích phòng ngừa, dẫn đến việc Q tiếp tục coi thường pháp luật, coi thường đạo đức kinh doanh, coi thường quyền con người, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm quyền SHTT.

- Công tác quản lý cư trú, quản lý nhân khẩu, quản lý con người còn sơ hở, bất cập chưa phục vụ đắc lực cho phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Nhiều đối tượng hình sự đến ẩn nấp, cư trú trong thời gian dài mà không bị cơ quan chức năng phát hiện, kiểm tra, xử lý; tình trạng đăng ký thường trú một nơi ở một nơi đang khá phổ biến, việc thực hiện khai báo tạm trú, tạm vắng không được người dân tự giác thực hiện.

- Công tác kiểm tra, quản lý Nhà nước đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh hàng hóa còn nhiều sơ hở, chưa được chính quyền các cấp quan tâm đầy đủ. Việc kiểm tra chưa thường xuyên, liên tục nên tình trạng vi phạm các quy định của Nhà nước về kinh doanh như vi phạm về nguồn gốc hàng hóa, chủ sở hữu hợp pháp, kê khai... là khá phổ biến nhưng không được xử lý kiên quyết, thường bị bỏ qua hay chỉ xử phạt hành chính. Do đó nhiều cửa hàng kinh doanh vì mục đích lợi nhuận đã bất chấp các quy định của pháp luật móc nối, tiếp tay tiêu thụ hàng hóa vi phạm quyền SHTT. Trong vụ án trên cho thấy, chính việc xử lý quá nhẹ, xử lý chưa hiệu quả nên dẫn đến tình trạng vi phạm nhiều lần, vi phạm phổ biến.

3.6. Thực tiễn thực hiện biện pháp chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

3.6.1. Kết quả đạt được

Kết quả đạt được trong thực tiễn chống các tội xâm phạm quyền SHTT được thể hiện thông qua kết quả phát hiện và xử lý các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022. Kết quả này thể hiện qua các thông số về thực trạng, diễn biến và cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022.

3.6.1.1. Thực trạng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022

Thực trạng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022 được thể hiện thông qua các thông số về tội phạm rõ và tội phạm ẩn của các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2020.

** Thực trạng tội phạm rõ*

Theo số liệu thống kê của TAND tối cao, từ năm 2012 đến năm 2022 các TAND đã phát hiện, xử lý 806 vụ án về các tội xâm phạm quyền SHTT và các tội có liên quan; trong đó, các tội xâm phạm quyền SHTT là 32 vụ chiếm 4%; các tội sản xuất, buôn bán về hàng giả là 774 vụ chiếm 96%.

** Thực trạng tội phạm ẩn*

Theo số liệu thống kê của TAND tối cao, Từ 01/7/2006 đến 30/9/2016, các tòa án đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 182 vụ án dân sự liên quan đến SHTT (trong đó có 158 vụ tranh chấp về QTG, 10 vụ tranh chấp về quyền SHCN), đã giải quyết 174 vụ.

Theo thống kê của Cục SHTT - Bộ Khoa học và Công nghệ, chỉ riêng hành vi vi phạm hành chính về nhãn hiệu trong 11 năm từ năm 2010 đến năm 2020 đã có 21.280 vụ với tổng số tiền phạt là 167.731.355.000 đồng; trong số các hành vi xâm phạm quyền SHTT, có đến 95% số vụ được xử lý bằng biện pháp xử phạt hành chính.

Theo thống kê từ thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ trong ba năm 2012 đến 2015 đã kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính 386 tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm QTG, phạt tiền 384 trường hợp với tổng tiền phạt trên 9 tỷ đồng.

Thực trạng trên cho thấy, chỉ một số lượng rất ít các hành vi xâm phạm quyền SHTT được xử lý bằng biện pháp hình sự, còn đại đa số được xử lý bằng biện pháp hành chính, thậm chí xử lý dân sự.

Nghiên cứu thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy, có không ít trường hợp hành vi thực tế có yếu tố xâm phạm quyền SHTT (chẳng hạn hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam) nhưng kèm theo đó là các dấu hiệu giả mạo về chất lượng, công dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật nhưng được các tòa án xét xử về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả. Nếu xét ở nghĩa rộng những hành vi có yếu tố xâm phạm SHCN có thể cấu thành tội phạm (bao gồm cả tội xâm phạm quyền SHCN và các tội sản xuất, buôn bán về hàng giả), tỷ lệ các tội xâm phạm quyền SHTT sẽ tăng lên đáng kể nếu các hành vi vi phạm quyền SHTT được xét xử theo đúng tội danh và đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm cũng như khách thể bị hành vi xâm phạm. Điều này cũng có nghĩa là tình hình tội phạm ẩn của nhóm tội xâm phạm quyền SHTT là rất lớn, hay nói cách khác đây là nhóm tội phạm có mức độ ẩn rất lớn.

3.6.1.2. Diễn biến của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022

Nghiên cứu diễn biến các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy xu hướng tăng giảm không đồng đều theo các năm: năm 2014 số vụ phạm tội tăng từ 01 vụ (năm 2013) lên 6 vụ, sau đó lại giảm dần xuống 1 vụ; từ năm 2020 các vụ án tăng trở lại theo các năm

đỉnh điểm là 7 vụ vào năm 2022. So sánh tổng số vụ án Tòa án đã thụ lý với tổng số vụ án đã xét xử có sự chênh lệch lớn về số liệu. Số vụ án đã thụ lý là 58 vụ án/75 bị cáo, nhưng số liệu đã xét xử chỉ là 32 vụ án/43 bị cáo. Các tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát 20 vụ án/25 bị cáo, chiếm 0,34% số vụ án Tòa án đã thụ lý. Điều này cho thấy có sự chưa thống nhất trong đánh giá chứng cứ cũng như áp dụng pháp luật về SHTT dẫn đến có một số lượng lớn các tội xâm phạm quyền SHTT ẩn.

So sánh các vụ án mà Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử, thì thấy xu hướng tăng, giảm xen kẽ nhau; số vụ án đã xét xử thấp hơn nhiều so với số vụ án đã thụ lý, tỷ lệ số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát còn cao. Điều này cho thấy một phần nào đó mức ổn định trong hiệu quả các biện pháp đấu tranh, chống và phòng ngừa tội phạm này chưa cao. Tình trạng xâm phạm quyền SHTT diễn ra ngày càng nghiêm trọng, có tính chất phổ biến. Loại tội phạm này đã trở thành tội phạm có tổ chức, có sự câu kết, móc nối với nhiều cá nhân, tổ chức nước ngoài. Hàng hóa vi phạm về SHTT không chỉ được sản xuất ở Việt Nam mà còn được sản xuất ở nước ngoài và được đưa vào Việt Nam để tiêu thụ. Hậu quả do các hành vi này gây ra rất nghiêm trọng; tính chất của tội phạm ngày càng nguy hiểm, ngoài việc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền SHTT, thì hành vi xâm phạm còn đe dọa đến an ninh quốc gia, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tính mạng của nhiều người, gây thiệt hại về tài sản của nhiều người (như: hàng hóa vi phạm SHTT là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi; trang thiết bị quân sự, vũ khí...)

3.6.1.3. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2012-2022

Qua việc phân tích tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có thể đưa ra cơ cấu về tình hình các tội phạm này qua những đặc điểm sau đây:

- Cơ cấu tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT theo tội danh

Cơ cấu các tội xâm phạm quyền SHTT theo tội danh: trong tổng số 32 vụ án về các tội xâm phạm quyền SHTT, có thể thấy, cơ cấu của mỗi nhóm nhỏ này lại không đồng đều, phần lớn là tội xâm phạm quyền SHCN với 27 vụ chiếm 84,38%, tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền SHCN (hiện BLHS năm 2015 đã bỏ tội danh này) có 01 vụ án chiếm 0,03%; tội xâm phạm QTG, QLQ có 04 vụ chiếm 12,5%. Nhìn chung, cơ cấu này phản ánh sự chênh lệch rất lớn trong tỷ lệ xử lý các vụ phạm tội ở mỗi lĩnh vực: lĩnh vực bản quyền chỉ có 04 vụ án, còn lại là lĩnh vực SHCN.

- Cơ cấu theo hình phạt áp dụng

Trong tổng số 43 người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT, có 16 bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính (chiếm tỷ lệ 37,2%); 6 bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ (chiếm tỷ lệ 14%); 8 bị cáo phạt tù nhưng cho hưởng án treo (18,6%); 11 bị cáo bị phạt tù từ 3 năm trở xuống (25,6%); 2 bị cáo bị phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm (4,7%). Ngoài ra có 02 bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Như vậy, đối với các tội xâm phạm quyền SHTT có 41 bị cáo bị áp dụng các hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc dưới 3 năm tù, chiếm 98%; chỉ có 2 bị cáo bị áp dụng hình phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm, chiếm 2%. Số liệu này cho thấy, các biện pháp TNHS chủ yếu là phạt tiền và phạt tù dưới 3 năm và phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

- Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội

+ Về độ tuổi: Trong số 43 đối tượng phạm tội xâm phạm quyền SHTT và các tội sản xuất, buôn bán về hàng giả, theo thống kê của TAND tối cao độ tuổi của các đối tượng phạm tội như sau: từ 18 đến 30 tuổi là 4 đối tượng (chiếm 9,30%), trên 30 tuổi là 39 đối tượng (chiếm 90,70%). Qua thống kê đặc điểm về lứa tuổi, cho thấy lứa tuổi trên 30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất. Đây cũng là điểm đặc thù của các tội xâm phạm quyền SHTT vì chủ thể của các tội phạm này phần lớn là những người đang thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh nên thường ở trong độ tuổi từ 30 tuổi trở lên.

+ Về giới tính: Trong tổng số 43 đối tượng phạm các tội xâm phạm quyền SHTT thì Nam giới có 37 đối tượng, chiếm 86,05%; Nữ giới là 6 đối tượng, chiếm 13,95%. Điều này thể hiện rõ lĩnh vực quyền SHTT nam giới chiếm đa số do đặc trưng của nam giới là có sức khỏe, thích tìm tòi, am hiểu công nghệ thông tin, nhạy bén thông tin. Hơn nữa nam giới cũng có đặc điểm liều lĩnh, ưa mạo hiểm hơn nữ giới nên họ dễ mạo hiểm để thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

+ Về quốc tịch: Trong tổng số 43 đối tượng phạm các tội xâm phạm quyền SHTT thì có 42 người có quốc tịch Việt Nam (chiếm 97,67%); chỉ có 01 người có quốc tịch nước ngoài (chiếm 2,33%). Thực trạng này cho thấy người Việt Nam hiểu biết rõ văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam nên thường lợi dụng tâm lý ưu chuộng hàng ngoại, nhãn hiệu nổi tiếng để thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cũng phản ánh một phần thực trạng việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam chưa nghiêm nên vẫn còn nhiều người Việt Nam thực hiện hành vi phạm tội.

+ Về tiền án: Trong tổng số 43 người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT thì có 1 người tái phạm, tái phạm nguy hiểm, chiếm 2,33%. Còn lại 42 người phạm tội lần đầu chiếm 97,67%. Điều này cho thấy thực trạng công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp

luật SHTT chưa tốt dẫn đến nhiều người vẫn cố tình vi phạm vì động cơ vụ lợi, xâm phạm đến quyền SHTT của người khác.

+ Về dân tộc: Trong tổng số 43 đối tượng phạm các tội xâm phạm quyền SHTT thì có 01 đối tượng là dân tộc thiểu số, chiếm 2,33%; 42 đối tượng là dân tộc Kinh, chiếm 97,67%.

+ Về trình độ học vấn: Trong 43 đối tượng phạm các tội xâm phạm quyền SHTT, có 38 đối tượng có trình độ học vấn trên lớp 12, chiếm 88,37%; có 5 đối tượng có trình độ học vấn dưới lớp 12, chiếm 16,63%. Như vậy các đối tượng phạm tội đa số đều là người có trình độ học vấn cao, hiểu biết pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

+ Về động cơ, mục đích phạm tội: Nghiên cứu 43 người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy 100% số người phạm tội đều có động cơ vụ lợi, mục đích làm giàu bất hợp pháp. Đây chính là đặc điểm cơ bản, điển hình của những người phạm tội thuộc nhóm tội này. Chính từ động cơ vụ lợi, mục đích làm giàu bất hợp pháp nên họ đã cố ý thực hiện các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT để phục vụ nhu cầu, mục đích ích kỷ, nhỏ nhen, hẹp hòi của họ.

+ Về tình trạng nghiện ma túy: Trong số 43 người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT không đối tượng nào nghiện ma túy.

3.6.2. Những hạn chế

3.6.2.1. Hạn chế từ quy định của pháp luật

- Chưa có sự phân biệt cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm quyền SHTT với các tội sản xuất, buôn bán hàng giả

Các quy định pháp luật hình sự hiện hành chưa làm rõ được sự khác biệt giữa các tội xâm phạm quyền SHTT và các tội sản xuất, buôn bán hàng giả; trong đó, vấn đề mấu chốt là chưa quy định sự khác biệt giữa hàng giả và hàng xâm phạm quyền SHCN.

Hàng xâm phạm quyền SHTT là hàng có được từ những hành vi sử dụng trái phép các đối tượng của quyền SHTT (nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý), có sự trùng nhau giữa quy định của pháp luật hiện hành về hàng giả và hàng xâm phạm quyền SHTT. Đó là trường hợp hàng giả về hình thức và hàng xâm phạm quyền sở hữu SHTT đối với nhãn hiệu hàng hoá, chỉ dẫn địa lý. Việc áp dụng tội danh nào ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội và chủ sở hữu quyền SHTT. Nếu nhầm lẫn giữa hai điều luật này có thể dẫn đến hệ quả là làm tăng hoặc giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều trường hợp, hành vi thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu cấu thành của tội xâm phạm quyền SHTT nhưng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền lại truy tố, xét xử theo tội sản

xuất, buôn bán hàng giả. Ngược lại, hành vi đã thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành của các tội sản xuất, buôn bán hàng giả nhưng chỉ bị xử lý theo tội xâm phạm quyền SHTT. Có trường hợp, các hành vi phạm tội đã thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền SHTT, nhưng người phạm tội chỉ bị xử lý hình sự về một tội.

Về dấu hiệu cấu thành tội phạm, đối tượng tác động của các tội sản xuất, buôn bán hàng giả là “hàng giả” và đối tượng hàng hóa vi phạm của tội xâm phạm quyền SHCN là “hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý”. “Hàng giả” trong các tội sản xuất, buôn bán về hàng giả là hàng hóa có dấu hiệu giả về nội dung (tính chất, chất lượng, giá trị sử dụng, công dụng, đặc tính kỹ thuật, hàm lượng hoạt chất,...). Hàng hóa vi phạm trong tội xâm phạm quyền SHCN là hàng giả mạo về hình thức (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý). Thực tiễn định tội danh tội xâm phạm quyền SHCN không đặt ra với trường hợp hàng hóa vi phạm “chỉ giả về nội dung”. Song đối với trường hợp hàng hóa vi phạm có dấu hiệu giả nội dung lẫn hình thức (xét trong trường hợp có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý), thì người phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS theo tội danh nào. Hầu hết các quan điểm khoa học hiện nay đều cho rằng: Chỉ cần có dấu hiệu hàng hóa vi phạm giả về nội dung thì TNHS sẽ được xem xét, giải quyết theo quy định các tội sản xuất, buôn bán hàng giả (bất kể có kèm theo dấu hiệu giả về hình thức hay không). Trường hợp dấu hiệu hàng hóa vi phạm chỉ giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý (hàng hóa chỉ giả về hình thức), TNHS sẽ được xem xét, giải quyết theo quy định về tội xâm phạm quyền SHCN.

Với quan điểm như vậy, việc trưng cầu giám định yếu tố “giả” của hàng hóa phải đồng thời giải quyết được hai yêu cầu: kết luận về nội dung và kết luận về hình thức so với hàng hóa “thật” đã có; từ đó, mới có thể kết luận về tội danh.

Các văn bản hướng dẫn hiện hành tuy đã có sự phân biệt “hàng giả” và “hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý”. Tuy nhiên, sự phân biệt này rất khó trong những trường hợp hành vi phạm tội có đối tượng là hàng hóa vừa có yếu tố giả về nội dung vừa có yếu tố giả về hình thức (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý).

Điển hình là Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 14/1/2020 của TAND tỉnh Phú Thọ [298] tuyên xử Công ty nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp và bị cáo Vũ Văn P phạm tội xâm phạm quyền SHCN theo Điều 226 BLHS năm 2015.

Vũ Văn P là giám đốc của 2 công ty là Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp (Hà Nội), Công ty cổ phần sản xuất nhôm Xingfa- Nhà máy Nhôm Xingfa, đồng thời là người đứng đầu Chi nhánh Công ty nhôm Việt Pháp - Phú Thọ đã chỉ đạo 02 công ty trên và chi nhánh sản xuất, gia công các sản phẩm nhôm thanh định hình, dán các loại tem nhãn

trong đó có tem “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” trùng với nhãn hiệu đang được bảo hộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp SHAL (tại Ninh Bình) để bán ra.

Không sản xuất được nhôm định hình, chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ đã mua nhôm phế liệu, sau đó, sản xuất thành nhôm phôi billet. Tiếp đó, thuê Công ty cổ phần DST Hà Nội (do ông Mai Xuân Thắng làm giám đốc) gia công, cán nhôm billet thành nhôm thanh định hình rồi nhập về Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ.

Vũ Văn P chỉ đạo Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ thực hiện các công đoạn đánh bóng, phun sơn; tiếp đến, ký hợp đồng nguyên tắc số 36/HĐMB/COZY-VPA với Công ty TNHH giấy Cozy (Bắc Ninh) nội dung: Công ty TNHH giấy Cozy bán các loại tem dán bảo vệ bề mặt sản phẩm nhôm thanh định hình cho Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Hà Nội, trong đó có tem dán nhãn hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL”. Vũ Văn P chỉ đạo Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Hà Nội chuyển tem lên cho Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Phú Thọ và dán tem lên thanh nhôm định hình; sau đó lại xuất bán thành phẩm cho Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Hà Nội và Công ty cổ phần sản xuất nhôm Xingfa - Nhà máy nhôm Xingfa bán ra thị trường. Với cách thức như vậy, Vũ Văn P đã chỉ đạo chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ sản xuất nhôm thanh định hình dán tem nhãn “Nhôm Việt Pháp Shal” với tổng số lượng 316.045,05kg, đã bán 144.770,05kg cho các công ty. Tổng giá trị hàng hóa vi phạm đã bán ra thị trường là: 11.106.592.233 đồng. Tang vật thu được trong quá trình điều tra: 42.405 thanh nhôm định hình trị giá 11.995.758.450 đồng.

Kết luận giám định SHCN số NH 174-19TC/KLGD ngày 22/4/2019 xác định tang vật sản phẩm nhôm thanh định hình gắn dấu hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” được xác định là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” đã được bảo hộ theo GCNĐKNH số 292021 của Công ty CP Nhôm Việt Pháp SHAL - Nhà máy nhôm Việt Pháp.

Qua nghiên cứu về vụ án cho thấy, những tình tiết của vụ án đều thỏa mãn các dấu hiệu của CTTP cơ bản đều cả CTTP của tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192 BLHS, vì hàng hóa mà Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ làm ra là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” đã được bảo hộ. Tuy nhiên, hành vi của Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Phú Thọ cũng thỏa mãn CTTP của tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 226 BLHS).

Tương tự vụ án Công ty nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp, Vụ án công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam cũng gặp vướng mắc trong phân biệt giữa tội

sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền SHCN. Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam do Lê Đình Trung là người đại diện pháp luật, đến tháng 3/2020, người đại diện là bà Trần Thị Ái Loan. Công ty hoạt động trong lĩnh vực buôn bán đồ uống, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh... Theo Kết luận điều tra ngày 15/4/2020: Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam do bà Trần Thị Ái Loan là đại diện ký hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa với chủ cơ sở sản xuất bia Biva (TP Bà Rịa, BR-VT) sản xuất bia mang nhãn hiệu BIA SAIGON VIETNAM cung cấp ngược lại cho Công ty Bia Sài Gòn Việt Nam. Thực hiện hợp đồng này, cơ sở sản xuất bia Biva đã sản xuất cho Công ty Bia Sài Gòn Việt Nam một số lô hàng thành phẩm. Đến ngày 23/6/2020, khi hai bên đang giao nhận lô hàng thứ ba tại cơ sở Biva thì bị Cục Quản lý thị trường tỉnh BR-VT kiểm tra và lập biên bản. Cơ quan chức năng đã tạm giữ 4.712 thùng bia Sài Gòn Việt Nam thành phẩm, 116.700 vỏ lon bia cùng loại và 3.300 vỏ thùng bia chưa sử dụng.

Kết luận giám định từ Viện Khoa học SHTT của Bộ Khoa học và Công nghệ khẳng định: dấu hiệu “BIA SAIGON VIETNAM và hình khiên đứng + hình con rồng” gắn trên mặt trước, sau lon bia như mẫu giám định là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được bảo hộ của Sabeco.

Trong vụ án này, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng gặp phải vướng mắc trong việc xác định hành vi của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam. Hành vi này vừa thỏa mãn cấu thành của tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192 BLHS) cũng vừa thỏa mãn cấu thành của tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 226 BLHS).

- Chưa có văn bản giải thích cụ thể các điều kiện truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại.

Để xác định một pháp nhân phải chịu TNHS thì phải xác định tồn tại một hành vi của cá nhân thỏa mãn dấu hiệu của một CTTP cơ bản được quy định trong BLHS và xác định CTTP này thuộc phạm vi các tội danh mà pháp nhân thương mại phải chịu TNHS. Như vậy, cần phải chứng minh được “mối quan hệ” giữa hành vi người phạm tội với pháp nhân thương mại theo các tiêu chí được quy định tại Điều 75, 76 BLHS năm 2015. Xuất phát từ tính mới và sự phức tạp ngay trong nhận thức về các quy định TNHS của pháp nhân nhưng chưa được hướng dẫn, trên thực tế đã có những trường hợp băn khoăn trong việc truy cứu TNHS pháp nhân thương mại hay không. Từ đó, dẫn đến những nhận thức không đúng về các dấu hiệu của CTTP dẫn đến trường hợp không truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại. Ví dụ, Bản án số 146/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của TAND Quận Tân Bình [300] có nội dung: “Xác minh tại Chi cục

thuế quận Tân Phú, kết quả: Công ty TNHH may Hai Kim P có kê khai thuế giá trị gia tăng hàng quý từ năm 2017, nhưng công ty không nộp bảng kê bán ra, mua vào từ năm 2017, không xác định được công ty có thực hiện việc kê khai thuế đối với hàng hóa là quần jean nhãn hiệu “Levi’s” hay không. Ngoài ra, K khai nhận không kê khai kinh doanh quần jean có nhãn hiệu “Levi’s” vào hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, không đủ yếu tố để xem xét khởi tố Công ty TNHH may Kim Hai P có hành vi “xâm phạm quyền SHCN.” Nội dung này khẳng định, để truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại thì hàng hóa vi phạm phải có trong đăng ký kinh doanh của pháp nhân thương mại. Nói cách khác, để truy cứu TNHS pháp nhân thương mại thì hàng hóa giả phải nằm trong lĩnh vực và đối tượng kinh doanh mà pháp nhân thương mại đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Điều kiện này là không cần thiết và không đúng quy định của pháp luật. Một hành vi đủ dấu hiệu CTTP cơ bản của tội phạm và thỏa mãn điều kiện tại Điều 75, Điều 76 BLHS là đủ cơ sở để truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại. Pháp nhân thương mại vẫn có thể phải chịu TNHS về hành vi được thực hiện nằm ngoài lĩnh vực mà pháp nhân đã đăng ký kinh doanh. Lĩnh vực đăng ký kinh doanh không phải là điều kiện giới hạn phạm vi truy cứu TNHS. Trường hợp hành vi phạm tội đúng với lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh của pháp nhân thương mại chỉ là đặc điểm thường thấy trong thực tiễn; khi có đặc điểm này, pháp nhân thương mại có điều kiện thuận lợi hơn để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

- Dấu hiệu “phân phối đến công chúng” trong cấu thành tội xâm phạm QTG, QLQ chưa rõ ràng.

BLHS năm 2015 không định nghĩa thế nào là hành vi “phân phối”. Trong lĩnh vực pháp lý chuyên ngành SHTT, thông qua cách giải thích khái niệm “quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm” tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về QTG, QLQ, hành vi phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm được hiểu là việc phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm “bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm.” Trong môi trường internet, quy định cấm phân phối các bản sao tác phẩm một cách trái phép là rất quan trọng. Xuất phát từ tính đại chúng môi trường này, một bản sao dưới dạng số hóa của một tác phẩm được lưu truyền

trên internet có thể gây ra thiệt hại tương đương với sự lưu truyền của hàng nghìn bản sao của chính tác phẩm ấy ở ngoài.

Tuy nhiên, theo cách hiểu trên, rất khó để áp dụng quy định Điều 225 của BLHS năm 2015 về hành vi phân phối các bản sao trái phép trong môi trường internet, vì điều luật yêu cầu chủ thể phải bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng các bản gốc hoặc bản sao của tác phẩm. Điều này dẫn đến những hành vi chiếu phim, nhạc lậu của các trang web, chia sẻ bản quay phim trong rạp của người live stream không phù hợp với nội hàm khái niệm phân phối trên mà gần hơn với định nghĩa hành vi “truyền đạt tác phẩm đến công chúng”. Giới hạn của định nghĩa phân phối hoặc quy định phạm vi hẹp các dạng hành vi trong Điều 225 BLHS dẫn đến việc xử lý hình sự những trường hợp như vậy gặp nhiều khó khăn.

- Khó khăn trong việc xác định hậu quả thiệt hại trong một số trường hợp.

Thực tiễn xử lý các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT là khó khăn trong xác định hậu quả thiệt hại mà hành vi phạm tội gây ra cho chủ sở hữu quyền. Trường hợp một website phát lậu miễn phí một bộ phim do công ty X sản xuất. Mức độ thiệt hại cho công ty X được xác định như thế nào? Thiệt hại về vật chất theo Điều 204 Luật SHTT được xác định thông qua các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. Giả định tính riêng mức giảm sút thu nhập, về lý thuyết phù hợp với logic nếu dựa trên số lượt truy cập web rồi tính tương ứng số lượng đó với số người bỏ tiền mua vé ở rạp xem. Tuy nhiên, cách xác định này có thể các cơ quan chức năng không chấp nhận vì thiệt hại đó chưa chắc đã là thiệt hại thực tế, bởi số lượng lượt xem ấy có thể sẽ còn giảm khi mà người xem phải bỏ tiền ra để đến rạp xem bản chính thức hoặc với tâm lý tiện thì xem còn bỏ tiền mua vé thì không xem. Xét ở khía cạnh khác, có trường hợp thông qua sự truyền đạt phi pháp, tác phẩm phim trở nên nổi tiếng hơn và nhà sản xuất theo đó, tăng được các nguồn lợi tài chính khi “được” giới thiệu và biết đến nhiều hơn. Chứng minh thiệt hại trong những vụ việc như vậy, lại càng trở nên khó khăn hơn nữa cho cơ quan chức năng.

- Dấu hiệu “quy mô thương mại” chưa được hướng dẫn cụ thể.

Hiện nay, khái niệm “quy mô thương mại” quy định tại Điều 225, Điều 226 của BLHS năm 2015 chưa được hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, khi áp dụng quy định của BLHS về các tội xâm phạm quyền SHTT, các cơ quan tiến hành tố tụng không áp dụng thống nhất và dẫn đến tình trạng mỗi cơ quan hiểu nội hàm của khái niệm “quy mô thương mại” theo những cách khác nhau. Bàn về dấu hiệu “quy mô thương mại” trong truy cứu TNHS

các hành vi xâm phạm quyền SHTT, thực tiễn áp dụng pháp luật quốc tế đã từng có vụ việc Hoa Kỳ đã nộp đơn lên DSB của WTO liên quan đến vấn đề cơ chế bảo vệ pháp luật hình sự về quyền SHTT ở Trung Quốc năm 2007. Đây là tranh chấp đầu tiên được DSB chấp nhận phát sinh từ vấn đề bảo vệ quyền SHTT bằng cơ chế pháp lý hình sự. Cốt lõi của tranh chấp trong vụ án là làm thế nào để diễn giải “quy mô thương mại” theo Điều 61 của Hiệp định TRIPS với tư cách là một “ngưỡng hình sự”. Không chỉ là quy định của pháp luật quốc tế mà thực tế, Việt Nam cũng đã nội luật hóa dấu hiệu này vào trong CTPP cơ bản của tội xâm phạm QTG, QLQ và tội xâm phạm quyền SHCN. Tuy nhiên, pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành chưa có định nghĩa thế nào là “quy mô thương mại”. Cũng cần nhận định khách quan rằng, dấu hiệu “quy mô thương mại” là một khái niệm phức tạp không chỉ đối với các nhà giải thích pháp luật Việt Nam; các nhà khoa học, lập pháp nước ngoài cũng còn nhiều quan điểm; chính bởi vậy, việc khó có thể áp dụng trong thực tiễn hiện nay cũng là một kết quả tất yếu.

Diễn hình là việc Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia tố cáo Công ty Cổ phần Đầu tư ROYAL Việt Nam có hành vi làm giả sản phẩm gạch men ốp lát cao cấp mang nhãn hiệu “ROYAL” (công ty TNHH Gạch men Hoàng gia) đã được Cục SHTT cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 69802 đang có hiệu lực. Các đối tượng làm giả gạch men ROYAL đã sử dụng nhãn hiệu mới là CROWN ROYAL. Tuy rằng đối tượng sử dụng nhãn hiệu CROWN ROYAL nhưng bên trong sản phẩm vẫn in nhãn hiệu ROYAL. Tổng số lượng sản phẩm gạch men mang dấu hiệu “ROYAL & hình” (vi phạm các quy định về SHCN và chất lượng sản phẩm, hàng hóa) được phát hiện tại kho của Công ty ROYAL Việt Nam là 33.712 hộp (các loại) có tổng giá thành sản xuất là 1.963.945.000 đồng.

Căn cứ kết quả thanh tra và biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư ROYAL Việt Nam, Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 62/QĐ-XPVPHC ngày 25/10/2017 số tiền 530 triệu theo quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN. Buộc công ty tự loại bỏ yếu tố vi phạm đối với 33.712 hộp sản phẩm (các loại) gạch men gắn dấu hiệu “ROYAL & hình” dưới sự chứng kiến của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nghiên cứu các tình tiết của vụ việc tại thời điểm hành vi được thực hiện cũng như thời điểm áp dụng biện pháp hành chính với đối tượng vi phạm cho thấy: Nghị định số 99/2013/NĐ-CP không quy định mức tối đa giá trị hàng hóa xâm phạm bị xử phạt vi

phạm hành chính để phân biệt với trường hợp truy cứu TNHS khi giá trị hàng hóa xâm phạm vượt ngưỡng tối đa. Trong khi đó, quy định tại Điều 171 BLHS 1999 sửa đổi năm 2009 lại mô tả dấu hiệu định tội bắt buộc là xâm phạm với “quy mô thương mại”. Dấu hiệu “quy mô thương mại” là một dấu hiệu định tính, chưa được định nghĩa trong các văn bản pháp luật. Vì vậy, ranh giới giữa vi phạm hành chính và hình sự trong vụ án tại thời điểm này không rõ ràng. Yếu tố “quy mô thương mại” chưa được làm rõ chính là nguyên nhân cơ bản để không xử lý hình sự được hành vi vi phạm này.

- Có sự trùng lặp giữa quy định của BLHS năm 2015 với quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN.

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN hiện nay được quy định tại Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP. Khoản 12 Điều 11 của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp: “*Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 500.000.000 đồng....*”

Như vậy, Điều 226 của BLHS năm 2015 và Nghị định số 99/2013/NĐ-CP đều có sử dụng dấu hiệu định lượng về hàng hóa vi phạm để xác định tội phạm, vi phạm hành chính. Về bản chất, ranh giới phân định này đã được thể hiện trong BLHS với nguyên tắc: một hành vi đã thỏa mãn CTP một tội được quy định trong BLHS thì không thể là vi phạm hành chính. Như vậy, nếu có chuyên môn, nghiệp vụ tốt, người áp dụng có thể sử dụng phương pháp loại trừ để lựa chọn biện pháp hình sự hay hành chính để áp dụng. Tuy nhiên, về mặt hình thức mức định lượng này trong Nghị định số 99/2013/NĐ-CP có khoảng giao (trùng nhau) với quy định của BLHS dẫn đến cùng một hành vi nhưng có thể chọn xử phạt hành chính hoặc xử lý hình sự. Quy định trùng lặp với nhiều lý do khác nhau có thể dẫn đến việc lựa chọn xử phạt vi phạm hành chính là chủ yếu. Thực tế này cũng chính là một trong những lý do dẫn đến số vụ án hình sự về các tội xâm phạm SHCN rất ít so với số vụ án thực tế cần phải xử lý hình sự.

Xử phạt vi phạm hành chính là biện pháp bảo vệ quyền SHTT bằng chế tài của Nhà nước rất phổ biến. Vi phạm hành chính và các tội xâm phạm quyền SHTT có thể rất giống nhau về tính chất nhưng thường khác nhau nhiều ở mức độ xâm phạm. Có những trường hợp hành vi xâm phạm được quy định trong văn bản xử phạt vi phạm hành chính cũng là hành vi khách quan được mô tả trong CTP nhưng những dấu hiệu

kèm theo như xâm phạm trên quy mô thương mại, định lượng thu lời bất chính/ hậu quả thiệt hại cho chủ sở hữu quyền/ đối tượng hàng hóa vi phạm là khác nhau. Bởi vậy, nếu không xét đến sự khác biệt này, có thể dẫn đến thực tế nhầm lẫn giữa vi phạm hành chính và tội phạm.

3.6.2.2. Hạn chế xuất phát từ sự vi phạm đạo đức, từ lòng tham, động cơ vụ lợi, mục đích làm giàu bất chính của người phạm tội

Thực tế đã chứng minh sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức xã hội đã tác động trực tiếp đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng, được biểu hiện qua tỷ lệ 100% số bị cáo trong các vụ án phạm tội xâm phạm quyền SHTT đã xét xử đều với động cơ vụ lợi, coi đồng tiền là tất cả, chà đạp nên các giá trị đạo đức truyền thống vì lợi ích vật chất. Thị trường vận động theo quy luật của mình, thông qua các công cụ, trong đó đặc biệt nổi lên vai trò của tiền tệ. Từ đây xuất hiện sự lệch lạc về thang giá trị, khi đồng tiền được quá coi trọng và đề cao, thậm chí kiếm được nhiều tiền trở thành “lẽ sống” của không ít người. Hiện nay lối sống thực dụng, tuyệt đối hóa lợi ích cá nhân, xem trọng giá trị vật chất hơn giá trị tinh thần, coi thường các chuẩn mực đạo đức, pháp luật... đã trở thành một xu thế ứng xử của một bộ phận người trong xã hội. Lối sống này khiến cho con người trở nên lười biếng, ích kỉ, thích hưởng thụ, đua đòi xa hoa, sẵn sàng bất chấp tất cả để đạt được mục đích và lợi ích. Động cơ phạm tội của các tội phạm xâm phạm quyền SHTT đều được hình thành bởi sự thúc đẩy bên trong, hướng đến việc thỏa mãn các nhu cầu vật chất thấp hèn. Điều này như một nguyên nhân tâm lý xã hội của các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Ví dụ: Bản án số 98/2021/HS-ST ngày 17/12/2021 của TAND huyện Phúc Thọ TP Hà Nội [297] xét xử các bị cáo Trần Văn Q (sinh năm 1984) và Nguyễn Thị N (sinh năm 1989) về tội xâm phạm quyền SHCN (Điều 226 BLHS). Hai bị cáo Q và N là vợ chồng mở xưởng sản xuất kinh doanh quần áo. Để có lợi nhuận cao, hai vợ chồng đã mua nhãn mác giả mạo thương hiệu của hãng GU để sản xuất và bán ra thị trường với tổng số hàng vi phạm là 2.650 áo chống nắng loại ngắn 1 lớp gắn nhãn hiệu GU có giá 132.500.000 đồng, 210 áo chống nắng loại ngắn 2 lớp gắn nhãn hiệu GU có giá 16.590.000 đồng, 960 áo chống nắng loại dài 2 lớp gắn nhãn hiệu GU có giá 102.720.000 đồng. Tổng toàn bộ số áo chống nắng vi phạm được yêu cầu định giá có giá trị là 251.810.000 đồng. Trong vụ án này, mặc dù biết hành vi của mình là xâm phạm quyền SHCN của hãng GU, tuy nhiên, vì muốn thu lợi, làm giàu bất chính nên Q và N đã bất chấp đạo đức kinh doanh, cố ý xâm phạm quyền SHCN của hãng GU để kiếm lời bất chính. Vụ án này là điển hình cho các trường hợp chủ thể kinh doanh có

biểu hiện xuống cấp về đạo đức, coi thường đạo đức kinh doanh, coi thường pháp luật, sẵn sàng phạm tội vì động cơ vụ lợi, mục đích làm giàu bất chính.

3.6.2.3. Nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế, yếu kém trong tổ chức, quản lý xã hội

Những năm vừa qua, sự phát triển cực kỳ nhanh chóng và không ngừng, trí tuệ nhân tạo đã và đang có tác động sâu sắc đến sự phát triển mọi mặt của nền kinh tế - xã hội. Nhiều ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành thiết yếu trong cuộc sống như: các phần mềm máy tính, google, googlemap, robot... Sản phẩm của trí tuệ nhân tạo ngày càng thông minh, ngoài việc giải đáp các câu hỏi, thắc mắc, trí tuệ nhân tạo còn có thể phân tích hành động, lời nói để phán đoán mong muốn, nhu cầu của người dùng hoặc thực hiện theo yêu cầu người dùng. Đặc biệt, với sự ra đời của “ChatGPT”, một dạng trí tuệ nhân tạo thế hệ mới đặc biệt thông minh đã trở thành một cuộc cách mạng lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trí tuệ nhân tạo, môi trường mạng phát triển mang đến nhiều thuận lợi cho nền kinh tế - xã hội nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức lớn cho việc quản lý, giám sát, bảo đảm an toàn, bí mật kinh doanh, sáng chế, cũng như các loại vi phạm khác. Những hạn chế trong việc quản lý, giám sát, chậm phát hiện các vi phạm trong môi trường mạng chính là một trong các nguyên nhân dẫn đến các tội xâm phạm quyền SHTT.

Môi trường internet tạo điều kiện cho hành vi xâm phạm QTG được thực hiện một cách dễ dàng với mức độ thiệt hại rất cao và đặt ra rất nhiều thách thức đối với việc bảo hộ QTG, trong đó có nhiều thách thức về mặt pháp lý. Về nguyên tắc, các quy định của pháp luật về quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả được áp dụng cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học nói chung, không phân biệt hình thức định dạng (tác phẩm in truyền thống hay định dạng là tác phẩm số hoặc các tác phẩm được số hóa). Tuy nhiên, đặc thù của việc bảo hộ QTG trong môi trường số đòi hỏi cần phải có sự giải thích rõ ràng đối với một số quyền tài sản của chủ sở hữu QTG để làm cơ sở cho việc xác định hành vi xâm phạm QTG và rộng hơn là cho việc bảo hộ hiệu quả QTG trong môi trường số. Điều này đã gây ra những khó khăn rất lớn đối với cơ quan chức năng để xác định hành vi xâm phạm QTG của các chủ thể trong trường hợp này.

Nhiều trang web phim lậu, chuyên sao chép trái phép các bộ phim điện ảnh có bản quyền của nhiều nước nhưng các cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thể xử lý các trang web này vì các website này liên tục đổi tên miền (như: từ phimmoi.net rồi sang phimmoizz.net,...) để qua mặt cơ quan chức năng. Mặt khác, trang web phim lậu này đều sử dụng tên miền quốc tế, có giá trị rất rẻ nên xảy ra tình trạng cứ mỗi khi một trang web phim “chết” đi, sẽ ngay lập tức xuất hiện một website khác thay thế. Điều này gây

khó khăn trong việc phát hiện và xử lý đối với cơ quan chức năng để kịp thời xử phạt, ngăn chặn hành vi của chủ trang web này. Dẫn đến việc các trang web này xâm phạm nghiêm trọng QTG trong thời gian dài nhưng không bị xử lý.

Cùng với đó, thị trường phim lậu tại Việt Nam hiện nay có thể nói là rất “sôi động” và chuyên nghiệp. Xây dựng các website phim lậu đang được các cá nhân, tổ chức vi phạm xem như là một phương thức khởi nghiệp, nhanh chóng kiếm tiền mà không cần vốn. Theo thống kê của Văn phòng luật sư Phan Law Việt Nam ghi nhận được trong quá trình xử lý vi phạm về QTG, QLQ, tại Việt Nam đang có trên 200 website phim lậu hoạt động với nhiều hình thức vi phạm đa dạng. Nổi bật trong đó là website “*phimmoi.net*”. Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ trong “*Đánh giá năm 2019 về các Thị trường khét tiếng về làm giả và vi phạm bản quyền*” đã xác định “Phimmoi” đã trở thành một trong những tổ chức vi phạm bản quyền khét tiếng nhất các trang web trên thế giới với gần 75 triệu lượt truy cập, hàng tháng từ 11 triệu người truy cập. Ngày 19/8/2021, Công an TP Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án hình sự “*xâm phạm QTG, QLQ*” đối với website này. Trong vụ án này, Nguyễn Tuấn Tú có kế hoạch xây dựng phát triển website chiếu phim trực tuyến miễn phí trên mạng internet. Để thực hiện kế hoạch, Tú đã thuê Cao Thanh Lai và Cao Duy Anh (trú tại Đồng Nai) là hai cá nhân có trình độ kỹ thuật cao về công nghệ thông tin để thực hiện lập trình, quản trị, vận hành website *phimmoi.net*. Thông qua trang này, quản trị sẽ thu tiền từ quảng cáo. Nhóm của Tú đã sao chép, khai thác, sử dụng, trình chiếu, truyền đạt các tác phẩm điện ảnh ra công chúng không được phép của chủ thể quyền và kinh doanh quảng cáo sản phẩm, dịch vụ trái phép trên các bộ phim có bản quyền, nhằm thu lợi bất chính với số tiền đặc biệt lớn. Với kho phim cực kỳ đồ sộ, cập nhật nhanh chóng, thu hút hàng chục triệu lượt truy cập mỗi tháng, mỗi năm ước tính *phimmoi.net* được cho là có thể thu về hàng trăm tỷ đồng từ lợi nhuận quảng cáo.

3.6.2.4. Hạn chế trong hoạt động chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng

Thực tế chứng minh, hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự phụ thuộc vào nhiều điều kiện, yếu tố, những nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp. Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng áp dụng pháp luật nói chung là chất lượng của đội ngũ áp dụng pháp luật, tức là năng lực của những người tiến hành tố tụng. Năng lực này biểu hiện qua khả năng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm. Các tội xâm phạm quyền SHTT là các tội phạm đặc thù, trong đó: chủ thể tội phạm hầu hết là các chủ thể kinh doanh có rất nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, thậm chí lợi dụng công nghệ thông tin để phạm

tội. Do đó để giải quyết các vụ án xâm phạm quyền SHTT, ngoài những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, còn đòi hỏi những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là kiến thức về SHTT. Thực tiễn hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án xâm phạm quyền SHTT cho thấy các hạn chế về năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của những người tiến hành tố tụng thể hiện như sau:

- Sự thiếu thống nhất về nhận thức và áp dụng pháp luật trong định tội danh

Định tội danh là hoạt động nhận thức nhằm đạt được chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội đã được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định trong CTTP tương ứng, xác định và ghi nhận sự phù hợp giữa các tình tiết cụ thể đã được làm sáng tỏ của hành vi phạm tội với các dấu hiệu của CTTP cụ thể do pháp luật hình sự quy định. [182] Thực tiễn định tội danh các tội xâm phạm quyền SHTT cho thấy vẫn có tình trạng nhầm lẫn trong định tội danh các tội xâm phạm quyền SHTT với định tội danh tội sản xuất, buôn bán hàng giả, ví dụ:

+ Bản án số 70/2017/HSST ngày 18/7/2017 của TAND Thành phố Hải Phòng [299]: nhận thấy người tiêu dùng thích dùng sản phẩm giày, dép có gắn nhãn mác của các thương hiệu nổi tiếng nên V.P.C quyết định sản xuất thêm giày, dép có gắn lô gô, nhãn mác giả của 11 thương hiệu nổi tiếng như Nike, Adidas, Puma, Converse, Gucci... với cách thức như sau: C đi mua hoặc sưu tầm trên mạng internet các sản phẩm giày dép gắn nhãn hiệu của các thương hiệu nổi tiếng để lấy mẫu thiết kế cho công nhân sản xuất hàng loạt (trong đó có việc chỉ đạo công nhân gắn, in các lô gô, nhãn mác giả lên sản phẩm giày, dép bằng cách may, khâu, gắn đóng các logo, nhãn mác giả rồi có bán trên thị trường lên sản phẩm hoặc in cao tần (dập nổi) logo, nhãn mác giả lên các sản phẩm). Theo kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền thì mẫu vật giám định lấy từ 14.395 đôi giày dép (với tổng giá trị 146.300.000 đồng) mà Cơ quan điều tra thu giữ là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu Converse, Dolce&Gabbana, Adidas, Nike, Gucci, Tommy Hilfiger, Versace, Hugo boss, Hermes, Puma, Prada. Các nhãn hiệu này đều được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam theo các đăng ký quốc tế và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đang còn hiệu lực.

Trong Bản án nêu rõ: “*Theo Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Điều 3 Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định thì hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng giả.*”

Đại diện các hãng Dolce&Gabbana, Adidas, Gucci, Tommy Hilfiger, Versace, Hugo boss, Hermes, Puma, Nike khẳng định sản phẩm giày, dép do Vũ Phúc C sản xuất là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời kiến nghị xử lý hàng hóa và chủ cơ sở sản xuất theo quy định của pháp luật.”

Với hành vi nêu trên, C đã bị Tòa án tuyên phạt về tội sản xuất hàng giả theo khoản 1 Điều 156 BLHS năm 1999.

+ Bản án số 146/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của TAND Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh [300]: T.Q. K và vợ là N.N.L.P góp vốn thành lập công ty TNHH may H.K.P - K là người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty của K có đăng ký bảo hộ nhãn hiệu quần jean “Gravali”. Để kinh doanh hàng hóa của công ty, vợ của K là P có đăng ký kinh doanh tại sạp số 80 khu D chợ T.B và thuê B.T.Đ bán hàng. Cuối năm 2018, Công ty có mượn sạp số 58 khu D chợ T.B của bà N.T.K.P1 để làm kho chứa quần áo. Trong quãng thời gian đó, K mua của những khách hàng đến chào bán một số quần jean hiệu “Levi’s” với mục đích bán lại kiếm lời. Nguồn gốc là do K mua của những khách mang đến chào bán vào khoảng cuối tháng 12/2018. Ngày 03/01/2019, K giao một số quần trên cho T là nhân viên làm thuê theo thời vụ chở ra sạp tại chợ T.B để chào bán cho khách hàng, nhưng trên đường T vận chuyển thì bị Công an phát hiện bắt giữ. K khai nhận không kê khai kinh doanh quần jean có nhãn hiệu “Levi’s” vào hoạt động kinh doanh của công ty.

Xác minh tại Văn phòng đại diện Cục SHTT: Kết quả quần jean nhãn hiệu “Levi’s” có chủ sở hữu là Công ty “L”. Đại diện theo ủy quyền của Công ty “L” hiện nay tại Việt Nam xác định: toàn bộ số quần jean nhãn hiệu “Levi’s” thu giữ của Công ty TNHH may H.K.P đều là giả mạo nhãn hiệu “Levi’s”, không phải là hàng hóa do “L” sản xuất hoặc ủy quyền sản xuất.

Kết luận giám định số 624/KLGD-TT ngày 11/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: “*Bản in trên 02 nhãn hiệu mẫu quần jean hiệu “Levi Strauss & Co” cần giám định ký hiệu A1, A2 (đã nêu ở mục II.1) so với bản in trên 02 nhãn hiệu Levi Strauss & Co dùng làm mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một chế bản in ra.*”

Với hành vi nêu trên, K đã bị Tòa án tuyên phạt tội xâm phạm quyền SHCN theo khoản 1 Điều 226 BLHS năm 2015.

Cả hai vụ án nêu trên đều có đặc điểm chung về yếu tố làm ra hoặc buôn bán các mặt hàng thời trang có gắn với các nhãn hiệu nổi tiếng. Đồng thời, kết luận giám định chỉ khẳng định yếu tố giả mạo nhãn hiệu. Tuy nhiên TAND Thành phố Hải Phòng lại

xét xử về tội buôn bán về hàng giả, trong khi TAND Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lại tuyên phạm tội xâm phạm quyền SHCN. Thực tế này phản ánh sự không thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự. Điều này dẫn đến không bảo đảm các nguyên tắc công bằng, bình đẳng, chính xác trong áp dụng pháp luật hình sự.

- Khó khăn, vướng mắc trong việc chứng minh hậu quả thiệt hại.

Một trong những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết các vụ án xâm phạm quyền SHTT chính là việc chứng minh hậu quả thiệt hại. Trường hợp người vi phạm thực hiện hình thức live stream các phim đang chiếu trong rạp như phim Cô Ba Sài Gòn, Em chưa 18, Tám Cám chuyện chưa kể... Những tác phẩm điện ảnh Việt Nam khác cũng bị xâm phạm bản quyền trên mạng, như bản full HD Bụi đời Chợ Lớn công khai xuất hiện trên nhiều trang phim tới 60 phút dù chưa ra rạp, hay Chạy đi rồi tính, Vòng eo 56, Dòng máu anh hùng, Cánh đồng bất tận, Chàng trai năm ấy, Siêu nhân X, Ngày này ngày nay, Yêu, Mỹ nhân kế... Nhiều tác phẩm phim ảnh nước ngoài được trình chiếu tại Việt Nam cũng bị xâm phạm bản quyền dưới các hình thức nêu trên.

Những trường hợp này, để áp dụng quy định của Điều 225 BLHS năm 2015 thì cần phải chứng minh hành vi phân phối đến công chúng và thiệt hại mà hành vi vi phạm gây ra. Tuy nhiên, do Điều 225 BLHS năm 2015 chưa giải thích cụ thể định nghĩa "phân phối" nên để đánh giá chính xác mức độ nghiêm trọng của hành vi "phân phối" - livestream trên fanpage còn tùy vào sự diễn giải, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền. Đặc biệt, vấn đề mấu chốt và khó khăn nằm ở việc chứng minh mức độ thiệt hại được quy định trong điều luật. Đây là những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

- Nội dung các kết luận giám định chưa đầy đủ (về chất lượng, công dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật...) dẫn đến việc định tội danh chưa chính xác.

Định tội danh các tội xâm phạm quyền SHTT phụ thuộc rất lớn vào nội dung các kết luận giám định, như kết luận về chất lượng, về công dụng, về các tiêu chuẩn kỹ thuật... Tuy nhiên, một số kết luận giám định lại không có đầy đủ các nội dung nên dẫn đến việc định tội danh không chính xác, ví dụ:

+ Bản án số 346/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng [301] nhận định: do mục đích vụ lợi, nên bị cáo Nguyễn Văn R đã mua 3.037 chiếc đồng hồ đeo tay không có nguồn gốc xuất xứ với giá mỗi chiếc từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng và cất giấu tại nhà của mình ở số 1, đường số 6, khu đô thị mới A, phường A, thành phố H. Sau đó, R vào trang mạng xã hội Facebook lập tài khoản “Thế giới đồng hồ 2D” và đưa ra thông tin là hàng chính hiệu nhằm tìm kiếm khách hàng có nhu cầu mua đồng

hồ để bán lại kiếm lời gồm: Loại nhãn hiệu Rolex giá bán từ 199.000 đồng đến 390.000 đồng/chiếc, loại nhãn hiệu Tissot giá bán 399.000 đồng/chiếc, loại nhãn hiệu Longines giá bán 310.000 đồng/chiếc, loại nhãn hiệu Edifice giá bán 399.000 đồng/chiếc, loại nhãn hiệu Emporio Armani bị cáo chưa niêm yết giá bán. Kết luận giám định số 4556/C54-P6 ngày 22/11/2016 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 3.037 chiếc đồng hồ đeo tay gửi giám định là giả nhãn hiệu. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn R về tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 156 BLHS 1999.

+ Bản án số 300/2017/HSST ngày 18/9/2017 của TAND thành phố Hà Nội [302] nhận định: vì mục đích tư lợi, khoảng từ giữa năm 2016, Kiều Văn S đã có hành vi mua bán phụ tùng xe máy của đối tượng V là người Trung Quốc và đối tượng tên Th ở thành phố Huế. Khi có nhu cầu, S liên lạc với V, Th để đặt vấn đề mua. Hai bên thỏa thuận, S sẽ thông báo cho V hoặc Th số lượng, hai bên thống nhất giá mua bán. V và Th sẽ cho người chở phụ tùng xe gắn máy đựng trong túi nilon, trên túi có in chữ Yamaha hoặc Honda có dán mác in mã sản phẩm hoặc một số phụ tùng xe gắn máy không có nhãn mác cùng vỏ hộp bìa carton in chữ Yamaha, giao tại nhà S. Khi nhận được hàng, S đem vỏ hộp bằng bìa carton có in nhãn Yamaha, thuê C dán và làm thành vỏ hộp. Sau đó S cho số phụ tùng xe gắn máy đã được đóng vào hộp đem bán. Số hàng còn lại đã bị thu giữ là 1459 phụ tùng xe máy, trong đó có 1099 nhãn hiệu Yamaha và 360 nhãn hiệu Honda, có giá trị tương đương với giá trị hàng thật là 194.630.061 đồng. Kết luận giám định số 2931/KLGĐ-PC54(Đ4) ngày 15/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội:

“- Các chi tiết in trên vỏ bao nilon 1074 phụ tùng xe máy nhãn hiệu Yamaha gồm: 10 bộ má phanh, mã sản phẩm 5TD-F530K-00; 59 bộ nan hoa; 15 bộ giảm sóc; 170 chiếc xéc măng; ... với các chi tiết in trên vỏ bao nilon các phụ tùng xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha mẫu so sánh do Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam cung cấp không phải do cùng một bản in in ra.

- Các chi tiết in trên vỏ bao nilon, các chi tiết in tem dán trên 11 phụ tùng xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha gồm 10 chiếc nồi côn, ... với các chi tiết in trên vỏ bao nilon, các chi tiết in tem dán trên các phụ tùng xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha mẫu so sánh do Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam cung cấp do cùng một bản in in ra...”

Hành vi nêu trên của bị cáo Kiều Văn S bị Tòa án tuyên phạt về tội “Buôn bán hàng giả” theo điểm e khoản 2 Điều 156 BLHS 1999.

Thông qua hai bản án trên cho thấy, kết luận giám định xác định đồng hồ mà R buôn bán là hàng hóa giả nhãn hiệu; tuy nhiên, không có kết luận giám định về chất lượng, tiêu chí kỹ thuật... để xác định có yếu tố giả về nội dung hay không nên không đủ yếu tố để định tội xâm phạm quyền SHCN. Tương tự như vậy, các kết luận giám định trong vụ án Kiều Văn S cũng mới chỉ ra được yếu tố giả mạo về mặt hình thức. Với các kết luận giám định như vậy, chưa đủ căn cứ khẳng định R, S phạm tội buôn bán hàng giả. Trong trường hợp chỉ có căn cứ hàng hóa giả nhãn hiệu, về mặt lý thuyết, hành vi chỉ có thể thỏa mãn với CTTP tội xâm phạm SHCN.

3.6.2.5. Nguyên nhân, điều kiện từ phía nạn nhân

- Nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT còn thờ ơ, chưa chú trọng bảo vệ quyền của mình.

Các vụ án xâm phạm quyền SHTT chủ yếu được phát hiện do tố giác của nhân dân, phát hiện của lực lượng Quản lý thị trường, Thanh tra khoa học - công nghệ, Cảnh sát kinh tế... mà ít có đơn tố giác tội phạm của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá bị xâm phạm. Điều này cho thấy rằng, các chủ sở hữu quyền SHTT chưa thực sự có nhận thức cao trong việc tự bảo vệ mình trước sự xâm phạm, chưa tự giác thực hiện các biện pháp phát hiện hàng giả, hàng nhái trên thị trường. Nhiều vụ án xâm phạm quyền SHTT đã được Tòa án đưa ra xét xử. Các chủ thể quyền SHTT được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích của mình cũng như làm rõ hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, nhiều vụ án các chủ sở hữu quyền SHTT cũng như người đại diện đều vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Điều này thể hiện rõ sự thờ ơ của các chủ thể quyền đối với việc bảo vệ quyền của mình. Trong các vụ án xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT, tỷ lệ chủ thể quyền bị vi phạm yêu cầu bồi thường thiệt hại là rất thấp. Sự thờ ơ này có thể xuất phát từ nhiều lý do như tâm lý bỏ qua những trường hợp thiệt hại vật chất không đáng kể (so với khả năng tài chính của mình), có tâm lý ngại theo đến cùng quy trình tố tụng... Bên cạnh đó, còn có những trường hợp chủ sở hữu quyền không nhận thức đầy đủ về các cơ chế bảo vệ quyền của mình, họ chỉ cho rằng nếu có vi phạm thì tiến hành khởi kiện dân sự hoặc xử lý về hành chính.

Trong số các nạn nhân bị xâm phạm quyền SHTT, chỉ một số rất ít chủ thể quyền chủ động nộp đơn yêu cầu khởi tố hình sự về hành vi xâm phạm quyền. Điển hình là The Football Association Premier League Limited (Viết tắt là Premier League) có trụ sở tại Luân Đôn, Vương quốc Anh, đại diện cho 20 câu lạc bộ bóng đá nước Anh và xứ Wales tổ chức Giải bóng đá Ngoại hạng Anh. Premier League đã tổ chức 380 trận đấu, phát sóng trên 188 quốc gia tới hàng trăm triệu hộ gia đình và hàng tỷ khán giả xem. Premier League có quyền cho phép ghi âm, ghi hình các trận đấu và cấp phép cho các

đài truyền hình phát âm thanh, hình ảnh trận đấu. Vào khoảng tháng 7/2020, Premier League đã có đơn tố giác và yêu cầu điều tra khởi tố vụ án xâm phạm QTG với hai đối tượng người Việt Nam là Nguyễn Hữu T (Hưng Yên) và Lê Hải N (Hà Nội) về hành vi BestbuyIPTV (do T có quản lý trực tiếp) phát trực tiếp có thu phí các trận đấu của Premier League mà không được cho phép hoặc cấp quyền sử dụng, phát sóng các trận đấu này từ Premier League. Mặt khác, BestbuyIPTV còn cho phép các dịch vụ khác giới thiệu lại nội dung của nó và tích cực quảng bá dịch vụ tái phát sóng trực tiếp (re-stream) (dịch vụ này do N quản lý). Hành vi này được nhận định là việc sử dụng, phân phối trái phép bản ghi hình trận đấu - một dạng vi phạm QTG.

Hiện BestbuyIPTV đang quảng cáo họ là người cung cấp dịch vụ cho hơn 900.000 khách hàng; 12.000 bên bán lại (re-seller) và 2.000 đối tác tái phát sóng trực tiếp (re-stream) trên thế giới. Tính riêng số tiền cấp tài khoản cá nhân cho hơn 900.000 khách hàng, doanh thu của BestbuyIPTV đã rơi vào khoảng 63.000.000\$/năm chưa tính re-seller và re-stream. Ngoài ra, việc phân tích dữ liệu truy cập của khoảng 4.4 triệu người truy cập trên nền tảng BestbuyIPTV.com trong năm 2019 thì doanh thu này còn lớn hơn gấp nhiều lần.

Đại diện ủy quyền Premier League trong đơn đã khẳng định hành vi sử dụng, phân phối phim, biểu tượng, hình ảnh dưới hình thức kênh phát sóng trực tiếp các trận đấu mà không được phép Premier League là hành vi cố ý trực tiếp và mục đích thu lợi bất chính, vì vậy, đủ dấu hiệu cấu thành tội xâm phạm QLQ theo Điều 225 BLHS năm 2015.

- Các nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT thường lựa chọn hình thức khởi kiện dân sự thay cho vụ án hình sự.

Lĩnh vực điện ảnh, âm nhạc là những lĩnh vực mà sự vi phạm tác quyền xảy ra phổ biến. Trước đây, hành vi vi phạm chủ yếu là những băng đĩa phim, ca nhạc vi phạm bản quyền của các Nhà sản xuất phim, ca sĩ nổi tiếng thì trong những năm gần đây, vi phạm phim ảnh, nhạc chuyển sang một môi trường linh động và khó nắm bắt hơn là môi trường trực tuyến. Ví dụ: vụ VNG khởi kiện TikTok về việc có khoảng 150 bản quyền ghi âm các bài hát do Zing (một công ty con của VNG) sở hữu và nắm quyền khai thác bị sử dụng trái phép bằng cách lồng ghép trong hơn 11 triệu clip ngắn đăng tải lên. VNG cũng yêu cầu TikTok xóa tất cả các phân đoạn nhạc lấy từ bản ghi của Zing khỏi ứng dụng và trang web TikTok, phải bồi thường thiệt hại hơn 221 tỷ đồng (9,5 triệu USD).

Sau vụ kiện của VNG với Tiktok, Công ty Cổ phần Phát triển truyền thông Quốc tế Ánh Bình Minh đã gửi đơn kiện yêu cầu Spotify AB tại Thụy Điển bồi thường hơn 9,5 tỷ

đồng vì vi phạm bản quyền chương trình Rap Việt và Người ấy là ai (ước tính thiệt hại 2.280.000.000 đồng đối với Rap Việt và 7.250.000.000 đồng với Người ấy là ai).

Những vụ kiện này cho thấy, khởi kiện dân sự là phương án được nhiều nạn nhân lựa chọn và được ưu tiên dù hành vi xâm phạm khá rõ ràng và mức thiệt hại rất lớn thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu của các cấu thành các tội xâm phạm quyền SHTT. Chính tình trạng này đã làm gia tăng các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

Số lượng tác phẩm bị vi phạm bản quyền ngày càng tăng, đặc biệt, trong bối cảnh thương mại điện tử phát triển, hành vi xâm phạm QTG càng trở lên dễ dàng hơn, chẳng hạn: thử đặt một cách ngẫu nhiên 172 đơn hàng mua sách giảm giá hơn 50% trên ứng dụng mua sắm trực tuyến L. và các trang mạng bán hàng khác về, khi mở ra, tất cả đều là sách giả; chưa kể đến vấn nạn sách lậu đăng tải online miễn phí trong các ứng dụng, website đọc sách trực tuyến. Nhiều công ty, đơn vị cũng gặp tình trạng tương tự nhưng “không định lập vi bằng hay kiện tụng”, lý do đó là việc theo đuổi vụ việc ra tòa rất mệt mỏi và không giải quyết được tận gốc.

Theo thống kê của Trung tâm xử lý tin giả Việt Nam (thuộc Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử - Bộ TT&TT) cho biết, qua kiểm tra cơ quan này đã phát hiện 40 website đăng tải lậu giải bóng đá ngoại hạng Anh. Nhiều website không chỉ vi phạm khi tiếp sóng trực tiếp mà còn bằng các hình thức cắt ghép và biên tập lại để đăng tải thu hút người xem.

3.6.2.6. Hạn chế xuất phát từ tâm lý thích sử dụng hàng giá rẻ, hàng giả xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT một phần có nguyên nhân từ phía người tiêu dùng. Đây chính là nhu cầu trong quan hệ cung cầu đã kích thích sự gia tăng của các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Thực tế cho thấy, mức sống của người dân những năm gần đây đang ngày một được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, thu nhập của đa số người dân vẫn chưa phải là cao so với mặt bằng chung các quốc gia trên thế giới. Trong khi đó, nhu cầu về tiêu thụ, sử dụng hàng hóa dịch vụ có xu hướng tăng. Một bộ phận không nhỏ người dân có thu nhập trung bình trở xuống nhưng lại có tâm lý thích dùng hàng ngoại, hàng hiệu giá rẻ và thích thụ hưởng nghệ thuật miễn phí/chi phí thấp. Chính điều này đã tiếp tay cho các tội xâm phạm quyền SHTT (chưa kể đến những người có thu nhập khá, cao vẫn có tâm lý này). Từ đó, cho thấy, không chỉ nguyên nhân kinh tế của người dùng mà còn nguyên nhân đến từ quan niệm không đúng đắn về tôn trọng quyền của người sáng tạo. Nói cách khác chính là nhận thức chưa đúng về vai trò và ý nghĩa của SHTT.

Tâm lý của người dùng tại Việt Nam “ưa chuộng” xem phim lậu. Rõ ràng có thể thấy rằng, hành vi xem phim lậu vừa dễ dàng, lại vừa miễn phí. Người dùng hiện tại có thể truy cập vô hạn vào những phương tiện mà cho phép họ thực hiện hành vi bất hợp pháp mà không gây tổn hại hay mất bất kỳ chi phí nào để được xem phim. Vì vậy, có thể có những người dùng biết rằng họ đang là người gián tiếp tiếp tay cho hành vi xâm phạm bản QTTG đối với tác phẩm điện ảnh của trang web này, họ vẫn làm vì nó không gây tác hại thực tế nào đến họ. Nếu có nảy sinh một chút nghi ngờ đi chăng nữa thì nó cũng thường được hợp lý hóa một cách sai lầm bằng cách nói rằng ngành công nghiệp phim ảnh đã kiếm đủ tiền từ bộ phim đó rồi, hay việc truy cập và xem những nội dung được đăng tải trái phép không quan trọng nếu chỉ dành cho mục đích sử dụng cá nhân.

Mặt khác, xét về mặt đạo đức, những hành vi phim lậu, nghe nhạc lậu chính là “đồng phạm” tiếp tay cho các chủ thể thực hiện hành vi. Nói cách khác, nhân tố gián tiếp thúc đẩy sự phát triển của các nền tảng phim, nhạc lậu không ai khác chính là người dùng cuối cùng. Về mặt luật pháp, Việt Nam hiện chưa có cơ chế xác định người dùng cuối cùng là chủ thể thực hiện hành vi xâm hại QTTG, QLQ. Do đó, người dùng cuối cùng không phải đối diện với rủi ro pháp lý nào. Điều này càng có thể tạo nên sự thiếu tôn trọng đối với các tài sản trí tuệ của người khác.

3.6.2.7. Hạn chế trong hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế dần đang trở thành xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia với phương thức và mức độ khác nhau nhưng đều chung mục tiêu phát triển, thịnh vượng lâu dài. Để đảm bảo cho một quốc gia, một xã hội phát triển và thịnh vượng, cần phải ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi nguy hiểm, gây thiệt hại mà điển hình là tội phạm.

Liên quan đến các tội xâm phạm quyền SHTT, thực trạng xuất, nhập khẩu các hàng hóa vi phạm SHTT từ quốc gia này sang quốc gia khác nhằm mục đích kinh doanh thu lợi bất chính đã và đang diễn ra mỗi ngày. Đối phó với thực trạng này không chỉ cần sự nỗ lực của các lực lượng chức năng (biên phòng, hải quan, quản lý thị trường, công an...) của một quốc gia mà cần có sự hỗ trợ, phối hợp của các quốc gia nơi có tội phạm nguồn hoặc là điểm đi qua, điểm đến của tội phạm; thậm chí là lực lượng cảnh sát quốc tế, cảnh sát khu vực. Yếu tố “xuyên quốc gia” trong bối cảnh hiện nay không chỉ dừng lại ở việc đi qua ranh giới về mặt địa lý mà còn ở không gian mạng với sự xuất hiện của môi trường mạng internet. Những trường hợp như web phim lậu của Việt Nam nổi tiếng trên blacklist các thị trường khét tiếng về xâm phạm quyền SHTT là minh chứng rõ ràng nhất cho sự thiếu hụt một cơ chế hợp tác quốc tế sâu rộng hơn để giải quyết vấn nạn này.

Trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, hiện Việt Nam vẫn đang trong quá trình xây dựng các dự án Luật như Luật tương trợ tư pháp về dân sự, Luật tương trợ tư pháp về hình sự, Luật về dẫn độ, Luật về chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Hiện nay, Việt Nam mới ký kết được 12 Hiệp định tương trợ tư pháp chung, 01 Nghị định thư bổ sung Hiệp định; 05 Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, 01 thỏa thuận tương trợ tư pháp về dân sự; 14 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự; 14 Hiệp định về dẫn độ và 15 Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù và vẫn đang trong quá trình tiếp tục đàm phán, kí kết các hiệp định tương trợ tư pháp với các quốc gia, nhất là các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự và Hiệp định về dẫn độ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong thời gian vừa qua, bằng sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, Chính quyền cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức và quần chúng nhân dân, các cơ quan tiến hành tố tụng đã và đang hạn chế, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT. Trong chương này, tác giả đã đề cập và làm rõ những nội dung sau đây:

1. Phân tích, làm rõ thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2022, qua đó xác định kết quả đạt được, hạn chế và các nguyên nhân, điều kiện chủ yếu làm phát sinh tình hình tội phạm này trong thời gian qua. Đây chính yếu tố chi phối, quyết định toàn bộ việc tổ chức lực lượng cũng như triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

2. Phân tích, làm rõ nguyên nhân của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam, qua đó xác định những tồn tại, hạn chế trong hoạt động phòng ngừa và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó. Đây chính là cơ sở định hướng đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 4. DỰ BÁO VÀ CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VIỆT NAM

4.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

4.1.1. Cơ sở của dự báo

Dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là phán đoán về thực trạng và diễn biến của các tội xâm phạm quyền SHTT thực hiện trong thời gian tới. Dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT dựa trên sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa-giáo dục cũng như tác động của các chính sách đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng.

- Cơ sở kinh tế - xã hội

Kinh tế - xã hội nước ta đang diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bắt đầu được khơi thông. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và Ukraina đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Dự báo gần đây về tăng trưởng toàn cầu năm 2022 của các tổ chức quốc tế đều giảm so với các dự báo đưa ra trước đó. [294]

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, đồng thời đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, ngày 30/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các biện pháp. Cùng với đó, sự ủng hộ của nhân dân cả nước và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy tác động, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - xã hội nước ta trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Ngày 15/4/2015, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược đã xác định quan điểm

“Thế chế, hạ tầng, nhân lực, người dân, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế số và xã hội số. Công nghệ số và dữ liệu số thấm sâu một cách tự nhiên mặc định vào mọi mặt sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân”. Chiến lược cũng nhấn mạnh tầm nhìn “Phát triển kinh tế số giúp người dân giàu có hơn, góp phần đưa Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025, đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và đạt mức thu nhập cao vào năm 2045. Phát triển xã hội số giúp người dân hạnh phúc hơn, tham gia các hoạt động xã hội toàn diện hơn, thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội thuận lợi hơn, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia số an toàn, nhân văn và rộng khắp.” Thực hiện những chương trình, chiến lược này, nền kinh tế số, xã hội số của Việt Nam sẽ phát triển vượt bậc trong giai đoạn tới. Cùng với việc áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật, trí tuệ nhân tạo, ChatGPT sẽ tạo bước đột phá trong nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Đây là những thuận lợi thúc đẩy nền kinh tế- xã hội phát triển, nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức lớn vì tội phạm xâm phạm quyền SHTT sẽ lợi dụng môi trường mạng, công nghệ thông tin sẽ gia tăng và hành vi phạm tội sẽ có tính chất, mức độ ngày càng tinh vi, hiện đại với quy mô ngày càng mở rộng, thậm chí xuyên biên giới, xuyên châu lục.

- Cơ sở văn hóa - giáo dục

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: *“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”*. Cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, ngày 12/11/2021, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ-TTg 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Chiến lược đã xác định rõ quan điểm *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng...”*. Chiến lược cũng đề ra mục tiêu *“Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng*

thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các đối tượng chính sách và yếu thế; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số". Đây chính là nền tảng quan trọng để khắc phục những hạn chế trong môi trường văn hóa-giáo dục, góp phần khắc phục các tác động tiêu cực của môi trường văn hóa đến sự hình thành nhân cách, đạo đức của con người. Tuy nhiên, trong giai đoạn ngắn hạn, những tác động tiêu cực của môi trường văn hóa-giáo dục vẫn chưa thể khắc phục được ngay và triệt để, vì vậy sẽ vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến văn hóa, đạo đức kinh doanh của doanh nghiệp; tác động đến thói quen tiêu dùng hàng rẻ, hàng kém chất lượng, sử dụng các loại sản phẩm văn hóa như phim ảnh, ca nhạc miễn phí trên môi trường không gian mạng... Đây chính là những yếu tố góp phần làm gia tăng các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT trong giai đoạn ngắn hạn.

- Những tác động, ảnh hưởng của tiến trình hội nhập quốc tế.

Tiến trình hội nhập quốc tế, mở rộng giao lưu văn hóa ngày càng tạo ra những biến đổi to lớn và quan trọng trong đời sống văn hóa, nghệ thuật. Làn sóng toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia trên thế giới, đem đến cả những cơ hội và những thách thức mới đối với phát triển toàn cầu, trong đó có phát triển văn hóa. Tiến trình này cũng tác động đến văn hóa Việt Nam theo cả hai phương diện, tích cực và tiêu cực.

Tính đến năm 2021, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc, trong đó có 17 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện; có quan hệ thương mại với 224 đối tác và quan hệ hợp tác với hơn 500 tổ chức quốc tế, ký kết hơn 90 hiệp định thương mại (FTA) song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư; đang đàm phán, ký kết và thực thi 17 FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới là Hiệp định Việt Nam - EU và Hiệp định CPTPP (tiền thân là TPP). Đây là các FTA thế hệ mới với diện cam kết rộng và mức cam kết sâu, vượt ra ngoài khuôn khổ tự do hóa thương mại hàng hóa. Ngoài cam kết về tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ, các nước tham gia còn cam kết trên nhiều lĩnh vực khác như mua sắm Chính phủ, lao động, môi trường, SHTT, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư... Các FTA "thế hệ mới" như: FTA Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định Đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP); các FTA ASEAN + 1; FTA Australia - Hoa Kỳ (AUSFTA)... Tính lũy kế đến ngày 20/11/2021, cả nước có 34.424 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt gần 405,9 tỷ USD. Tổng trị giá xuất - nhập khẩu của Việt Nam đạt gần 454,58 tỷ USD. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu đạt gần 225,2 tỷ USD (tăng 19,8%), tương ứng tăng 37,15 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2020; tổng trị giá nhập khẩu của cả nước đạt 229,38 tỷ USD (tăng 32,2%), tương ứng tăng 55,92 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2020. [295]

Quan hệ quốc tế phát triển mang đến những cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội mới. Tuy nhiên cùng với đó là những thách thức đặt ra cho các chủ thể kinh doanh:

- Đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu: Dù hàng rào thuế quan được dỡ bỏ, song việc có tận dụng được các ưu đãi về thuế quan để mở rộng thị trường hay không lại phụ thuộc vào việc đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ cũng như các yêu cầu khác (an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ...). Với năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, thì những yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa lại đang đặt ra thách thức và mối lo ngại cho các doanh nghiệp Việt Nam. Những doanh nghiệp không đáp ứng yêu cầu này sẽ rất dễ bị loại khỏi cuộc cạnh tranh trên thị trường.

- Đối với sản xuất trong nước: việc tự do hóa thuế nhập khẩu sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu từ các nước, đặc biệt là từ các nước TPP, EU vào Việt Nam do giá thành rẻ hơn, chất lượng và mẫu mã đa dạng, phong phú hơn sẽ tác động đến lĩnh vực sản xuất trong nước. Những doanh nghiệp không tiên phong đổi mới trong công nghệ, quản trị chắc chắn sẽ bị đào thải khỏi cuộc cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường.

Những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, có nguy cơ bị đào thải là những chủ thể rất dễ rơi vào nguy cơ thực hiện các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT để bảo đảm sự tồn tại của mình vì không có khả năng cạnh tranh. Đây chính là một trong các nguyên nhân làm gia tăng các tội xâm phạm quyền SHTT.

Qua việc phân tích các cơ sở về kinh tế - xã hội và cơ sở văn hóa - giáo dục cho thấy quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới, nền kinh tế của Việt Nam dự báo sẽ có mức độ tăng trưởng nhanh và bền vững, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, liên kết vùng; thúc đẩy nền kinh tế số, mở rộng thị trường xuất khẩu; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; huy động mọi nguồn lực, tập trung thực hiện có hiệu quả 05 trụ cột và 03 đột phá đã xác định để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh. Kinh tế phát triển thì một số vấn đề bất cập hạn chế trong xã hội, văn hóa, giáo dục sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ trong thời gian tới. Môi trường văn hóa, giáo dục, môi trường gia đình ngày càng được cải thiện hơn sẽ góp phần không nhỏ trong việc cải biến môi trường xã hội, từ đó có những tác động nhất định đến sự hình thành các hệ tư tưởng, quan điểm, đạo đức, lối sống của các tầng lớp trong xã hội. Điều này sẽ có tác động nhất định đến

tình hình tội phạm nói chung và các tội xâm phạm quyền SHTT cũng như sẽ có tác động đến hoạt động phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, mặt trái của sự phát triển cũng dẫn đến những nguy cơ trong ngắn hạn dẫn đến sự gia tăng hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT.

4.1.2. Nội dung dự báo

Dựa trên kết quả phân tích, đánh giá thực trạng phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam giai đoạn 2012-2022; các chủ trương của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam, có thể dự báo tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian tới như sau:

- Dự báo về thực trạng tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT

Trong những năm tới, số lượng các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn chiếm một tỷ lệ thấp trong tổng số tội phạm nói chung. Trong tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, số lượng tội phạm ảm vẫn chiếm một tỷ lệ lớn vì mặc dù hành vi phạm tội có xu hướng gia tăng nhưng phần lớn các hành vi phạm tội vẫn chỉ bị áp dụng hình thức xử phạt hành chính. Mặc dù vậy, số lượng tội phạm xâm phạm quyền SHTT cũng vẫn gia tăng về số tuyệt đối vì quá trình tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp sẽ dẫn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng được nâng cao, dẫn đến chất lượng, hiệu quả xử lý các tội xâm phạm quyền SHTT sẽ được nâng cao. Số lượng pháp nhân thương mại thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử lý hình sự cũng sẽ gia tăng do các hạn chế trong xử lý TNHS của pháp nhân thương mại sẽ dần dần được khắc phục, tạo thuận lợi cho quá trình xử lý trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

- Dự báo về diễn biến của tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Trong những năm tới, với những kết quả đạt được về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục và phát triển con người. Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong điều kiện như vậy sẽ phát sinh mâu thuẫn không thể tránh khỏi giữa phát triển kinh tế - xã hội với sự không theo kịp trình độ quản lý xã hội, quản lý kinh tế, tổ chức quản lý con người và trình độ quản lý trật tự an toàn xã hội cũng như sự thay đổi về tư duy, nhận thức của mỗi cá nhân. Do đó tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có xu hướng gia tăng.

Trong giai đoạn tới, Việt Nam sẽ có những chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, tuy nhiên, những chính sách này vẫn cần phải có thời gian để phát huy hiệu quả về lâu dài nên trước mắt những điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục tạo thuận lợi cho việc phát sinh các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT chưa được xóa bỏ, như tình trạng nghèo đói, thất nghiệp sẽ vẫn còn cao, cạnh tranh trong nền kinh tế sẽ ngày càng trở nên khốc liệt, số lượng các chủ thể kinh doanh

làm ăn thua lỗ, không tiêu thụ được sản phẩm, nguy cơ phá sản sẽ có xu hướng gia tăng, ý thức chủ thể kinh doanh trong bảo vệ tài sản SHTT vẫn chưa cao và ý thức người dân trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn chưa được cải thiện đáng kể nên nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn có diễn biến gia tăng về cả số lượng và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

- Dự báo về cơ cấu, tính chất và địa bàn phạm tội

Về cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, Tội xâm phạm quyền SHCN vẫn là tội danh có tỷ lệ cao nhất trong tổng số các tội xâm phạm quyền SHTT, bởi vì đây là các hành vi rất dễ thực hiện trong điều kiện quản trị hành chính của nước ta còn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Ý thức bảo vệ quyền SHTT vẫn chưa cao và đạo đức kinh doanh vẫn còn bị coi nhẹ.

Về cơ cấu dân tộc, số người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn chủ yếu là người kinh chiếm tuyệt đại đa số trong tổng số người phạm tội.

Về cơ cấu theo giới tính và độ tuổi, người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT vẫn chủ yếu là nam giới nằm trong độ tuổi từ 18 đến 45. Đây là nhóm độ tuổi đang khởi nghiệp và tạo lập cuộc sống nên có những hạn chế nhất định về kiến thức, kỹ năng sản xuất kinh doanh, nguồn vốn ít, dễ thua lỗ nên dễ có tiền họ rất dễ thực hiện các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT.

Phạm vi hoạt động phạm tội không chỉ dừng lại ở một số địa bàn khu công nghiệp, thương mại, khu đô thị mà còn diễn ra ở khu vực nông thôn, miền núi vì đây là những địa bàn mà ý thức tiêu dùng của người dân còn chưa cao. Tâm lý chuộng hàng rẻ vẫn khá phổ biến. Những năm tới tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT sẽ diễn biến phức tạp, có sự gia tăng về tính chất, mức độ nguy hiểm do tội phạm lợi dụng công nghệ thông tin, lợi dụng trí tuệ nhân tạo, ChatGPT để thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế, đòi hỏi các chủ thể phòng ngừa cần phải phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được, khẩn trương khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong thời gian qua để tích cực, chủ động nghiên cứu xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có hiệu quả cao nhất.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

+ Những yếu tố thuận lợi trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT:

Các cấp ủy Đảng, chính quyền ngày càng quyết liệt trong công tác chỉ đạo phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; các cơ quan bảo vệ pháp luật ngày càng nhận thức đúng đắn vai trò chuyên trách và trách nhiệm của mình trong việc tiến hành

các hoạt động phòng ngừa cũng như nhận thức được hậu quả nghiêm trọng do các tội xâm phạm quyền SHTT gây ra cho xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, vừa qua Bộ Chính trị đã thông qua Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” với phương châm “Bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”; Đề án “Cải cách tư pháp tại TAND đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Điều này tác động tích cực đến hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng khi các cơ quan chuyên trách về phòng ngừa tội phạm ngày càng được hoàn thiện về cơ cấu tổ chức cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Những khó khăn, hạn chế trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT:

Sự phát triển mạnh mẽ kinh tế, xã hội khiến Việt Nam ngày càng thu hút đầu tư. Cùng với đó là mặt trái của nền kinh tế thị trường như sự phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên sâu sắc; sự du nhập văn hoá phẩm đồi trụy, bạo lực đã làm cho một bộ phận thanh, thiếu niên hình thành lối sống ăn chơi, thích hưởng thụ, lười lao động, coi trọng vật chất, sẵn sàng vi phạm quyền SHTT để có tiền tiêu xài; tình trạng thất nghiệp gia tăng, đặc biệt đối với những người lao động giản đơn, có trình độ tay nghề thấp sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp khi Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ngày càng phát triển mạnh mẽ và các ngành công nghệ cao chiếm thế thượng phong... Điều này đã làm cho các yếu tố tiêu cực của môi trường sống gia tăng, tác động tiêu cực đến tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT thời gian tới.

Kinh tế phát triển, thu nhập của người dân ngày càng tăng cao dẫn đến các nhu cầu sử dụng đồ dùng hàng hiệu, đi lại, làm ăn, buôn bán, trao đổi, giao dịch tiền bạc, tài sản... của nhân dân sẽ nhiều hơn.

Trình độ chuyên môn, quản lý, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT chưa cao, chưa đồng đều, lực lượng trong tương lai ngắn hạn vẫn còn thiếu so với yêu cầu và đòi hỏi từ thực tiễn. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT.

4.2. Các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

4.2.1. Biện pháp tăng cường giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Về nhận thức, cần xác định rõ phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm để bảo vệ ANTT, phục vụ tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước và đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng; đồng thời phải có sự tham gia phối hợp một cách chủ động, chặt chẽ, tích cực, sáng tạo của tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội và mọi công dân chứ không chỉ là nhiệm vụ riêng của một cơ quan hay tổ chức nào. Xác định điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tại từng thời điểm, từng địa bàn, khu vực, từng ngành, từng lĩnh vực hoặc trong phạm vi toàn quốc với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và mọi người người dân.

Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT xét cho cùng có mục đích là không để con người thực hiện hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT. Do đó cần xác định rõ hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT cần phải được thực hiện một cách quyết liệt, lâu dài, bền bỉ cho đến khi không còn nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT và hoạt động này cần được tiến hành một cách đồng bộ, thường xuyên và liên tục trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, pháp luật, văn hóa, giáo dục. Nếu chỉ dừng lại ở việc triển khai và thực hiện từng hoạt động, từng biện pháp phòng ngừa riêng lẻ sẽ không phát huy được hết hiệu quả của từng biện pháp.

- Đối với cơ quan xác lập quyền: Đây được coi là đội ngũ làm trực tiếp công tác về SHTT nên lực lượng này phải có năng lực, chuyên môn sâu trong quá trình thực hiện công tác. Lực lượng này cần được chú trọng đào tạo chuyên môn về bảo hộ quyền SHTT thường xuyên thông qua các chương trình hội nghị, hội thảo, triển lãm, cập nhật mới liên tục các hoạt động và kiến thức SHTT trên thế giới nhằm lĩnh hội kiến thức mới và lan tỏa SHTT đến các đối tượng liên quan khác

- Đối với nhóm thực thi quyền: Hoạt động thực thi quyền SHTT trong thời gian qua chỉ dựa chủ yếu vào thủ tục và chế tài hành chính khiến nguồn lực của các cơ quan xử lý vi phạm hành chính đã hạn chế lại càng trở nên quá tải trong khi cá nhân, tổ chức xâm phạm quyền SHTT không những không phải bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT của mình gây ra, mà việc đóng góp để bảo đảm hoạt động xử lý vi phạm của các cơ quan thực thi quyền SHTT cũng không đáng kể. Hoạt động thực thi quyền SHTT của Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong những năm gần đây, thu được kết quả đáng kể, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Cần phải nghiên cứu, xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về SHTT cho các cơ quan, lực lượng thực thi quyền SHTT. Hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi về

con người và cơ sở vật chất thông qua các chương trình xây dựng, tập huấn cho các đầu mối về thực thi quyền SHTT tại các cơ quan thực thi ở trung ương và địa phương.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

Pháp luật về SHTT là lĩnh vực có thể coi là lĩnh vực mới hơn so với những lĩnh vực pháp luật truyền thống ở Việt Nam. Vì vậy, công tác giáo dục, tuyên truyền là một nội dung rất quan trọng có ảnh hưởng đến hiệu quả các hoạt động công tác khác của các cơ quan thực thi quyền SHTT. Để làm tốt công tác này cần chú ý các nội dung:

+ Về phía cơ quan nhà nước: tuyên truyền, phổ biến này phải nhằm giáo dục ý thức pháp luật; kinh nghiệm trong kiểm tra, xử lý và đấu tranh chống xâm phạm của các tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành. Thông tin về hàng thật bao gồm việc đã đăng ký SHTT và tình trạng hàng giả trên thị trường. Hiện nay, công tác này cũng có những kết quả đáng khích lệ và cần tiếp tục phát huy như: Tình hình tội phạm được đăng tải trên website của Bộ Công an hàng tháng; số công báo công khai các tài sản trí tuệ đã bảo hộ cũng được đăng tải công khai trên trang web của SHTT; Các chương trình chống buôn lậu, hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng được phát trên truyền hình đều đặn, thường xuyên. Chính phủ đã có riêng một website của Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia (<http://bcd389.gov.vn/>) với rất nhiều các nội dung liên quan đến vấn đề vi phạm SHTT.

+ Về phía các chủ sở hữu quyền, các doanh nghiệp: cần tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật và nhận thức về tính chất nguy hại của vi phạm cũng như cách xử lý để các doanh nghiệp tự giác chấp hành pháp luật, ủng hộ và phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ quyền SHTT. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng dành nhiều chương trình tập huấn về SHTT được đưa tin trên trang của Cục SHTT, tuy nhiên tập trung vào các vấn đề dân sự là chủ yếu. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể phối hợp với các cơ quan tư pháp để mở rộng phạm vi tuyên truyền, tập huấn về chống và phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT.

Đồng thời, các doanh nghiệp, cá nhân cũng cần đẩy mạnh các biện pháp tự bảo vệ mình như đăng ký xác lập quyền SHTT, công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa - dịch vụ..., thực hiện đầy đủ các quy định về ghi nhãn hàng, mở rộng việc quảng bá tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về sản phẩm chính hãng của mình và mạng lưới phân phối tiêu thụ.

+ Về phía người dân: cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về SHTT cho mọi người, biến nó trở thành nội dung trong cuộc vận động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ trật tự quản lý kinh tế. Để làm được điều này, cơ quan xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến SHTT, các vụ

diễn hình, phương pháp, thủ đoạn phạm tội mới; xử lý nghiêm minh và công khai để có tác dụng răn đe, giáo dục.

Tuy nhiên, không phải tuyên truyền là có thể thay đổi ý thức pháp luật của người dân. Nâng cao mức sống và dân trí là những yếu tố rất quan trọng. Khi mức sống về kinh tế đầy đủ, thặng dư, những bận tâm về hàng hóa giá rẻ, thương thức nghệ thuật “chùa” dần giảm xuống. Song song với đó, dân trí cao cũng giúp nâng tầm hiểu biết về những tác hại của việc xâm phạm quyền SHTT, từ đó hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, đơn vị, tổ chức. Điều này giúp họ tự giác thực hiện, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác về SHTT cũng như giúp họ tự bảo vệ mình khỏi bị xâm hại bởi hành vi phạm tội.

Trong công tác tuyên truyền cũng cần phân loại các đối tượng khác nhau. Đối với các nhà khoa học, thực tiễn về SHTT việc tuyên truyền này cần đảo chiều chủ thể; có nghĩa họ có thể là những người được mời, phân công thực hiện công tác tuyên truyền. Sâu hơn nữa là tiếp tục trau dồi kiến thức chuyên sâu, học thuật để thu hút học giả, nhà nghiên cứu, nhà thực tiễn bàn về các biện pháp kinh nghiệm xử lý và phòng ngừa tội phạm.

Địa bàn tuyên truyền cũng cần có sự nhân mạnh tập trung, ví dụ: đẩy mạnh ở khu vực thường diễn ra tội phạm, nơi tập trung nhiều hàng hóa nhập lậu vi phạm SHTT vào Việt Nam; các khu chợ “hàng giả”....

4.2.2. Biện pháp khắc phục hạn chế trong nền kinh tế - xã hội

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ

Triển khai thực hiện nhiều biện pháp nhằm góp phần khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng các thành quả sáng tạo trong khoa học và công nghệ vào mọi mặt của đời sống và sản xuất, thông qua việc thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền; xây dựng, quản lý và tổ chức khai thác cơ sở dữ liệu thông tin về SHTT nhằm phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành quả của khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, pháp luật về SHTT, tư vấn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tạo lập, đăng ký xác lập quyền, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ...

- Chính sách, biện pháp huy động các nguồn lực xã hội đầu tư nâng cao năng lực hệ thống bảo hộ quyền SHTT, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế

Tăng cường hơn nữa những chính sách cụ thể thúc đẩy sự tham gia của xã hội vào việc nâng cao năng lực hệ thống SHTT. Các viện nghiên cứu, trường đại học và một số

tổ chức có chức năng tư vấn, hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ về SHTT đang là những chủ thể tham gia tích cực vào hệ thống SHTT của Việt Nam.

- Xây dựng các chương trình, dự án đối tác công tư (PPP)

Việc xây dựng các chương trình hoặc dự án đối tác công tư về SHTT sẽ có tác dụng thúc đẩy nhận thức cộng đồng nhờ có sự kết hợp nguồn lực tài chính, nhân lực từ thành phần tư nhân, đối tượng quan tâm đến sáng tạo và khai thác quyền SHTT.

Chủ thể sáng tạo tài sản trí tuệ là các doanh nghiệp, họ sẽ là những người hưởng lợi. Việc hình thành dự án đối tác công tư sẽ thúc đẩy sự tham gia từ các chủ thể với nguồn nhân lực tham gia các hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức tới các đối tượng sử dụng quyền và do vậy có tác dụng truyền tải các kiến thức tới cộng đồng một cách nhanh chóng theo nguyên lý “vết dầu loang” vì thực chất cơ quan chuyên về SHTT không thể đủ nhân lực để làm các công việc tuyên truyền. Ngoài ra, các doanh nghiệp với tư cách là chủ thể quyền SHTT sẽ có nhiều kiến thức thực tiễn trong quá trình khai thác quyền. Đây là những kinh nghiệm rất tốt phục vụ các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng. Mặt khác họ sẽ tham gia tích cực để tuyên truyền tới đối tượng hưởng lợi từ kết quả của họ do bản thân họ mong muốn nhận thức của cộng đồng được nâng cao nhằm đảm bảo quyền lợi của họ khi khai thác quyền.

4.2.3. Biện pháp khắc phục hạn chế trong văn hoá, giáo dục

Đánh giá cao tầm quan trọng nhận thức của cộng đồng đối với sự phát triển của hệ thống SHTT. Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược SHTT đến năm 2030” vào ngày 22/8/2019 lần đầu tiên đề cập tới thuật ngữ “văn hoá SHTT”, trong đó “Hình thành văn hóa SHTT” là một trong chín nhóm biện pháp thực hiện các mục tiêu của Chiến lược đề ra. Việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về SHTT có vai trò quyết định đối với sự vận hành hiệu quả của hệ thống SHTT. Từ đó ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT được lan tỏa và thực thi. Hơn nữa, việc ban hành Chiến lược SHTT đến năm 2030 cùng nền tảng văn hóa SHTT được nuôi dưỡng, hệ thống SHTT của Việt Nam được kỳ vọng sẽ có những bước tiến vượt bậc, tạo động lực thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và phổ biến sản phẩm sáng tạo, qua đó làm giàu tài sản trí tuệ - một nguồn tài nguyên tạo nên nội lực quốc gia, phục vụ trực tiếp cho phát triển bền vững.

Tầm quan trọng của SHTT ngày nay đã vượt khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các SHTT, trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động, đã và đang tác động tới mọi mặt của đời sống văn hóa và xã hội.

- Những thay đổi đối với chương trình giáo dục

Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang thay đổi nhận thức của thế hệ trẻ về thành công. Người trẻ không chỉ thụ hưởng thành quả trí tuệ từ

thế hệ trước, mà còn trực tiếp tham gia, thiết lập quá trình phát triển của xã hội. Ước mơ của tuổi trẻ về khoa học, công nghệ và nghệ thuật, cũng như nỗ lực của họ để biến những ước mơ đó thành hiện thực, là khởi nguồn để tạo ra những đổi mới. Do đó, việc giáo dục, phổ biến và nâng cao nhận thức về SHTT cần được thực hiện theo hướng khuyến khích tạo ra tài sản trí tuệ mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo dựng văn hóa SHTT.

Trong chiến lược của Nhật Bản để trở thành một quốc gia dựa trên SHTT, chính phủ nước này đã thực hiện giáo dục có hệ thống tập trung vào việc nuôi dưỡng mỗi người dân Nhật Bản như là nguồn nhân lực để phát triển và sử dụng tài sản trí tuệ. Tại Nhật Bản, các tiêu chuẩn giáo dục được thiết lập dựa trên Đạo luật Giáo dục Trường học để đảm bảo một cấp độ giáo dục nhất định được cung cấp đồng đều trên khắp đất nước, mỗi trường học sẽ xây dựng chương trình giảng dạy của mình dựa trên các tiêu chuẩn đó. [45, tr.6] Đây là bài học kinh nghiệm tốt để Việt Nam có thể học hỏi, vận dụng trong phổ biến, tuyên truyền, giáo dục ý thức người dân bảo vệ quyền SHTT.

Xây dựng sự tôn trọng đối với SHTT không chỉ đơn thuần là thực thi; chúng ta cũng phải giáo dục, thông báo và thay đổi thái độ. Đưa các chương trình sáng tạo sự tôn trọng đối với quyền SHTT và phát triển các công cụ để sử dụng trong việc nâng cao nhận thức, đặc biệt là trong giới trẻ.

SHTT là kết quả của sự suy nghĩ và sáng tạo của con người: một phát minh mới, thiết kế của sản phẩm, nhãn hiệu hoặc tác phẩm sáng tạo, chẳng hạn như sách, phim, bài hát hoặc một phần mềm. Tài sản này không thể nhìn thấy hoặc chạm vào, nhưng nó có giá trị, nó thuộc về ai đó, và nó có thể bị hư hỏng hoặc bị lấy đi nếu không được phép. Nhưng làm thế nào để chăm sóc tài sản như vậy? Làm thế nào để loại tài sản này giúp mọi người trên thế giới cải thiện cuộc sống, tạo việc làm và bảo vệ nền văn hóa của họ?

Tôn trọng Bản quyền và Tôn trọng Thương hiệu là các tài nguyên giáo dục được tạo ra để nâng cao nhận thức và hiểu biết của giới trẻ về quyền SHTT.

Việc quan tâm đầu tư bồi dưỡng, trang bị cho thế hệ tương lai những kiến thức, kỹ năng tư duy về đổi mới sáng tạo và SHTT, hình thành cho giới trẻ ý thức tôn trọng quyền SHTT, tạo dựng văn hóa SHTT sẽ giúp Việt Nam có đủ năng lực hội nhập và cạnh tranh, tránh tụt hậu so với các nước.

Vì vậy, với với nhóm đặc biệt này, cần đa dạng hóa các hình thức tiếp cận như: talkshow chuyên đề, các sân chơi hữu ích thông qua cuộc thi sáng tạo, các hoạt động sinh viên với SHTT, các cuộc triển lãm các sản phẩm sáng tạo, được tổ chức định kỳ và thường xuyên tại các trường đại học trên cả nước. Cũng với cách tiếp cận này, tạo nên thói quen quan tâm và tôn trọng quyền SHTT trong công tác học tập, nghiên cứu. Hàng triệu sinh viên Việt Nam nhiều thế hệ sẽ có được hiểu biết từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT, từ đó

định hướng cho thế hệ trẻ phát triển, khai thác các sản phẩm sáng tạo đem lại giá trị kinh tế cho bản thân và xã hội. Thông qua các hoạt động tuyên truyền như vậy, các trường đại học sẽ trở thành một cái nôi nuôi dưỡng văn hoá SHTT.

4.2.4. Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động quản lý Nhà nước

- Để nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền SHTT, cần thiết phải thực hiện rà soát, đánh giá hiệu lực, hiệu quả và sự phù hợp của hệ thống tổ chức và cơ cấu bộ máy bảo vệ quyền SHTT hiện có để làm căn cứ xây dựng và thực hiện phương án sắp xếp, phân công lại trong bộ máy. Việc sắp xếp, phân công lại bộ máy các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp hành chính cần đảm bảo theo hướng thu gọn đầu mối, phù hợp với tính chất đặc thù của quyền SHTT, xóa bỏ tình trạng hành chính hóa các quan hệ dân sự về SHTT.

Việc thu gọn đầu mối cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyền SHTT bằng biện pháp hành chính cần được thực hiện đồng thời với việc phân định rõ thẩm quyền của mỗi cơ quan và tăng cường chất lượng hoạt động trên cơ sở thực hiện chuyên môn hóa về tổ chức và nhân sự trong các cơ quan này.

Ngoài ra, cần thiết lập cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin, chuyên môn giữa cơ quan xác lập quyền với các cơ quan bảo vệ quyền SHTT và giữa các cơ quan bảo vệ quyền SHTT với nhau nhằm tạo sự nhất quán trong nhận định và cách thức xử lý các vụ việc có cùng bản chất. Các cơ quan bảo vệ quyền SHTT cũng cần công bố công khai các vụ việc được xử lý, các trường hợp xâm phạm điển hình, qua đó, rút kinh nghiệm trong hoạt động của mỗi cơ quan.

- Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, diện mạo và cách thức vận hành nền kinh tế cũng thay đổi. Kinh tế số với thương mại điện tử ngày một phát triển sâu rộng. Mặt trái của sự phát triển này là việc nhiều cá nhân, tổ chức vì lợi nhuận mà thiết lập các trang website làm trung gian cho việc xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là các website thương mại điện tử. Sự xuất hiện của các website thương mại điện tử góp phần chuyển dịch hình thức tiêu dùng, kích thích nhu cầu mua sắm của người dân. Trên các nền tảng thương mại điện tử đó, không khó khăn để “mua phải” một loại hàng hóa giả mạo trên các trang thương mại điện tử.

Vì vậy, bên cạnh việc pháp luật cần xác định rõ nhà cung cấp dịch vụ internet có vai trò quan trọng trong việc cung cấp, phát tán các đối tượng xâm phạm quyền SHTT trong thương mại điện tử, việc quy định và thực thi các biện pháp quản lý, kiểm soát trên mạng internet cũng cần được đẩy mạnh. Tùy mức độ và tính chất của vụ việc, các nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm (trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính và có thể cả trách nhiệm hình sự) trước các cơ quan nhà nước, trước chủ thể quyền.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT.

Kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT tại biên giới đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc phát hiện, ngăn chặn hàng hoá giả mạo và xâm phạm quyền SHTT đưa vào thị trường trong nước.

Các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam ký kết trong thời gian qua như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA) cũng đặt ra những yêu cầu cao đối với biện pháp này. Ví dụ, Điều 18.76.5 Hiệp định CPTPP yêu cầu các nước thành viên quy định thẩm quyền chủ động tiến hành các biện pháp tại biên giới của cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, tập kết để xuất khẩu hoặc nhập khẩu bị nghi ngờ là giả mạo nhãn hiệu hoặc sao lậu QTG. Điều 18.59 Hiệp định EVFTA yêu cầu cơ quan hải quan phải chủ động trong việc phát hiện và xác định hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT trên cơ sở các kỹ thuật phân tích rủi ro. Hiệp định này cũng yêu cầu cơ quan phải hợp tác với chủ thể quyền, bao gồm việc cho phép cung cấp thông tin để phân tích rủi ro.

Theo quy định hiện hành, thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT được áp dụng đối với tất cả các đối tượng quyền SHTT. Trong khi đó, Hiệp định TRIPS chỉ yêu cầu các nước thành viên áp dụng biện pháp này đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và sao chép lậu QTG; thậm chí Hiệp định CPTPP cũng chỉ yêu cầu mở rộng áp dụng biện pháp này với hàng hóa mang nhãn hiệu tương tự gây nhầm lẫn. Quy định áp dụng biện pháp này đối với các đối tượng như sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp, bí mật thương mại... không phù hợp với các biện pháp thực hiện tại biên giới vì việc xác định các yếu tố xâm phạm đối với những đối tượng nêu trên là tương đối khó và mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến quá trình lưu thông hàng hóa qua cửa khẩu, thậm chí trong một số trường hợp cơ quan hải quan tại cửa khẩu không đủ điều kiện để thực hiện. Hơn nữa, sau khi hàng hóa được thông quan, trường hợp có nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT, các cơ quan bảo vệ quyền SHTT trong nội địa vẫn có thời gian và điều kiện để xác định các hành vi xâm phạm. Quy định hiện hành trong Luật SHTT vượt quá yêu cầu của Hiệp định TRIPS cũng như các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam cam kết, tạo gánh nặng không cần thiết cho cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất, nhập khẩu tại biên giới, trong khi đó, cơ quan hải quan hiện nay còn nhiều hạn chế về nguồn lực, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cũng như nguồn nhân lực.

Do đó, để nâng cao hiệu quả kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu về SHTT, cần sửa đổi quy định của Luật SHTT theo hướng thu hẹp đối tượng hàng hoá về SHTT bị kiểm soát tại biên giới. Kiểm soát về SHTT tại biên giới chỉ nên áp dụng đối với hàng hoá bị nghi ngờ giả mạo về SHTT và hàng hoá xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.

Luật SHTT cũng cần bổ sung thẩm quyền chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan của cơ quan hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ giả mạo về SHTT để đáp ứng cam kết theo Hiệp định CPTPP. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực của cơ quan hải quan trong việc nhận biết hàng hoá giả mạo về SHTT và hàng hoá xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Khi năng lực của cán bộ hải quan được nâng cao, việc bổ sung thẩm quyền chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan mới phát huy hiệu quả.

Liên quan đến nội dung này, cũng cần đề cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, như: Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường, thanh tra thông tin và truyền thông, thanh tra khoa học và công nghệ... Đây là những cơ quan có vai trò rất quan trọng trong kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi phạm quyền SHTT. Hoạt động của các cơ quan này cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, trên tất cả các lĩnh vực có thể dễ xảy ra các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT để phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời, qua đó góp phần ngăn ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất sự gia tăng của các hành vi phạm tội.

4.2.5. Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng

Các tội xâm phạm quyền SHTT không phải là nhóm tội phạm truyền thống mà có yếu tố đa ngành giữa Luật hình sự và Luật SHTT, Luật dân sự, Luật kinh tế. Do vậy, người tiến hành tố tụng không chỉ cần là người am hiểu về pháp luật hình sự mà còn phải là người được trang bị đủ kiến thức về lĩnh vực SHTT và một số lĩnh vực liên quan.

4.2.5.1. Đối với lực lượng Công an

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”; Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030... Qua đó, tập trung phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong công tác phòng, chống tội phạm; trong đó, xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng

cấp, từng ngành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tội phạm; lồng ghép công tác phòng, chống tội phạm trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm; trọng tâm là rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực phòng, chống tội phạm và chủ động đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác phòng, chống tội phạm; kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các luật đã được Quốc hội thông qua, không tạo khoảng trống pháp lý gây khó khăn cho công tác phòng, chống tội phạm.

- Chủ động nắm, phân tích, dự báo sát tình hình thế giới, khu vực, trong nước từ sớm, từ xa; kịp thời tham mưu với Đảng, Quốc hội, Chính phủ các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại của đất nước. Triển khai các kế hoạch, biện pháp đấu tranh làm thất bại các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; bảo đảm an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh tại các địa bàn chiến lược.

- Xác định phòng ngừa là chính, cơ bản, chiến lược, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, chủ động dự báo sớm và giải quyết các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và những vấn đề phức tạp về trật tự xã hội ngay từ cơ sở. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin, báo chí, nhất là thông tin mạng trong việc đấu tranh phê phán những hành vi vi phạm pháp luật, lên án đối với các hành vi phạm tội, tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm. Xây dựng, nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ phòng, chống tội phạm ngay từ cơ sở, trong đó phát huy vai trò của mặt trận, công đoàn, cựu chiến binh, hội nông dân, thanh niên, phụ nữ...; kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, khen thưởng gương người tốt, việc tốt trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng tiếp tục tăng cường đấu tranh các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm có tổ chức liên quan đến tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm hoạt động núp bóng doanh nghiệp, các tội xâm phạm quyền SHTT, các tội phạm kinh tế. Xử lý nghiêm tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, sử dụng công nghệ cao. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; công tác bắt, giam, giữ và điều tra, xử lý tội phạm. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra theo tố tụng.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là tăng cường quản lý cư trú, quản lý hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam. Đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về “*phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*”, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị xã hội, cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên cơ sở kết nối dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

- Nâng cao năng lực các đơn vị chuyên trách về SHTT đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và các kỹ năng công vụ cho lực lượng thực thi pháp luật về SHTT. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi những thiếu, tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức trong xử lý vi phạm quyền SHTT. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động phát hiện, điều tra tội phạm, nhất là các tội xâm phạm quyền SHTT trên môi trường mạng. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển mạnh mẽ và đang được tội phạm sử dụng triệt để, nhất là tội phạm trong môi trường mạng. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT trên môi trường mạng cũng đang diễn ra hết sức phức tạp, việc vận dụng trí tuệ nhân tạo trong phát hiện, điều tra tội phạm mạng, trong đó có nhóm tội xâm phạm quyền SHTT có vai trò đặc biệt quan trọng. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Bigdata Analytics) trong điều tra tội phạm là một biện pháp hữu hiệu đã được lực lượng chức năng của nhiều quốc gia sử dụng, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động điều tra tội phạm, nhất là tội phạm trong môi trường mạng. Lực lượng công an cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phục vụ tốt hơn nữa hoạt động phát hiện, điều tra các tội xâm phạm quyền SHTT, nhất là trong bối cảnh nguồn nhân lực còn hạn chế trong khi khối lượng công việc đang ngày càng gia tăng trong giai đoạn hiện nay.

4.2.5.2. Đối với Viện kiểm sát nhân dân

- Tiếp tục tập trung thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong thực hành quyền công tố, đặc biệt là nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; chống oan, sai, chống bỏ lọt tội phạm.

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành trong kiểm sát hoạt động tư pháp; tích cực chủ động kiến nghị, kháng nghị yêu cầu các cơ quan tư pháp khắc phục vi phạm và các cơ quan hữu quan loại trừ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm qua đó bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong quá trình tham gia các

quan hệ pháp luật dân sự, kinh tế, thương mại, góp phần vào sự phát triển kinh tế trong nước cũng như hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, coi trọng công tác cán bộ và tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ Kiểm sát viên và người đứng đầu các cấp kiểm sát; tăng cường công tác luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp tối cao, cấp cao về địa phương và ngược lại, đặc biệt chú ý luân chuyển ở những địa bàn trọng điểm, có số lượng công việc lớn, phức tạp, những lĩnh vực công tác quan trọng, nhạy cảm để rèn luyện thử thách cán bộ, đào tạo toàn diện cán bộ đáp ứng yêu cầu *“một người biết nhiều việc, chuyên sâu một, hai việc”*, khắc phục tính trì trệ *“ở quá lâu tại một vị trí, lĩnh vực công tác”*, phòng ngừa tiêu cực. Bên cạnh việc tinh giảm biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần bổ sung biên chế cho những nơi còn thiếu đội ngũ, nhất là những nơi đảm nhiệm kiểm sát các vụ việc của công an cấp xã nhằm bảo đảm chất lượng hoạt động công tố và kiểm sát xét xử các vụ án nói chung, các vụ án xâm phạm quyền SHTT nói riêng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong Ngành; triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin trong ngành Kiểm sát nhân dân đến năm 2030; tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện các phần mềm quản lý nghiệp vụ và phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của VKSND các cấp. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển mạnh mẽ và đang được tội phạm sử dụng triệt để, nhất là tội phạm trong môi trường mạng. Các hành vi xâm phạm quyền SHTT trên môi trường mạng cũng đang diễn ra hết sức phức tạp, thì việc tăng cường vận dụng trí tuệ nhân tạo không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với Cơ quan điều tra mà còn có ý nghĩa rất quan trọng đối với Viện kiểm sát. Với ưu thế xử lý khối lượng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo có thể đưa ra các thông tin hữu ích cho các Kiểm sát viên tham khảo trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Trong bối cảnh Viện kiểm sát cũng như các cơ quan khác đang phải cắt giảm nhân lực theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị thì việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ cho các hoạt động chuyên môn sẽ phần nào khắc phục được hạn chế này.

4.2.5.3. Đối với Tòa án nhân dân

Để giải quyết các vụ việc về quyền SHTT tại TAND được nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo sự khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền, cần phải nâng cao vai trò của Tòa án trong thực thi quyền SHTT, cụ thể là:

- Thực hiện tốt các biện pháp đột phá nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ việc và các mặt công tác khác. Đổi mới phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành theo hướng phân công, phân nhiệm hợp lý; đảm bảo rành mạch giữa quản lý, điều hành hoạt động nội bộ của các Tòa án với hoạt động tố tụng. Khơi dậy và phát huy tính năng động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức; xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh. Kiện toàn đội ngũ công chức của các Tòa án, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp ở TAND cấp huyện. Động viên cán bộ, công chức tích cực tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí công tác.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý. Đa dạng các hình thức tập huấn, bồi dưỡng; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, giải đáp vướng mắc, đối thoại bằng hình thức trực tuyến; chú trọng đào tạo thông qua việc rút kinh nghiệm công tác xét xử; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp và các kiến thức xã hội, tăng cường hướng dẫn áp dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tăng cường xây dựng thể chế và bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử. Làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử làm cơ sở cho việc xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn, án lệ và giải đáp các vướng mắc nghiệp vụ về SHTT. Nghiên cứu việc thành lập Tòa chuyên biệt SHTT trong hệ thống TAND.

- Nghiên cứu đổi mới nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, siết chặt kỷ cương, kỷ luật công vụ. Nghiêm túc thực hiện tốt Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán. Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng giải quyết các vụ, việc của các Tòa án.

- Tiếp tục đổi mới thủ tục hành chính - tư pháp, đảm bảo công khai minh bạch các hoạt động của Tòa án; tập trung hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của bộ phận “hành chính tư pháp” để thực hiện cơ chế một cửa liên thông và đơn giản hóa việc tiếp nhận, hướng dẫn giải quyết yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, công dân trước và sau các phiên tòa; đổi mới thủ tục tố tụng đối với việc giải quyết các vụ việc tranh chấp về quyền SHTT nhằm tạo ra cơ chế giải quyết thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Tòa án điện tử, phần mềm Trợ lý ảo; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát điều hành. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các hoạt động nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT, từ đó nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và luật chuyên ngành trong xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT có nhiều tình tiết phức tạp; nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Các tòa án cần chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra, VKSND tăng cường hoạt động xét xử, làm sáng tỏ bản chất các vụ án xâm phạm quyền SHTT, mức độ lỗi của người phạm tội, kiên quyết khởi tố vụ án tại phiên tòa nếu phát hiện tội phạm và người phạm tội mới, đặc biệt trong các vụ án có yếu tố đồng phạm nhằm trừng trị nghiêm khắc kẻ phạm tội, không để xảy ra tình trạng xét xử oan sai, bỏ lọt tội phạm, hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung dẫn đến quá trình xét xử kéo dài, tồn đọng án, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật trong hoạt động xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT; các tòa án phải chú trọng thực hiện các biện pháp để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa xét xử các vụ án xâm phạm quyền SHTT, đảm bảo việc giải quyết, xét xử, ra bản án, quyết định có căn cứ, đúng pháp luật. Trong hoạt động xét xử cần nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính độc lập của Tòa án, cần thực hiện đúng nguyên tắc “Bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa”. Việc đưa ra bản án phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, khách quan tài liệu chứng cứ, ý kiến của KSV, của người bào chữa, bị cáo, người làm chứng nhằm bảo đảm các phán quyết của Tòa án phải chính xác, đúng pháp luật, có sức thuyết phục cao.

Hội đồng xét xử cần chú trọng thực hiện tốt việc tuyên truyền giáo dục, giải thích cặn kẽ các quy định pháp luật cùng hậu quả pháp lý bất lợi mà các bị cáo phải gánh chịu do hành vi xâm phạm quyền SHTT gây ra. Đây là một biện pháp hữu hiệu tác động trực tiếp góp phần nâng cao nhận thức người phạm các tội xâm phạm quyền SHTT và ý thức chấp hành pháp luật của những người có mặt tại phiên tòa.

Qua hoạt động xét xử, Tòa án các cấp cần chủ động, nghiêm túc trong việc xác định các nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT; đặc điểm nhân thân người phạm tội, các phương thức, thủ đoạn gây án; những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý Nhà nước mà các đối tượng xâm phạm quyền SHTT đã lợi dụng để thực hiện tội phạm... từ đó thông báo, yêu cầu, kiến nghị, phối hợp với cơ quan hữu quan có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT có hiệu quả.

4.2.6. Biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật

4.2.6.1. Tội phạm hóa một số hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ

Nghiên cứu quy định của pháp luật hình sự Việt Nam cũng như kinh nghiệm pháp luật quốc tế kết hợp với những căn cứ để tội phạm hóa nêu trên, cần quy định các hành vi sau đây là tội phạm trong BLHS: - Hành vi xâm phạm bí mật thương mại và hành vi sản xuất, buôn bán, nhập khẩu các nhãn mác, bao gói xâm phạm nhãn hiệu. Kiến nghị này xuất phát từ nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do và quy định của một số quốc gia trên thế giới.

+ Đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu, buôn bán các nhãn mác, bao gói xâm phạm nhãn hiệu: Khoản 3 Điều 18.77 CPTPP có đặt ra yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi hành vi cố ý nhập khẩu và sử dụng trong nội địa, trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại nhãn mác hoặc bao gói trên đó có một nhãn hiệu được gắn mà không được phép, trùng hoặc không thể phân biệt được với nhãn hiệu đã đăng ký trong lãnh thổ của Bên đó; và được nhằm để sử dụng trong thương mại trên hàng hóa hoặc liên quan đến dịch vụ mà trùng với hàng hóa và dịch vụ của nhãn hiệu đã đăng ký. Trong khi đó, Điều 226 BLHS Việt Nam chỉ dừng lại ở quy định TNHS đối với hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam mà đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, nói cách khác, hành vi đó phải đi cùng với hàng hóa vi phạm cụ thể.

Khi nghiên cứu các vụ án cụ thể tại Việt Nam cũng cho thấy, các chủ thể bị truy cứu TNHS chủ yếu là những người sản xuất, buôn bán ra hàng hóa mang những nhãn mác, bao gói có yếu tố xâm phạm quyền SHTT. Bên cạnh đó, tồn tại một bộ phận sản xuất sẵn các nhãn mác của các nhãn hiệu nổi tiếng, buôn bán các loại nhãn mác này ngay tại các khu chợ; coi đó như một loại hàng hóa được làm ra để buôn bán. Những chủ thể này sẽ bị coi là đồng phạm về các tội phạm hàng giả hoặc tội xâm phạm quyền SHCN nếu như chứng minh được việc cung cấp các nhãn mác, bao gói này là một khâu của quá trình sản xuất ra hàng hóa giả mạo trong vụ án cụ thể sau này. Nhưng trường hợp chưa hoặc không có đối tượng mua nhãn mác, bao gói này về sản xuất thì không có chế tài hình sự để xử lý mà chỉ có thể phạt vi phạm hành chính.

+ Đối với hành vi xâm phạm bí mật thương mại: khoản 2 và khoản 3 Điều 18.78 CPTPP có yêu cầu các bên thành viên phải quy định xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm bí mật thương mại.

Hành vi cố ý xâm phạm bí mật thương mại trái phép dưới một trong các dạng truy cập vào một bí mật thương mại trong hệ thống máy tính; chiếm đoạt hoặc tiết lộ gian lận một bí mật thương mại (bao gồm cả sự trợ giúp của hệ thống máy tính). Khoản 3

Điều 18.78 CPTPP cũng gợi mở một số khuyến nghị cho các quốc gia về giới hạn phạm vi xử lý này trong những trường hợp cụ thể.

Vấn đề bảo hộ bí mật kinh doanh còn khá mới mẻ ở Việt Nam và thường mới chỉ được coi trọng ở các công ty lớn. Trong các công ty này, việc bảo vệ bí mật kinh doanh là một hoạt động mang tính sống còn đối với sản phẩm, hoạt động kinh doanh của họ. Ở một khía cạnh khác, hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn đang và có xu hướng tiếp tục xem nhẹ việc bảo hộ bí mật kinh doanh này. Các vụ gián điệp kinh tế, mua chuộc nhân viên, ... vẫn diễn ra hằng năm với số lượng khá phổ biến, khiến nhiều doanh nghiệp lúng túng trong cách thức giải quyết. Điển hình như vụ Công ty CP Thực phẩm Tân Tân bị đối thủ cạnh tranh thiết kế sản phẩm và tạo sản phẩm tương tự cùng những bổ sung cũng như việc PR hiệu quả hơn khiến Công ty Tân Tân mất hẳn thị phần trên sản phẩm này.

Hiện nay, các chế tài xử lý đối với hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh cũng chưa thực sự nghiêm khắc, mới chỉ dừng lại ở biện pháp dân sự và hành chính. Một trong những lý do của hiện tượng trên là hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh khi ít ảnh hưởng lớn tới người tiêu dùng và toàn xã hội mà chỉ ảnh hưởng tới chủ sở hữu nó. Song, nếu xem xét và làm một phép so sánh giữa trị giá bồi thường theo chế tài mà các chủ thể vi phạm phải thực thi và ngược lại, những lợi ích khổng lồ mà hành vi xâm phạm đến bí mật kinh doanh mang lại cho những đối tượng này, nhiều đối tượng vẫn bất chấp thực hiện hành vi vi phạm.

Mặt khác, với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay và tầm nhìn trong tương lai, việc các doanh nghiệp phát triển lên mức độ cao, xuất hiện những doanh nghiệp lớn với khả năng sáng tạo đột phá, việc bảo vệ các bí mật kinh doanh trở nên vô cùng cần thiết bởi giá trị và vai trò quan trọng của nó đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Không chỉ vậy, bí mật thương mại còn được điều chỉnh bởi quy định pháp luật cạnh tranh. Bảo vệ bí mật thương mại không chỉ bảo vệ quyền SHTT của người sáng tạo mà còn thực tế đang kiến tạo một môi trường cạnh tranh lành mạnh trong phát triển kinh tế.

Nhận thức và có những vụ việc thực tế đã xảy ra, các quốc gia đặc biệt là các quốc gia phát triển đã quy định vấn đề TNHS đối với hành vi xâm phạm bí mật thương mại như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Pháp... Từ yêu cầu trong cam kết quốc tế đến thực tiễn và dự báo trong tương lai đều cho thấy cần phải quy định các hành vi nêu trên là tội phạm trong BLHS.

- Bổ sung dấu hiệu định khung hình phạt “phạm tội trên môi trường internet trong các tội xâm phạm quyền SHTT” và “qua biên giới Việt Nam”

Thực tiễn cho thấy không chỉ các tội xâm phạm quyền SHTT mà các tội phạm trong lĩnh vực khác, thậm chí các tội phạm truyền thống cũng có thể thực hiện trên mạng internet. Hơn thế nữa, việc thực hiện trên internet đối với các tội xâm phạm quyền SHTT trở nên dễ dàng với những mức độ gây thiệt hại nghiêm trọng lớn. Điều này cũng trở nên ngày càng phổ biến hơn.

Cùng với đó, thị trường hàng lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT qua biên giới về Việt Nam để tiêu thụ cũng là một thực tế đáng lo ngại. Mặt khác, đối với các tội phạm về hàng giả (Điều 192, 193, 194, 195 BLHS năm 2015) tội phạm về hàng cấm (Điều 190, 191 BLHS năm 2015) - những hành vi có đối tượng hàng hóa vi phạm là hàng hóa “đặc biệt” - “giả” hoặc “bị cấm” đều đã quy định dấu hiệu “qua biên giới” là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng. Hàng hóa vi phạm trong các tội xâm phạm quyền SHTT cũng là hàng hóa có yếu tố đặc biệt - “giả mạo”, đã cấu thành tội độc lập. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ và nguyên tắc phân hóa TNHS, cần thiết bổ sung tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại khoản 2 các Điều 225 và 226 BLHS năm 2015.

- Sửa đổi lại một số quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền SHCN để có sự phân biệt rõ ràng.

Một số quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN hiện nay như quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ có khoảng trùng nhau với quy định của Điều 226 BLHS về dấu hiệu giá trị hàng hóa vi phạm, từ đó, có thể tạo nên kẽ hở để xử phạt nhẹ bằng biện pháp hành chính đối với những hành vi nguy hiểm đáng kể mà phải xử lý hình sự. Vì vậy, ranh giới định lượng giữa pháp luật hành chính và hình sự cần phải điều chỉnh để tách bạch độc lập, cụ thể: nên giới hạn mức tối đa trong định lượng các dấu hiệu cấu thành vi phạm hành chính trong các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT.

4.2.6.2. Ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật

Trong thời gian vừa qua TANDTC đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các quy định của pháp luật để có cách hiểu thống nhất và cụ thể về một số quy định chưa rõ ràng của BLHS. Tuy nhiên, cũng có một số quy định của BLHS chưa được hướng dẫn rõ ràng dẫn đến những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Thậm chí có những trường hợp các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật mâu thuẫn với nhau tạo ra sự thiếu thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật. Các nội dung cần được hướng dẫn rõ trong thời gian tới đó là:

- Hành vi sao chép, phân phối quy định tại khoản 1 Điều 225 BLHS

Hiện nay, BLHS quy định hai hành vi khách quan của tội xâm phạm QTG, QLQ là hành vi sao chép và phân phối các bản sao trái phép. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn nên

trên thực tế có những dạng hành vi khác cũng xâm phạm đến QTG, QLQ có khả năng gây thiệt hại rất lớn cho chủ sở hữu quyền như hành vi truyền đạt trái phép đến công chúng các bản sao tác phẩm phim ảnh, bản ghi hình các chương trình giải trí... trên các trang mạng xã hội, các website cũng là một dạng của hành vi phân phối các bản sao trái phép. Với quy định khá hẹp các hành vi khách quan của tội phạm, dẫn đến xử lý hình sự trong trường hợp này khó khăn. Do vậy, trong nội dung Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán cần thiết hướng dẫn cụ thể hành vi sao chép, phân phối như sau:

+ Sao chép tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 225 BLHS được hiểu *“là việc tạo ra bản sao tác phẩm, bản sao của bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử, kể cả bản sao điện tử tạm thời (tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định).”*

+ Hành vi phân phối đến công chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 225 BLHS là việc thực hiện một trong các hành vi:

“a) Bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, bản sao của bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được, bao gồm cả việc phân phối trên mạng internet;

b) Đưa tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm, bản sao của bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ, đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được, bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử, mạng internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.”

- Dấu hiệu “quy mô thương mại” quy định trong các điều 225, 226 của BLHS

Dù xuất hiện lần đầu tiên một văn bản pháp lý quốc tế là TRIPS nhưng đến năm 2007 khi Hoa Kỳ nộp đơn lên DSB của WTO kiện Trung Quốc về cơ chế bảo vệ pháp luật hình sự về quyền SHTT ở quốc gia này thì khái niệm “quy mô thương mại” lại tái xuất hiện trên nhiều diễn đàn khoa học pháp lý quốc tế với chủ đề luận bàn là “ngưỡng hình sự của vi phạm SHTT”. Kết quả, Hội đồng kết luận: *“quy mô thương mại” là “mức độ tương đối, hoặc phạm vi của hoạt động thương mại điển hình hoặc thông thường đối với một sản phẩm trong một thị trường nhất định”*. Nó không chỉ thay đổi theo thị trường mà còn bởi sản phẩm trong cùng thị trường. Theo quyết định của Hội đồng, không khó để thấy rằng “quy mô thương mại” trong quy định của TRIPS là một thuật ngữ mở và linh hoạt. Bằng phán quyết như vậy, Hội đồng xác nhận thêm không gian chính sách mà mỗi quốc gia thành viên được hưởng.

Sau này, sự ra đời của các FTA thế hệ mới lại tiếp tục quy định dấu hiệu “quy mô

thương mại” như một điều kiện cần để xử lý hình sự các hành vi xâm phạm quyền SHTT, nhưng đã có sự cụ thể hóa hơn. Khoản 1 Điều 18.77 của CPTPP, tuy có những khác biệt nhưng điểm chung giữa quy định này với Điều 225 và Điều 226 BLHS năm 2015 đó là có thể tồn tại trường hợp xâm phạm quyền SHTT không hoặc tuy có gây thiệt hại nhưng chưa đáng kể cho chủ sở hữu quyền được coi là xâm phạm “trên quy mô thương mại”. Sẽ khó khăn hơn nhiều khi các dấu hiệu định lượng đã tách thành trường hợp CTTP độc lập và những trường hợp còn lại nào (định tính) thì được xác định là có “quy mô thương mại”.

Hệ thống pháp luật bảo vệ quyền SHTT của Hoa Kỳ cho thấy sự đề cao các tiêu chuẩn bảo vệ quyền SHTT. Do đó, quan điểm về “quy mô thương mại” cũng rất rộng, chỉ cần hành vi đó có tính thương mại, thậm chí có mục đích thương mại, dù ở cấp độ nào cũng cần xử lý về hình sự. Điều này có nhân tố hợp lý khi đặt vào bối cảnh một phát triển kinh tế mạnh mẽ, tự chủ công nghệ, đề cao giá trị cá nhân và tính độc quyền của người sáng tạo. Khi phát triển đến một mức độ nhất định, rất có thể Việt Nam cũng sẽ phải thiết lập các tiêu chuẩn về bảo vệ quyền SHTT rất nghiêm khắc như vậy. Kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, chẳng hạn như Hoa Kỳ còn cho thấy, những hành vi đưa các sản phẩm vi phạm lưu thông ngoài phạm vi tiến hành hoạt động kinh doanh của mình để buôn bán hoặc từ đó, lợi dụng giới hạn địa lý của các trường hợp đang được bảo hộ để đăng ký nhãn hiệu cũng có thể bị coi là tội phạm.

Như vậy, ngoài những nội dung đã khá rõ trong giải thích dấu hiệu “quy mô thương mại” theo CPTPP (như: nhằm thu lợi tài chính, các quốc gia có thể quy định dấu hiệu định lượng thiệt hại cho chủ sở hữu quyền, định lượng hàng hóa xâm phạm) thì dấu hiệu “nhằm đạt lợi thế thương mại” có thể giải thích thông qua việc thực hiện một số hoạt động xúc tiến thương mại trong đó hàng hóa, dịch vụ vi phạm là đối tượng được đưa vào xúc tiến; hoặc có những hoạt động đưa các sản phẩm giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý lưu thông ngoài phạm vi đăng ký hoạt động kinh doanh nhằm đăng ký bảo hộ đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó.

Nhìn chung, dựa vào một số phân tích trên đây, nội dung hướng dẫn dấu hiệu “quy mô thương mại” nên dựa trên các căn cứ quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết (như CPTPP) làm chuẩn mực. Từ chuẩn mực đó, tiếp tục làm rõ những dấu hiệu định tính theo hướng cố gắng lượng hóa hoặc cụ thể hóa tối đa các dấu hiệu này (nhằm tạo thuận lợi cho việc áp dụng). Như vậy, dấu hiệu “quy mô thương mại” có thể được hiểu là hành vi có một trong các dấu hiệu sau:

- “a) Được thực hiện vượt ngoài mức độ sử dụng thông thường của cá nhân;*
- b) Được thực hiện vì lợi ích thương mại hoặc lợi ích tài chính;*

c) Mặc dù không được thực hiện vì lợi ích thương mại hoặc lợi ích tài chính nhưng gây ảnh hưởng đáng kể đến quyền và lợi ích của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong lĩnh vực liên quan;

d) Được thực hiện trên mạng thông tin điện tử và/hoặc có sự hỗ trợ của các thiết bị điện tử hoặc công nghệ kỹ thuật số cho phép các tác phẩm vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan có thể được sao chép hoặc phân phối rộng rãi.”

- Dấu hiệu “Thu lợi bất chính” quy định tại Điều 225 BLHS là “lợi ích kinh tế hoặc phi kinh tế phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan mà có, bao gồm cả lợi ích phát sinh sau khi thực hiện hành vi phạm tội người phạm tội đã dùng vật, tiền mà mình có được để phát sinh lợi ích như cho vay lấy lãi, gửi tiết kiệm, đổi vật v.v..”

Khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi xâm phạm QTG, QLQ được cho là có tồn tại nếu người phạm tội trực tiếp hoặc gián tiếp lợi dụng việc phạm tội để thu phí thành viên, phí quảng cáo hoặc các khoản phí liên quan khác.

Trong trường hợp khoản tiền thu lợi bất chính được thực hiện qua giao dịch ngân hàng, giá trị thu lợi bất chính được xác định bằng tổng các giao dịch ghi có qua ngân hàng mà người phạm tội không chứng minh được nguồn gốc chính đáng cho khoản tiền đó không phải do có được, trực tiếp hoặc gián tiếp từ hành vi xâm phạm QTG, QLQ.

- *Thiệt hại cho chủ thể quyền* bao gồm lợi nhuận bị mất, hoặc giá trị của đối tượng bị xâm phạm quyền tính theo giá thị trường, hoặc theo giá bán lẻ được đề xuất, hoặc theo giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng QTG, QLQ với giá định người hoặc pháp nhân thương mại xâm phạm quyền được chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện.

- Hàng hóa vi phạm có thể xác định trị giá dựa trên một trong các căn cứ sau đây:

a) *Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán;*

b) *Giá thị trường của tang vật xâm phạm quyền tại thời điểm phát hiện hành vi xâm phạm quyền;*

c) *Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng QTG, QLQ với giá định người hoặc pháp nhân thương mại xâm phạm quyền được chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện.”*

- Hướng dẫn định tội danh trong trường hợp hàng hóa vi phạm vừa có yếu tố giả về nội dung vừa có yếu tố giả mạo về hình thức.

Một trong những căn cứ thực tế để xác định hàng hóa vi phạm là đối tượng của các tội sản xuất, buôn bán hàng giả hay đối tượng của tội xâm phạm quyền SHCN chính là kết luận giám định hàng hóa. Theo nguyên tắc, việc giám định cần phải tiến hành cả về nội dung (chất lượng, công dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật...) lẫn hình thức (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý) của hàng hóa. Các kết luận này phải được công bố trong bản án để có đủ căn cứ định tội. Các nhà áp dụng pháp luật cũng nên tránh quan điểm cho rằng chỉ cần căn cứ vào giá thị trường các sản phẩm có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu rẻ hơn rất nhiều so với hàng thật để đồng nhất tất cả những trường hợp đó chất lượng sản phẩm cũng luôn chứa yếu tố giả mạo. Đặc biệt trong những trường hợp người sản xuất đầu tư rất nhiều vào chất lượng sản phẩm nhưng vì giá trị thương mại của doanh nghiệp trên thị trường không cao nên đã sử dụng nhãn hiệu nổi tiếng cho sản phẩm của mình và bán ra thị trường với giá thành rẻ hơn để thu lợi.

Nhiều quan điểm khoa học và thực tiễn khá thống nhất đường lối xử lý đó là trường hợp sản xuất, buôn bán các loại hàng hóa vi phạm vừa có dấu hiệu giả về chất lượng - lừa gạt người tiêu dùng, vừa có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu, hoặc chỉ dẫn địa lý - lợi dụng uy tín thương mại của chủ sở hữu thì cần phải coi là “hàng giả” và bị xử lý về tội sản xuất, buôn bán hàng giả.

Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan có thể thấy rằng, nếu so sánh những hành vi nêu trên với hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa chỉ giả về nội dung hoặc chỉ giả về hình thức thì tính chất, mức độ nguy hiểm của những hành vi này cao hơn. Bởi lẽ, trong trường hợp này, khách thể của tội phạm không chỉ là tính trung thực, hoạt động đúng đắn của các chủ thể sản xuất kinh doanh, lợi ích của người tiêu dùng (thuộc quan hệ kinh tế về mua bán, sản xuất hàng hóa) mà còn là quan hệ SHTT. Hậu quả của tội phạm cũng chỉ dừng lại ở vấn đề thiệt hại nền kinh tế nói chung ở vấn đề quản lý nhà nước, thiệt hại cho người tiêu dùng mà còn thiệt hại cho chủ sở hữu quyền SHTT (ở góc độ quyền SHCN của họ bị thiệt hại). Cần nhận thấy rằng, không ít trường hợp hành vi sử dụng trái phép đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam nhằm mục đích lợi dụng uy tín thương mại của chủ sở hữu các đối tượng SHCN này để tăng lợi nhuận kinh doanh chứ không nhằm lừa gạt người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm. Nói cách khác, với giả thiết tất cả các tình tiết khác là như nhau, hành vi của chủ nhãn hiệu sản xuất hàng chính hãng của mình nhưng chất lượng không đúng như đã đăng ký hoặc in trên bao bì sẽ ít nguy hiểm hơn hành vi của người khác vừa giả nhãn hiệu hàng hóa của công ty chính hãng gắn lên sản phẩm giả chất lượng so với đăng ký của nhãn hàng hoặc đã in trên bao bì nhãn hàng đó. Chính vì vậy, trong sự đánh giá khách quan

khi so sánh với các hành vi xâm phạm hàng hóa chỉ giả về nội dung, nếu chỉ xử lý những hành vi này về các tội thuộc nhóm tội sản xuất, buôn bán hàng giả thì chưa thỏa đáng.

Theo nguyên tắc phân hóa cần xác định rằng: mức độ TNHS phải nghiêm khắc hơn so với trường hợp tương tự nhưng chỉ có dấu hiệu giả nội dung hoặc chỉ có dấu hiệu giả hình thức. Theo đó, cần bổ sung thêm tình tiết định khung tăng nặng “hàng hóa vi phạm có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý” vào các tội phạm sản xuất, buôn bán hàng giả. Người phạm tội chỉ chịu TNHS về một trong các tội thuộc nhóm tội phạm về hàng giả với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “hàng hóa vi phạm có dấu hiệu giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý”.

- Hướng dẫn cụ thể các quy định về TNHS của pháp nhân thương mại.

Từ thực tế đã xảy ra những trường hợp có thể truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại nhưng chủ thể áp dụng pháp luật đã không truy cứu. Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn một số vụ án, thiết nghĩ cần phải có hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại. Trong đó, tập trung vào làm rõ các điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại tại khoản 1 Điều 75 BLHS, ví dụ:

+ Cần hướng dẫn trường hợp pháp nhân có các hành vi thực hiện tội phạm trong lĩnh vực mà pháp nhân đó không đăng ký kinh doanh. Có những vụ án thực tế chỉ truy cứu TNHS của cá nhân với lý do, mặt hàng pháp nhân kinh doanh không có trong đăng ký kinh doanh của pháp nhân. Việc này cần nhận thức lại rằng: có 4 yếu tố trong điều kiện truy cứu TNHS của pháp nhân tại khoản 1 Điều 75 BLHS. Đối chiếu với quy định này, không có yếu tố nào yêu cầu pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS trong chính những lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ mà mình đăng ký kinh doanh. Có thể thấy, thông thường pháp nhân thương mại tiến hành kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên có thể thực hiện những hoạt động phạm pháp trong lĩnh vực kinh doanh của mình dưới vỏ bọc đăng ký kinh doanh hợp pháp. Tuy nhiên, phạm vi đăng ký kinh doanh ấy không phải là giới hạn truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại theo quy định của BLHS.

+ Cần hướng dẫn rõ khoản 2 điểm Điều 75 BLHS về TNHS của cá nhân và TNHS của pháp nhân.

Khoản 2 Điều 75 BLHS có quy định: “*Việc pháp nhân thương mại chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân*”. Với nội dung này có thể hiểu, TNHS của pháp nhân thương mại không thay thế cho TNHS của cá nhân mà tồn tại được đồng thời với TNHS của cá nhân. Tuy nhiên, sự tồn tại đồng thời này là bắt buộc hay TNHS của pháp nhân có thể đứng độc lập. Nói một cách đơn giản có thể có trường hợp vẫn truy cứu TNHS

pháp nhân thương mại hay không nếu cá nhân thực hiện hành vi không đủ CTTTP (xét hành vi đó độc lập do cá nhân thực hiện).

Vấn đề này liên quan trực tiếp đến quy định tại Điều 225, 226 BLHS 2015. Nghiên cứu quy định TNHS của pháp nhân tại khoản 4 các Điều 225, Điều 226 BLHS 2015 về tội xâm phạm QTG, QLQ và tội xâm phạm quyền SHCN và so sánh nội dung này với quy định về truy cứu TNHS của cá nhân tương ứng cho thấy một vấn đề: dấu hiệu “đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà còn vi phạm” chỉ được quy định là dấu hiệu pháp lý định tội đối với pháp nhân thương mại còn cá nhân thì không.

Quy định này có thể chứng minh quan điểm nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội nhưng có thể dẫn đến trường hợp: pháp nhân thương mại đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm QTG, chưa hết thời hiệu để được coi như chưa từng vi phạm hành chính nhưng lại chỉ đạo cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm QTG nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và hành vi đó còn thời hiệu truy cứu TNHS. Đồng thời hành vi này không thỏa mãn các dấu hiệu quy mô thương mại hay các mức định lượng tối thiểu về giá trị hàng hóa vi phạm, thu lợi bất chính hay thiệt hại vật chất cho chủ thể quyền (theo khoản 1 Điều 225 BLHS). Nếu xét độc lập hành vi của cá nhân thì không đủ dấu hiệu CTTTP tại Điều 225; tuy nhiên, nếu đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 225 BLHS thì pháp nhân thương mại có đủ dấu hiệu phải chịu TNHS. Để tránh những lúng túng trong quá trình áp dụng, vấn đề này cần được hướng dẫn cụ thể.

4.2.7. Biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Hiện nay, việc hợp tác quốc tế của một số cơ quan trong vấn đề thực thi quyền SHTT đang có những hiệu quả nhất định, nhiều bản thỏa thuận, hợp tác, hội nghị, Điều ước được ký kết. Để làm duy trì và phát huy hơn nữa các kết quả này, một số vấn đề đặt ra cần được thực hiện như sau:

- Các cơ quan trong nước cần rà soát và tham mưu cho Đảng, Nhà nước xây dựng pháp luật sao cho phù hợp với Quốc tế; nên hay không tham gia những ĐUQT nào liên quan SHTT.

- Các hiệp định tương trợ tư pháp song phương cần được tăng cường. Tùy vào quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các quốc gia khác nhau và mức độ của cấp thiết của công tác điều tra, xử lý các tội xâm phạm quyền SHTT để soạn thảo những điều khoản qua lại giữa hai bên làm sao để vừa bảo đảm lợi ích quốc gia, vừa kêu gọi được sự hợp tác của quốc gia nhận tương trợ. Như trên đã nêu, tính đến nay, Việt Nam mới kí kết được được 12 Hiệp định tương trợ tư pháp chung, 01 Nghị định thư bổ sung Hiệp định; 05 Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, 01 thỏa thuận tương trợ tư pháp về dân

sự; 14 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự; 14 Hiệp định về dẫn độ và 15 Hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù. Số lượng này so với tổng số hơn 200 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới là một số lượng rất khiêm tốn. Điều này sẽ gây ra nhiều khó khăn cho các cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự nói chung, các vụ án xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Vì vậy việc đẩy nhanh tiến độ đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp chung, Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự và Hiệp định về dẫn độ với các quốc gia, nhất là các quốc gia có diễn ra các hành vi phạm tội xâm phạm quyền SHTT liên quốc gia với Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho quá trình giải quyết các vụ án hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT.

- Lực lượng thực thi pháp luật Việt Nam cần tạo lập và duy trì quan hệ hợp tác với cảnh sát khu vực và cảnh sát quốc tế cũng như các cơ quan về SHTT trên thế giới trong các hoạt động như: trao đổi thông tin về khung pháp lý cũng như thực thi pháp luật hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT; phối hợp hoạt động giữa lực lượng chức năng các nước nhằm ngăn chặn việc xuất nhập khẩu hàng hóa vi phạm, lan truyền vật phẩm vi phạm trên internet; trao đổi và đào tạo nhân sự. Cần đẩy mạnh hợp tác giữa Bộ Công an với cảnh sát các nước trong khối ASEAN, Châu Á cũng như một số quốc gia Châu Âu và Hoa Kỳ để nâng cao hiệu quả phát hiện, điều tra các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT vì đây là những quốc gia được tội phạm lợi dụng triệt để để thực hiện các hành vi phạm các tội xâm phạm quyền SHTT trong thời gian qua.

- Tích cực tham gia diễn đàn quốc tế về phòng chống các tội xâm phạm quyền SHTT để học tập, chia sẻ kinh nghiệm với cộng đồng quốc tế và các quốc gia trên thế giới. Đây là những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong phòng, chống tội phạm, nhất là tham khảo kinh nghiệm của những quốc gia đang có các biện pháp hữu hiệu trong phòng, chống có hiệu quả các tội xâm phạm quyền SHTT. Công cuộc phòng, chống các tội xâm phạm quyền SHTT rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt là các hành vi phạm tội mang tính xuyên quốc gia, thực hiện trên môi trường mạng, đòi hỏi càng có nhiều kinh nghiệm thiết thực, hiệu quả thì càng mang lại hiệu quả cao trong phòng, chống tội phạm.

- Tăng cường hợp tác quốc tế theo chiều sâu ở cả cấp độ Trung ương và địa phương với các nước có chung đường biên giới (Lào, Campuchia, Trung Quốc) trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

SHTT ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển bền vững của các lĩnh vực khoa học khác trong đời sống xã hội. Với tầm quan trọng như vậy, các tội xâm phạm quyền SHTT gây ra hoặc có khả năng gây ra những thiệt hại đáng kể cho chủ thể sáng tạo, thiệt hại cho trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước.

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam ngày càng khẳng định tiềm năng và vị thế của mình trên trường khu vực và quốc tế. Càng đi sâu vào quá trình phát triển, hội nhập quốc tế, các quốc gia không chỉ Việt Nam đều nhận thức rõ một trong những yếu tố quyết định cho sự thành công khi hội nhập là việc làm chủ được công nghệ, tài sản trí tuệ và bảo vệ, tạo môi trường thật tốt để duy trì và phát triển quan hệ SHTT đó. Không chỉ vậy, việc ghi nhận, thực thi tốt quyền của người sáng tạo cũng phản ánh sự nâng tầm giá trị trí tuệ của con người trong đời sống hiện đại.

Việc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi có những hạn chế, bất cập. Trên cơ sở phân tích quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, tác giả đã đưa ra 7 nhóm biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam, như: Biện pháp tăng cường giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT; Biện pháp khắc phục hạn chế trong nền kinh tế - xã hội; Biện pháp khắc phục hạn chế trong văn hoá, giáo dục; Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động quản lý Nhà nước; Biện pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng; Biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật và Biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội xâm phạm quyền SHTT./.

KẾT LUẬN

SHTT ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển bền vững của các lĩnh vực khoa học khác trong đời sống xã hội. Các tội xâm phạm quyền SHTT gây ra hoặc có khả năng gây ra những thiệt hại đáng kể cho chủ thể sáng tạo, thiệt hại cho trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Trong thời gian qua, việc phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi có những hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự chưa hoàn thiện trong các quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này, nhiều quy định chưa thật sự rõ ràng dẫn đến việc áp dụng và giải quyết nhiều vụ việc tương tự nhau thiếu tính thống nhất. Bên cạnh đó, cũng còn một số quy định của pháp luật chưa thật sự phù hợp với sự thay đổi của đời sống xã hội, đòi hỏi của bối cảnh mới (toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ 4). Những nguyên nhân của các bất cập này cũng có thể đến từ góc độ chủ quan: năng lực chuyên môn của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; ý thức tự bảo vệ quyền của chủ thể sáng tạo; ý thức pháp luật của người dân, cơ chế quản lý của Nhà nước và hợp tác quốc tế...

Với việc tổng hợp, xây dựng hệ thống lý luận phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT, luận án là công trình nghiên cứu sẽ trang bị về mặt lý luận cho hoạt động phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT nói riêng. Những điểm mới của luận án sẽ góp phần hoàn thiện về mặt lý luận về phòng ngừa không chỉ riêng các tội xâm phạm quyền SHTT mà còn hoàn thiện lý luận về phòng ngừa các tội phạm khác, phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng, tham khảo trong hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm quyền SHTT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay hoặc trong thời gian tới. Luận án còn là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, sinh viên có quan tâm và những cán bộ đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách về phòng chống tội phạm./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Bạch Quốc An (2008), *Quyền sở hữu trí tuệ của WTO và pháp luật Việt Nam*, Bộ Tư Pháp.
2. Trần Thị Lan Anh (2004), *Hiệp định TRIPS và những thách thức về thực thi pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật số 3/2004.
3. Ths. Lê Tuấn Anh (2023), *Tiềm năng phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam và một số hàm ý chính sách*, tapchicongthuong.vn
4. Nguyễn Văn Bảy (2008), *Bảo vệ và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*, Tài liệu tập huấn về giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Ban Bí Thư Trung ương Đảng (2016), *Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*
6. *Ban Chỉ đạo 127/TW (2010), Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 31/1999/CT-TTg và 02 năm thực hiện Chỉ thị 28/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh sản xuất và buôn bán hàng giả*, Hà Nội.
7. Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của các Tòa án các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022
8. Báo cáo số 75/BC-TA ngày 10/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về công tác của Tòa án tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV.
9. Báo cáo đánh giá mối đe dọa từ tội xâm phạm quyền SHTT của Liên minh Châu Âu EU năm 2019.
10. Báo cáo của Chính phủ về tình hình vi phạm pháp luật các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.
11. Báo cáo số 391/BC-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2021.

12. Báo cáo về công tác của của Viện kiểm sát nhân dân tối cao các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022
13. Báo cáo số 179/BC-VKSTC ngày 10/10/2019 về công tác của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
14. Báo cáo Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ năm 2016, 2017, 2018 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
15. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.*
16. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
17. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị số 09/CT-TW ngày 01/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*
18. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
19. Bộ Chính trị, *Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
20. Bộ Công an (1995), *Từ điển bách khoa nghiệp vụ Công an*, Viện khoa học Công an.
21. Bộ Công an (2006), *Chương trình hành động về hợp tác phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006 - 2010*, Hà Nội.
22. Bộ Khoa học và Công nghệ (2009), *Công văn số 733/BKHCN-SHTT ngày 01/4/2009 về việc đề nghị chỉnh lý nội dung sở hữu trí tuệ trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS*, Hà Nội.
23. Bộ Khoa học và Công nghệ (2012), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
24. Bộ Tư pháp, Báo cáo số 45/BC-BTP ngày 15/2/2023 Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

25. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (tháng 01/2006), *Kinh tế và thương mại - Chuyên đề về quyền sở hữu trí tuệ*, ấn phẩm của Chương trình thông tin quốc tế, Hà Nội.
26. Chính phủ, *Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương*.
27. Chính phủ, *Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*.
28. Chỉ thị số 01/2022/CT-CA ngày 10/01/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022.
29. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 08/1998/NQ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và ban hành chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm*.
30. Chính phủ (2001), *Nghị định số 69/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2001 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.
31. Chính phủ (2004), *Chỉ thị số 31/1999/CT-TTg ngày 21/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về chống hàng giả*.
32. Chính phủ (2004), *Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 09 và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2020*.
33. Chính phủ (2006), *Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng*.
34. Chính phủ (2006), *Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ*.
35. Chính phủ (2006), *Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn Bộ luật dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả*.
36. Chính phủ (2007), *Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 7/6/2007 về xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực hải quan*.
37. Chính phủ (2013), *Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định xử phạt hành chính về quyền tác giả và quyền liên quan*.

38. Chính phủ (2013), *Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp*.
39. *Công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật*.
40. *Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp*.
41. Cục Cảnh sát điều tra về tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (2012), *Báo cáo tổng kết 10 năm về công tác phòng, chống hàng giả và vi phạm sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
42. Cục sở hữu trí tuệ (2007), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về giảng dạy và đào tạo sở hữu trí tuệ trong các trường đại học và cao đẳng*, Hà Nội.
43. Cục sở hữu trí tuệ (2012), *Báo cáo số 9539/BC-SHTT ngày 21/11/2012 về tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
44. Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Viện Sở hữu trí tuệ liên bang Thụy sĩ (2003), *Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập*, Hà Nội.
45. Cơ quan Sáng chế Nhật Bản, Viện Thúc đẩy Sáng chế và Sáng kiến Nhật Bản (2018), *Giáo dục, phổ biến và nâng cao nhận thức về Sở hữu trí tuệ tại Nhật Bản*.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
47. Hoàng Thị Quỳnh Chi (2007), *Tội phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và một số ý kiến về sửa đổi Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát (3).
48. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội, một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 10), Hà Nội.
49. Lê Cẩm (2002), *Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng pháp luật hình sự*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 8.
50. Nguyễn Chí Công (2016), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, Luận án Tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
51. Nguyễn Đức Trung, Dư Thị Lan Quỳnh, *Tài chính toàn diện và đói nghèo: Trường hợp ở Việt Nam*, đăng ngày 26/4/2022 trên Tạp chí Ngân hàng online.
52. Lê Đăng Doanh - Cao Thị Oanh (chủ biên) (2017), *Hệ thống Pháp luật Hình sự Việt Nam - Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) - tập 1*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

53. Lê Hoài Dương (2003), *Tổng quan về quyền sở hữu trí tuệ vào bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9/2003.
54. Lê Hoài Dương (2009), *Bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 2/2009.
55. Nguyễn Bá Diên (2010), “*Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế, những vấn đề lý luận và thực tiễn*” (sách chuyên khảo), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
56. Nguyễn Bá Diên (chủ biên) (2003), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
57. Nguyễn Bá Diên (chủ nhiệm) (2001), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp đặc biệt Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
58. Nguyễn Chí Dũng (Chủ biên) (2004), *Một số vấn đề tội phạm và cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Nguyễn Vĩnh Diện (2013), *Luận bàn về khái niệm quy mô thương mại trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Tạp chí Cảnh sát phòng, chống tội phạm, Hà Nội.
60. Nguyễn Vĩnh Diện (2014), *Vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
61. Trần Văn Độ (1998), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Chương 6 sách: Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Nguyễn Ngọc Điệp (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
63. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb sự thật.
64. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”.
65. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.

66. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*
67. Đề án “Chiến lược phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ giai đoạn 2018 - 2030”
68. Lê Thị Nam Giang (2008), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định thương mại Việt Mỹ*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4.
69. Hồ Thế Hòe - Lê Việt Long (2012), *Đấu tranh với tội phạm xâm phạm sở hữu trí tuệ - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. CAND, Hà Nội.
70. Mạnh Hùng & Minh Trí (2006), *Nhật ký luật sở hữu trí tuệ 2006*, Báo Doanh nghiệp và thương hiệu, Hà Nội.
71. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
72. Nguyễn Phùng Hồng (2001), *Phòng chống tội phạm trong giai đoạn mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
73. Nguyễn Phùng Hồng và tập thể tác giả (1999), *Phòng chống tội phạm trong giai đoạn mới*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước (KHXX 07-08), Nxb CAND, Hà Nội.
74. Nguyễn Triều Hoa (2004), *Tội phạm hình sự về sở hữu công nghiệp*, Khoa Luật - Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
75. Phạm Hồng Hải (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Nxb CAND, Hà Nội.
76. Phạm Hồng Hải (Chủ biên) (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CAND, Hà Nội
77. Phạm Hồng Hải (Chủ biên) (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CAND, Hà Nội.
78. Phạm Minh Huyền, *Bảo vệ quyền tác giả trong thương mại điện tử tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Tham luận hội thảo “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ xét trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 24/11/2020.
79. Thanh Hà (2015), *Truy tố các tội danh về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: Khó đi đường!*, Báo Thương Hiệu và Công luận.

80. Trần Lê Hồng (2002), *Bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 2/2002.
81. Trần Minh Hưởng (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
82. Trí Hiếu (2007), *Yêu cầu của TRIPS, BTA và vấn đề hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Thông tin khoa học xét xử số 5 năm 2007 (số 35 năm thứ 6).
83. Trần Văn Hải (2021), *Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam
84. Xuân Hùng (2004), *Sự khác biệt giữa hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*, Ấn phẩm thông tin Việt Nam.net, số 1,2 năm 2004.
85. *Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP)*.
86. *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2000*.
87. *Hiệp định TRIPS về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ*.
88. Lê Ngọc Lâm (2016), *Những khó khăn, bất cập trong các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ từ góc nhìn thực tiễn*, Tài liệu tọa đàm nhằm tăng cường năng lực giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.
89. Lê Việt Long (2008), “*Các quy định của Bộ luật hình sự về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (5), Hà Nội.
90. Lê Việt Long (2008), *Xâm phạm sở hữu trí tuệ: thực trạng, nguyên nhân, giải pháp*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 10 (126) - tháng 7/2008.
91. Lê Việt Long (2009), *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm sở hữu trí tuệ*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện khoa học xã hội Việt Nam.
92. Lê Xuân Lộc, Trần Nhân Chính, Trần Anh Đức, *Hạn chế trong việc xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số*, Tham luận hội thảo “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ xét trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 24/11/2020.
93. Nguyễn Văn Luật, *Thực tiễn giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*, Hội thảo về sở hữu trí tuệ do JICA tổ chức, Hà Nội, 2001.
94. Trần Văn Luyện (2007), “*Đấu tranh chống tội phạm sản xuất hàng giả - một biện pháp góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập và phát triển của Việt Nam*”/ trong cuốn:

- Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ II, Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập, Truyền thống và hiện đại, Nxb Thế giới.
95. *Luật hình sự một số nước trên thế giới* (1998), Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề năm 1998.
 96. Dương Tuyết Miên (2005), *Nạn nhân của tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí Tòa án nhân dân (20), Hà Nội.
 97. Nguyễn Đức Mai (2010), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - phần các tội phạm*, Nxb Chính trị quốc, Hà Nội.
 98. Nguyễn Lê Thành Minh, *Pháp luật Việt Nam về bảo hộ bí mật kinh doanh: Thực trạng và một số kiến nghị*, Tạp chí Công thương, số tháng 3/2020.
 99. *Một số quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ* (2003), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 100. Lê Đình Nghị - Vũ Thị Hải Yến (đồng chủ biên) (2016), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
 101. Lê Hoài Nam (2011), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam theo chức năng của lực lượng cảnh sát nhân dân*, luận án tiến sĩ luật học.
 102. Nguyễn Đức Nga (2005), *Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát (21).
 103. Nguyễn Đức Nga (2005), *Các tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Kiểm sát (23).
 104. Nguyễn Đức Nga (2008), *Đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
 105. Nguyễn Xuân Nghĩa (1996), *Xã hội học khái niệm - khuynh hướng - vấn đề*, Giáo trình Trường Đại học Mở - Bán công TP. Hồ Chí Minh.
 106. Tạ Minh Ngọc (2010), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
 107. Trần Hữu Nam (2008), *Quyền tác giả và quyền liên quan, Tài liệu tập huấn về giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
 108. Trần Văn Nam (2008), *Pháp luật và thực tiễn đấu tranh phòng chống các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Hà Nội.

109. Trần Văn Nam (chủ biên) (2014), *Quyền tác giả ở Việt Nam, pháp luật và thực thi*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
110. Trần Văn Nam, *Dự án Hỗ trợ Thương mại Đa biên II (MUTRAP II) Bộ Thương mại; Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Giới thiệu hệ thống thương mại đa phương: Cơ chế Kinh tế, Chính trị và Tổ chức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) Chương IV*.
111. Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 176-NQ/BCS ngày 06/01/2022 của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2022 của Tòa án nhân dân*.
112. Cao Thị Oanh (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
113. Đinh Thị Mai Phương (2009), *Về bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Lê Thị Phương (2010), *Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
115. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - phần các tội phạm cụ thể (tập II)*, Nxb Công an nhân dân.
116. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (tái bản)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
117. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
118. Đỗ Ngọc Quang (2001), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
119. Lý Văn Quyền (1999), *Phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
120. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự năm 1985*.
121. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*.
122. Quốc hội (1999), *Pháp lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999 về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.
123. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự năm 2005*.
124. Quốc hội (2009), *Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*.

126. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
127. Quốc Hội (2014), *Luật Tổ chức VKSND số 63/2014/QH13*
128. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*.
129. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*.
130. *Quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật số 9/2008.
131. Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.
132. Bùi Minh Thanh (2006), *Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội này*, Tạp chí kiểm sát, Số Xuân (tháng 1-2006).
133. Bùi Ngọc Toàn (1998), *Việt Nam và Mỹ trong vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (7).
134. Đinh Văn Thanh (2004), *Pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong điều kiện thế giới hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (4).
135. Hà Thị Nguyệt Thu (2018), *Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
136. Đoàn Văn Trường (2007), *Các phương pháp thẩm định giá quyền Sở hữu trí tuệ*, Nxb. Khoa học & Kỹ Thuật, Hà Nội.
137. Lê Thế Tiệm (1994), *Tội phạm ở Việt Nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài khoa học KX.04.14, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
138. Lê Thế Tiệm, Phạm Tự Phả (Chủ biên) (1994), *Tội phạm học ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài KX04-14, Nxb CAND, Hà Nội.
139. Lê Xuân Thảo (2008), *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
140. Nguyễn Thanh Tâm (2006), *Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại* (sách chuyên khảo), Nxb Tư pháp.
141. Nguyễn Văn Tiến (2016), *Thực tiễn xét xử các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân*, Tài liệu tọa đàm nhằm tăng cường năng lực giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, Hà Nội.

142. Nguyễn Văn Tùng (2013), *Pháp luật và thực tiễn xét xử các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Tài liệu tham khảo hội thảo áp dụng biện pháp hình sự trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam: Pháp luật, thực tiễn và giải pháp, Ninh Bình.
143. Phạm Tài Tuệ (2019), *Các tội phạm về hàng giả theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học.
144. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (12).
145. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
146. Phạm Văn Tinh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (6).
147. Phạm Văn Tinh (2009), *Khái niệm tội phạm học với những hệ lụy của sự “dễ tính” trong khoa học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (11).
148. Phạm Văn Tinh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số tháng 4/2009.
149. Phạm Văn Tinh (2011), *Tổng quan về mức độ của tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (4).
150. Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
151. Phùng Trung Tập (2004), *Các yếu tố của quyền sở hữu trí tuệ*, sách chuyên khảo, Nxb Tư pháp.
152. Phương Thanh (2004), *Chỉ 10% doanh nghiệp biết tự bảo vệ mình chống nạn hàng giả*, Vietnamnet.
153. Trần Đại Thắng (2006), *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và vấn đề truy tố đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân (23).
154. Thanh tra Bộ khoa học và Công nghệ (2013), *Báo cáo kết quả Hội thảo áp dụng biện pháp hình sự trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, pháp luật, thực tiễn và giải pháp*.

155. Tổ chức thương mại thế giới (1994), *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS)*.
156. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP* ngày 29/02/2008 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
157. Trường Đại học Huế (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb CAND, Hà Nội.
158. Trường Đại học luật Hà Nội (2007), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb CAND, Hà Nội.
159. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội.
160. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb CAND, Hà Nội.
161. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb CAND, Hà Nội.
162. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb. CAND, Hà Nội.
163. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm (quyển 1)*, Nxb. CAND, Hà Nội.
164. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb, CAND, Hà Nội.
165. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
166. Đào Trí Úc (2000), *Cơ sở khoa học của việc tổ chức phòng ngừa tội phạm. Tội phạm học Việt Nam*, Nxb CAND, Hà Nội.
167. Đào Trí Úc (2000), *Luật Hình sự Việt Nam, Quyển 1 - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
168. Đào Trí Úc (2000), *Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay, Trong sách: Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Luật sư Phạm Hồng Hải chủ biên, Nxb CAND.

169. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Sĩ Đại (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
170. Trần Ngọc Việt (2001), *Tội làm hàng giả, tội buôn bán hàng giả - Thực trạng và biện pháp phòng chống*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật.
171. Trần Thị Quang Vinh (2007), *Cam kết WTO và trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ*, Hội thảo về tác động của việc Việt Nam gia nhập WTO, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
172. Võ Khánh Vinh (2000), *Dự báo tình hình tội phạm*, Tội phạm học Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội.
173. Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
174. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình Luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb CAND, Hà Nội.
175. Võ Khánh Vinh (2005), *Giáo trình Tội phạm học (in lần 2)*, Đại học Huế, Nxb CAND, Hà Nội.
176. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế, Nxb CAND, Hà Nội.
177. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb CAND, Hà Nội.
178. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình xã hội học pháp lý*, Nxb CAND, Hà Nội.
179. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
180. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
181. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Công an nhân dân. Hà Nội.
182. Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
183. Văn bản số 3250/BTP-PLSHC ngày 26/8/2019 của Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát vướng mắc trong việc xử lý tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và đề xuất hướng giải quyết.
184. Viện Ngôn ngữ học, GS. Hoàng Phê (chủ biên) (2018), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

185. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb CAND, Hà Nội.
186. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống các loại tội phạm ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb CAND, Hà Nội.
187. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam - Tập 1: Tội phạm học Đại cương*, Nxb CAND, Hà Nội.

B. Tiếng Anh

188. Bộ luật hình sự Cộng hòa Macedonia (1996), (Tài liệu dịch), Tài liệu tham khảo theo chuyên đề pháp luật các nước và quốc tế phục vụ việc nghiên cứu xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999.
189. Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2007), (Tài liệu dịch), Nxb Tư Pháp.
190. Bộ luật hình sự Hoa Kỳ (2007), (Tài liệu dịch), Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán, Hà Nội.
191. Bộ luật hình sự Liên Bang Nga (2011), (Tài liệu dịch), Nxb Công an nhân dân.
192. Bộ luật hình sự Mông Cổ (2002), (Tài liệu dịch), Tài liệu tham khảo theo chuyên đề pháp luật các nước và quốc tế phục vụ việc nghiên cứu xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999.
193. Can Uea (1989), Crime and Criminology in Japan, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan, Nxb Tiến Bộ, Moskva.
194. China-Measures Affecting The Protection And Enforcement Of Intellectual Property Rights (2009) WT/DS362/R, *ibid*, para.7.577
195. China-Measures Affecting The Protection And Enforcement Of Intellectual Property Rights (2009) WT/DS362/R, *ibid*, para.7.606
196. Chống tội phạm có tổ chức - Sách về các vụ án buôn lậu và hàng giả của Interpol (Against Organized Crime - Interpol's trafficking and counterfeiting Casebook 2014), www.interpol.int.
197. Danlu Huang (2017), Intellectual Property Infringement on a 'Commercial Scale' in Light of the Ongoing Multilateral Agreement, [xem: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2990006]
198. David Goldstone (2001), Quyết định có truy tố hay không truy tố vụ án về sở hữu trí tuệ, Tạp chí của Cơ quan Công tố Hoa Kỳ, số 2, Tập 49, tháng 3 năm 2001.
199. David O. Friedrichs (2010), Những người phạm tội bội tín - Tội phạm cổ cồn trắng trong xã hội đương thời (Trusted Criminal - White Collar Crime in Contemporary Society) (Tái bản lần thứ 4), Nxb Wadsworth, Cengage Learning.

200. Donald P. Harris (2008), The Honeymoon is Over: Evaluating The U.S.-China WTO Intellectual Property Complaint, Fordham International Law Journal, Vol.32, Issue1, Article 12, page 142
201. EUIPO (June 2020), 2020 Status Report on IPR Infringement Executive Summary, page.5
202. European Union Agency for Law Enforcement Cooperation 2017, Intellectual property crime on the darknet, Eisenhowerlaan 73, 2517 KK The Hague, the Netherlands
203. Europol and the European Union Intellectual Property Office (EUIPO), Intellectual property crime threat assessment 2019
204. Fiona Brookman (2010), Handbook on Crime, Nxb Willan.
205. Geraldine Szott Moohr, The crime of copyright infringement: an inquiry based on morality, harm, and criminal theory.
206. Hank Baker (2007), Vi phạm bản quyền theo thực tiễn quốc tế và Luật hình sự Việt Nam, Hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán.
207. Hennessy Hayes, Tim Prenzler (2014), An introduction to Crime and Criminology, Nxb Pearson Australia.
208. Intellectual property crime and enforcement in Australia (Tội phạm sở hữu trí tuệ và thực thi ở Úc) (2008), Australian Institute of Criminology ISSN 1326-6004 ISBN 978 1 921185 89 2.
209. J. Kelly Strader (2011), Understanding White Collar Crime (Tái bản lần thứ 3), Nxb Trường luật Lexis Nexis.
210. James W. Osterburg, Richard H. Ward (2013), Criminal Investigation - A Method for Reconstructing the Past, Nxb Routledge.
211. Jessica D. Litman, "Copyright, Compromise and Legislative History", ("Bản quyền, thỏa hiệp và lịch sử lập pháp"), 72 Cornell Law Review 857, 860-861 (1987).
212. John E.Eck, Khadija Monk, Justin A. Heinonen (2010), Street Robbery: Problem Oriented Guides for Police, Nxb Center for Problem Oriented Policing.
213. Kamil Idris (2003), Intellectual Property: A Power Tool for Economic Growth, WIPO Publication, Geneva - Switzerland, page 16
214. Larry Siegel (2014), Criminology - The core, Nxb Cengage Learning.

215. Lisa Thompson (2012), Street Robbery, Viện An ninh và Khoa học tội phạm. ISSN: 2050-4853
216. Macilwee, Mick (2011), The Liverpool underworld: Crime in the city, 1750-1900, Nxb Liverpool University Press.
217. Macilwee, Mick (2011), The Liverpool underworld: crime in the city, 1750-1900 (Thế giới ngầm ở Liverpool: Tội phạm trong thành phố giai đoạn 1750 - 1900), Nxb Liverpool University Press.
218. Melnikova E. B (1974), Vì sao họ phạm tội? Tình trạng thanh, thiếu niên phạm tội ở các nước tư bản chủ nghĩa, Max - xco - va, Molodajai. (Bản dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội, năm 1982).
219. Mikovskij G.M, (1977), Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm, Max - xco - va, Jurid, Literature (Bản dịch của Viện Thông tin Khoa học xã hội, năm 1982).
220. Motoo Noguchi (1998), Pháp luật Nhật Bản điều chỉnh các tội phạm kinh tế (Japanese Laws regulating Economic Crimes), Tập hợp Luật Nhật Bản, Tập 2, Nxb Thanh Niên.
221. Neil Boister (2012), Giới thiệu về luật hình sự xuyên quốc gia (An Introduction to Transnational Criminal Law), Nxb Oxford University Press.
222. Nicole Leeper Piquero, Causes and Prevention of Intellectual Property Crime, <http://link.springer.com/article/10.1007/s12117-005-1013-0>.
223. Nicole Leeper Piquero, Causes and Prevention of Intellectual Property Crime, Trends in Organized Crime 8(4).
224. Office of the United States Trade Representative, Executive office of the president, 2019 Review of Notorious Markets for Counterfeiting and Piracy.
225. Onimi Erekosima and Brian Koosed, (2004), Các tội phạm về sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Crimes), Tạp chí Luật hình sự Hoa Kỳ (American Criminal Law Review) số 41:809.
226. Peter N. Fowler (2007), Chứng cứ và việc trưng cầu ý kiến chuyên gia trong các vụ việc về sở hữu trí tuệ, Hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán.
227. Petter Gottschalk (2010), Điều tra và phòng ngừa tội phạm tài chính - Quản lý thông tin, Chiến lược tình báo và lãnh đạo điều hành (Investigation and Prevention of

- Financial Crime - Knowledge Management, Intelligence Strategy and Executive Leadership), Nxb Gower Publishing Company, Burlington, USA.
228. Roderick Munday (2003), Chứng cứ (Tái bản lần thứ hai), Nxb Fitzwilliam College, Cambridge.
 229. Sakai Naoki (2016), Thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Nhật Bản, Tài liệu tọa đàm nhằm tăng cường năng lực giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, Hà Nội.
 230. Sanders, Bill (2005), Youth crime and youth culture in the inner city, Nxb Routledge, New York.
 231. Sean Lavin, Tracey Klees, Daye Lee, Scott Mah, Caroline Marshall, Ellen Watlington (2019), Tội phạm sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Crimes), American Criminal Law Review 56, no. 3 - Annual Survey of White Collar Crime (Summer 2019).
 232. Shaun L. Gabbidon, Helen Taylor Greene (2005), Race, Crime and Justice, Nxb Routledge, New York.
 233. Sổ tay luật sư Hoa Kỳ (USAM), Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Các quy định về kết án, Hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán, Hà Nội 2007.
 234. Stephen R. Schneider, Crime Prevention - Theory and practice, second Edition, Đại học Saintmary, Halifax, Nova Scotia, Canada.
 235. Surmeli, Gungor (2011), The Enforcement of Intellectual Property Rights (IPR) in Turkey in the EU Accession Process: A Perception Analysis of the Police Officers Dealing with IPR Crimes, Durham theses, Durham University. Available at Durham E-Theses Online: <http://etheses.dur.ac.uk/1397/>
 236. Tamara Hubanova, Rostyslav Shchokin, Oleh Hubanov, Pavlo Slobodianiuk, Serhii Drobotov, Special criminological principles of crime prevention in the field of intellectual property), International Journal of Management, Volume 11, Issue 7, July 2020, Pages 938-952.
 237. The Honeymoon is Over: Evaluating The U.S.-China WTO Intellectual Property Complaint, Fordham International Law Journal, Vol.32, Issue1, Article 12; (và) China-Measures Affecting The Protection And Enforcement Of Intellectual Property Rights (2009) WT/DS362/R, *ibid*.

238. Tòa án nhân dân tối cao (2008), Hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc về một số vấn đề về áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Thông tin khoa học xét xử số 5 năm 2007 (số 35 năm thứ 6).
239. Tom Carson (2007), Nhân viên của Duracell nhận tội đã lấy cắp bí mật thương mại, Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội thảo về thực thi quyền sở hữu trí tuệ dành cho các Kiểm sát viên và Thẩm phán.
240. Truy tố tội phạm về sở hữu trí tuệ, Tạp chí của Liên đoàn luật sư Hoa Kỳ, số 1, Tập 64, tháng 1 năm 2016.
241. United nations office on drugs and crime (2013), Comprehensive Study on Cybercrime.
242. William M. Landes, Richard A. Posner (2003), Economic Structure of IP laws, Harvard University Press (448 trang).
243. World Intellectual Property Organization (2004), WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use, WIPO Publication, Geneva - Switzerland, page 3
244. Kudravcev V.N., “Tính nhân quả trong tội phạm học” và “Nguyên nhân của việc vi phạm pháp luật” (Đào Trí Úc lược thuật), Những vấn đề lý luận về luật hình sự, tố tụng hình sự và tội phạm học (1981), Viện thông tin khoa học xã hội - Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
245. Kudravcev V.N., Minkovskij G.M., Sakharov A.B. (chủ biên), “Nhân thân kẻ phạm tội” (Đào Trí Úc lược thuật), Những vấn đề lý luận về luật hình sự, tố tụng hình sự và tội phạm học (1981), Viện thông tin khoa học xã hội - Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
246. Z Zvirbul V.K., Kiochkov V.V., Minkovskij G.M. (chủ biên), Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tội phạm (Đào Trí Úc lược thuật), Những vấn đề lý luận về luật hình sự, tố tụng hình sự và tội phạm học (1981), Viện thông tin khoa học xã hội - Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
247. Zhijie Zheng, Middle-Income Trap: An Analysis Based on Economic Transformations and Social Governance (Singapore: Palgrave Macmillan, 2020) at v.

C. Website

248. Báo an ninh pháp luật (2007), “Tội phạm có yếu tố nước ngoài gia tăng”, tại địa chỉ: <http://vietbao.vn/An-ninhPhap-luat>, truy cập ngày 03/4/2020.
249. Báo Bảo hộ thương hiệu (2011), Vấn đề sở hữu trí tuệ và đấu tranh chống hàng giả, <http://baohothuonghieu.com/banquyen/tin-chi-tiet/van-de-so-huu-tri-tue-va-dau-tranh-chong-hang-gia/1168.html>, truy cập ngày 05/4/2020.
250. Báo Chính phủ (2015), Cần làm rõ tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”, tại địa chỉ: <http://baochinhphu.vn/Lay-y-kien-Nhan-dan-ve-du-thao-Bo-luat-Hinh-su-sua-doi/Can-lam-ro-toi-Xam-pham-quyen-so-huu-cong-nghiep/233087.vgp>, truy cập ngày 05/4/2020.
251. Báo Công an nhân dân (2007), “Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: Gà nhà đá nhau”, tại địa chỉ: <https://cand.com.vn/Kinh-te/Xam-pham-quyen-so-huu-tri-tue-ga-nha-da-nhau-i44442/>, truy cập ngày 03/4/2020.
252. Báo Công an nhân dân (2009), “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Lợi bất cập hại”, tại địa chỉ: <Http://www.ca.cand.com.vn>, truy cập ngày 05/4/2020.
253. Báo Công lý (2015), Quyền sở hữu trí tuệ: Doanh nghiệp còn rất thờ ơ, <http://congly.vn/kinh-doanh/doanh-nghiep/quyen-so-huu-tri-tue-doanh-nghiep-con-rat-tho-o-126464.html>, truy cập ngày 05/4/2020.
254. Báo Công lý (2016), “Cần thiết thành lập Tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ”, tại địa chỉ: <http://congly.vn/hoat-dong-toa-an/nghiep-vu/can-thiet-thanh-lap-toa-chuyen-trach-ve-so-huu-tri-tue-179002.html>, truy cập ngày 03/4/2020.
255. Báo điện tử nhân dân (2017), Cần chế tài mạnh xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tại địa chỉ: <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/item/33188402-can-che-tai-manh-xu-ly-xam-pham-quyen-so-huu-tri-tue.html>, truy cập ngày 05/4/2020.
256. Báo pháp luật 24h (2008), “Xâm phạm sở hữu trí tuệ: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, tại địa chỉ: <Http://www.phapluat24h.com>, truy cập ngày 05/4/2020.
257. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (2008), Phân biệt giữa cạnh tranh không lành mạnh và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, tại địa chỉ: <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=939>, truy cập ngày 05/4/2020.
258. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (2016), “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo BLHS năm 2015”, tại địa chỉ:

- <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2073>, truy cập ngày 03/4/2020.
259. <https://cand.com.vn/Phap-luat/xung-quanh-viec-khoi-to-vu-an-hinh-su-lien-quan-den-website-phim-lau-lon-nhat-viet-nam--i624998>
260. <https://iipcic.org/aboutIPCrime.php>
261. <https://laodong.vn/kinh-te/ban-quyen-la-tien-nguon-con-noi-song-2-vu-kien-cua-vng-va-first-news-834906.lldo>
262. <https://plo.vn/phap-luat/de-nghi-truy-to-vu-xam-pham-nhan-hieu-bia-sai-gon-962113.html>
263. <https://thanhvien.vn/van-hoa/kien-ong-lon-vi-pham-ban-quyen-khong-chi-la-danh-dong-1290240.html>
264. <https://thanhvien.vn/van-hoa/lung-tung-trong-xu-ly-vi-pham-ban-quyen-900452.html>
265. <https://thanhvien.vn/van-hoa/lung-tung-trong-xu-ly-vi-pham-ban-quyen-900452.html>
266. <https://thanhvien.vn/van-hoa/sach-gia-long-hanh-xu-ly-ra-sao-cuoc-chien-khong-can-suc-1244836.html>
267. <https://thanhtra.com.vn/thanh-tra/xu-ly-sau-thanh-tra/Cong-ty-ROYAL-Viet-Nam-Bi-phat-tren-500-trieu-vi-vi-pham-phap-luat-ban-quyen-128989.html>
268. <https://tingia.gov.vn/tin-tuc/40-website-vi-pham-ban-quyen-phat-song-cua-k/2333/>
269. <https://tuoitre.vn/kho-hang-lau-khung-tai-lao-cai-thu-tien-ti-tu-hang-nhai-hang-lau-20200709084123036.htm>
270. <https://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/vi-pham-ban-quyen-co-ba-sai-gon-luat-du-van-de-o-thuc-thi-va-truyen-thong-giao-duc-411312.html>
271. <https://www.cbp.gov>
272. <https://www.customs.go.jp>
273. <https://www.lexology.com/library>

274. https://www.researchgate.net/publication/248114626_Sino-US_disputes_over_criminal_threshold_of_intellectual_property_rights
275. <https://www.stopfakes.gov>.
276. <https://www.vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/thuc-trang-va-giai-phap-quan-ly-nha-nuoc-ve-tai-san-tri-tue-vung-tay-nguyen-trong-boi-can-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-hien-nay-93>.
277. <https://zingnews.vn/phimmoinet-vi-pham-ban-quyen-o-tam-quoc-te-post1253254.html?fbclid=IwAR0r62GbCodqpUiqU8g1rnhFdnQHD7TN0QxpwanXGsSB7hcFhhh4hyl3XWE>.
278. VCCI (2005), Vi phạm sở hữu trí tuệ vẫn tăng, <http://f-news.f-network.net/tinkinhtheNew>, truy cập ngày 05/4/2020.
279. Vnexpress (2008), “Hầu Tòa vì xâm phạm nhãn hiệu Red Bull”, tại địa chỉ: <https://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/hau-toa-vi-xam-pham-nhan-hieu-red-bull-2108907.html>.
280. Tổng cục Quản lý thị trường, Báo động đỏ về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đăng ngày 22/10/2021 trên Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Quản lý thị trường, tại địa chỉ: <https://dms.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bao-%C4%91ong-%C4%91o-ve-cac-hanh-vi-xam-pham-quyen-so-huu-tri-tue-39225-2.html>.
281. Nguyễn Văn Cương, *Thực trạng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và định hướng xây dựng, hoàn thiện theo tinh thần văn kiện Đại hội XIII của Đảng* (moj.gov.vn).
282. Tổng cục Thống kê (2023), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I năm 2023 đăng trên website Tổng cục Thống kê, tại địa chỉ: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/03/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2023/>.
283. Phú Minh, Cả nước còn hơn 1,9 triệu hộ nghèo đa chiều, đăng trên Tạp chí Điện tử VnEconomy ngày 02/02/2023, tại địa chỉ: <https://vneconomy.vn/ca-nuoc-con-hon-1-9-trieu-ho-ngheo-da-chieu.htm>.
284. Đỗ Ngọc Hanh, Phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới, đăng trên Tạp chí Cộng sản online ngày 23/6/2022, tại địa chỉ:

https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825501/phat-trien-van-hoa%2C-con-nguoi-viet-nam-thoi-ky-moi.aspx.

285. Nguyễn Trần, Những thành tựu nổi bật của giáo dục Việt Nam, đăng trên Cổng thông tin điện tử của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/8/2021, tại địa chỉ: <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/nhung-thanh-tuu-noi-bat-cuagiao-duc-viet-nam-1491883501>.
286. VOV, Yếu kém trong xây dựng văn hóa, con người đã được Đảng chỉ rõ từ lâu, đăng ngày 17/12/2022 trên Báo điện tử VOV, tại địa chỉ: <https://vov.vn/chinh-tri/yeu-kem-trong-xay-dung-van-hoa-con-nguoi-da-duoc-dang-chi-ro-tu-lau-post991042.vov>.
287. Bùi Hoài Sơn, Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030, đăng ngày 23/11/2021 trên trang thông tin điện tử Hội đồng lý luận Trung ương, tại địa chỉ: <https://hdlv.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-su-phat-trien-van-hoa-viet-nam-den-nam-2030-phan-cuoi.html>.
288. Giang Thanh, Cả nước vẫn còn hơn 1,49 triệu người mù chữ, đăng ngày 12/10/2019 trên Báo Tiền phong online, tại địa chỉ: <https://tienphong.vn/ca-nuoc-van-con-hon-149-trieu-nguoi-mu-chu-post1143111.amp>.
289. Hải Dương, Đắc Lắc: Gần 10 ngàn học sinh bỏ học trong vòng 5 năm qua, đăng ngày 23/02/2023 trên báo Vietnamnet, tại địa chỉ: <https://vietnamnet.vn/ly-giai-nguyen-nhan-gan-10-ngan-hoc-sinh-bo-hoc-trong-vong-5-nam-qua-2113326.html>.
290. Tùng Nguyên, Tây Ninh: Tỷ lệ học sinh bỏ học vẫn tăng, đăng ngày 30/12/2020 trên Báo Dân trí online, tại địa chỉ: <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/tay-ninh-ty-le-hoc-sinh-bo-hoc-van-tang-20201230010246562.htm>.
291. Thanh Huyền, Giải pháp nào cho vấn nạn học sinh DTTS bỏ học?, đăng ngày 03/02/2020 trên Báo Dân tộc và Phát triển online, tại địa chỉ: <https://baodantoc.vn/giai-phap-nao-cho-van-nan-hoc-sinh-dtts-bo-hoc-1580703043313.htm>.
292. Đức Hạnh, Hồng Việt, 30 - 50% học sinh bỏ học nghề giữa chừng: Đây là nguyên nhân?, đăng ngày 26/12/2019 trên VTV9, tại địa chỉ: <https://vtv.vn/vtv9/30-50-hoc-sinh-bo-hoc-nghe-giua-chung-dau-la-nguyen-nhan-20191225200039687.htm>.

293. Minh Dũng, Tăng cường hiệu quả công tác phòng chống hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, đăng ngày 25/4/2023 trên Báo Nhân Dân online, tại địa chỉ: <https://nhandan.vn/tang-cuong-hieu-qua-cong-tac-phong-chong-hang-gia-vi-pham-so-huu-tri-tue-post749691.html>.
294. Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí tình hình kinh tế-xã hội quý I năm 2022, Thông cáo báo chí tình hình kinh tế – xã hội quý I năm 2022 – General Statistics Office of Vietnam (gso.gov.vn).
295. Bùi Thu Chang, Chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh mới, đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 16/6/2022, tại địa chỉ: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825486/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-doi-ngoai-cua-viet-nam-trong-boi-canh-moi.aspx>.

D. Bản án tham khảo

296. Bản án số 107/2022/HSST ngày 19/5/2022 của TAND quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
297. Bản án số 98/2021/HS-ST ngày 17/12/2021 của TAND huyện Phúc Thọ Thành phố Hà Nội.
298. Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 14/1/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
299. Bản án số 70/2017/HSST ngày 18/7/2017 của TAND Thành phố Hải Phòng.
300. Bản án số 146/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của TAND Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
301. Bản án số 346/2019/HS-PT ngày 01/11/2019 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng.
302. Bản án số 300/2017/HSST ngày 18/9/2017 của TAND thành phố Hà Nội.
303. Bản án số 104/2022/HS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Bộ luật Hình sự 2015.
3. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2021.
4. Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.
5. Luật Hải quan 2014.
6. Luật SHTT 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 và 2022.
7. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT.
8. Nghị định số 119/2010/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
9. Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực SHCN.
10. Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực SHCN.
11. Nghị định số 131/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt VPHC về quyền tác giả, quyền liên quan.
12. Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo.
13. Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 04/2020/NĐ-CP
14. Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC về Trồng trọt.

15. Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.
16. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
17. Thông tư số 13/2015/TT-BTC quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền SHTT; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2020/TT-BTC.
18. Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN hướng dẫn Nghị định số 99/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực SHCN.
19. Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về SHTT.
20. Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BKHCN-BKHĐT quy định chi tiết và hướng dẫn xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền SHCN.

PHỤ LỤC 2
HỆ THỐNG CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

**Bảng 2.1. Tổng số vụ và bị cáo phạm tội xâm phạm quyền SHTT
và các tội có liên quan từ năm 2012 đến năm 2022**

Năm	Tổng số vụ		Tổng số bị cáo	
Năm 2012	61	100%	106	100%
Năm 2013	60	98,36% (- 1,64%)	97	91,51% (-8,49%)
Năm 2014	81	132,79% (+32,79%)	130	122,64% (+22,64%)
Năm 2015	91	149,18% (+49,18%)	166	156,60% (+56,60%)
Năm 2016	68	111,48% (+11,48%)	111	104,72% (+4,72%)
Năm 2017	71	116,39% (+16,39%)	138	130,19% (+30,19%)
Năm 2018	61	100%	98	92,45% (-7,55%)
Năm 2019	78	127,87% (+27,87%)	137	129,25% (+29,25%)
Năm 2020	68	111,48% (+11,48%)	106	100%
Năm 2021	71	116,39% (+16,39%)	164	154,72% (+54,72%)
Năm 2022	96	157,38% (+57,38%)	167	157,55% (+57,55%)
Tổng cộng	806		1420	
Trung bình	73,27		129,09	

Nguồn: Vụ Tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao

**Bảng 2.2. Tổng số vụ và bị cáo phạm tội xâm phạm quyền SHTT
từ năm 2012 đến năm 2022**

Năm	Tổng số vụ		Tổng số bị cáo	
Năm 2012	1	100%	2	100%
Năm 2013	1	100%	2	100%
Năm 2014	6	600% (+500%)	9	450% (+350%)
Năm 2015	3	300% (+200%)	4	200% (+100%)
Năm 2016	1	100.00%	2	100%
Năm 2017	2	200% (100%)	2	100%
Năm 2018	1	100%	2	100%
Năm 2019	1	100%	1	50% (-50%)
Năm 2020	4	400% (+300%)	5	250% (+150%)
Năm 2021	5	500% (400%)	6	300% (+200%)
Năm 2022	7	700% (+600%)	8	400% (+300%)
Tổng cộng	32		43	
Trung bình	2,91		3,91	

Nguồn: Vụ Tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao

Bảng 2.3. Cơ cấu tình hình tội xâm phạm quyền SHTT và các tội có liên quan theo đặc điểm nhân thân từ năm 2012 đến năm 2022

Đặc điểm nhân thân người phạm tội		Số bị cáo (1420)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	1251	88,10%
	Nữ	169	11,90%
Nghề nghiệp	Cán bộ công chức	1	0,07%
	Khác	1419	99,93%
	Đảng viên	5	0,35%
	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	4	0,28%
Tình trạng nghiện ma túy	Nghiện ma túy	1	0,07%
	Không nghiện ma túy	1419	99,93%
	Dân tộc thiểu số	14	0,99%
Độ tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	165	11,62%
	Trên 30 tuổi	1255	88,38%
Quốc tịch	Việt Nam	1418	99,86%
	Nước ngoài	2	0,14%

Nguồn: Vụ Tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao

Bảng 2.4. Cơ cấu tình hình tội xâm phạm quyền SHTT theo đặc điểm nhân thân từ năm 2012 đến năm 2022

Đặc điểm nhân thân người phạm tội		Số bị cáo (43)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	37	86,05%
	Nữ	6	13,95%
	Dân tộc thiểu số	1	2,33%
Độ tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	4	9,30%
	Trên 30 tuổi	39	90,70%
Quốc tịch	Việt Nam	42	97,670%
	Nước ngoài	1	2,33%

Nguồn: Vụ Tổng hợp - Tòa án nhân dân tối cao

Bảng 2.5. Thống kê kết quả xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT và các tội có liên quan từ năm 2012 đến năm 2022

Năm	Số vụ án phải giải quyết		Xét xử				Số vụ án còn lại			Tỷ lệ %
	Vụ	Bị cáo	Vụ		Bị Cáo		Vụ		Bị Cáo	
Năm 2012	74	139	61	82,43%	106	76,26%	1	1,35%	1	0,72%
Năm 2013	85	131	60	70,59%	97	74,05%	6	7,06%	8	6,11%
Năm 2014	114	186	81	71,05%	130	69,89%	11	9,65%	19	10,22%
Năm 2015	118	213	91	77,12%	166	77,93%	2	1,69%	5	2,35%
Năm 2016	108	188	68	62,96%	111	59,04%	21	19,44%	42	22,34%
Năm 2017	96	184	71	73,96%	138	75,00%	13	13,54%	18	9,78%
Năm 2018	98	161	61	62,24%	98	60,87%	15	15,31%	18	11,18%
Năm 2019	104	178	78	75,00%	137	76,97%	9	8,65%	16	8,99%
Năm 2020	110	258	68	61,82%	106	41,09%	24	21,82%	80	31,01%
Năm 2021	130	320	71	54,62%	164	51,25%	36	27,69%	65	20,31%
Năm 2022	120	265	96	80,00%	167	63,02%	4	3,33%	13	4,91%
Tổng cộng	1157	2223	806	69,66%	1420	63,88%	142	12,27%	285	12,82%

**Bảng 2.6. Thống kê kết quả xét xử các tội xâm phạm quyền SHTT
từ năm 2012 đến năm 2022**

Năm	Số vụ án phải giải quyết		Xét xử				Số vụ án còn lại			
	Vụ	Bị cáo	Vụ		Bị Cáo		Vụ		Bị Cáo	
Năm 2012	1	2	1	100%	2	100%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2013	2	3	1	50,00%	2	66,67%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2014	11	16	6	54,55%	9	56,25%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2015	4	6	3	75,00%	4	66,67%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2016	4	5	1	25,00%	2	40,00%	1	25,00%	1	20,00%
Năm 2017	4	4	2	50,00%	2	50,00%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2018	1	2	1	100%	2	100%	0	0,00%	0	0,00%
Năm 2019	3	3	1	33,33%	1	33,33%	1	33,33%	1	33,33%
Năm 2020	9	10	4	44,44%	5	50,00%	3	33,33%	3	30,00%
Năm 2021	10	13	5	50,00%	6	46,15%	1	10,00%	2	15,38%
Năm 2022	9	11	7	77,78%	8	72,73%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng	58	75	32	55,17%	43	57,33%	6	10,34%	7	9,33%

Bảng 2.7. Thống kê số vụ án, số bị cáo phạm các tội xâm phạm quyền SHTT và các tội có liên quan mà Tòa án chuyển hồ sơ, đình chỉ, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung từ năm 2012 đến năm 2022

Năm	Số vụ án phải giải quyết		Chuyển hồ sơ		Đình chỉ				Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát				
	Vụ	Bị Cáo	Vụ	Bị Cáo	Vụ	Tỷ lệ (%)	Bị Cáo	Tỷ lệ (%)	Tổng số				Số vụ án trả hồ sơ nhưng VKS không chấp nhận yêu cầu của Tòa án
									Vụ	Tỷ lệ (%)	Bị Cáo	Tỷ lệ (%)	
Năm 2012	74	139	0	0	0	0,00%	0	0,00%	12	16,22%	32	23,02%	0
Năm 2013	85	131	0	0	0	0,00%	0	0,00%	19	22,35%	26	19,85%	0
Năm 2014	114	186	0	0	0	0,00%	0	0,00%	22	19,30%	37	19,89%	0
Năm 2015	118	213	0	0	0	0,00%	0	0,00%	25	21,19%	42	19,72%	1
Năm 2016	108	188	0	0	0	0,00%	0	0,00%	19	17,59%	35	18,62%	0
Năm 2017	96	184	0	0	1	1,04%	1	0,54%	11	11,46%	27	14,67%	0
Năm 2018	98	161	1	1	1	1,02%	2	1,24%	20	20,41%	42	26,09%	2
Năm 2019	104	178	0	0	0	0,00%	0	0,00%	17	16,35%	25	14,04%	1
Năm 2020	110	258	0	0	1	0,91%	4	1,55%	17	15,45%	68	26,36%	1
Năm 2021	130	320	0	0	0	0,00%	0	0,00%	23	17,69%	91	28,44%	0
Năm 2022	120	265	0	0	1	0,83%	7	2,64%	19	15,83%	78	29,43%	0
Tổng cộng	1157	2223	1	1	4	0,35%	14	0,63%	204	17,63%	503	22,63%	5

Bảng 2.8. Thống kê số vụ án, số bị cáo phạm các tội xâm phạm quyền SHTT mà Tòa án chuyển hồ sơ, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung từ năm 2012 đến năm 2022

Năm	Số vụ án phải giải quyết		Chuyển hồ sơ		Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát				
	Vụ	Bị Cáo	Vụ	Bị Cáo	Tổng số				Số vụ án trả hồ sơ nhưng VKS không chấp nhận yêu cầu của Tòa án
					Vụ	Tỷ lệ (%)	Bị Cáo	Tỷ lệ (%)	
Năm 2012	1	2	0	0	0	0,00%	0	0,00%	0
Năm 2013	2	3	0	0	1	50,00%	1	33,33%	0
Năm 2014	11	16	0	0	5	45,45%	7	43,75%	0
Năm 2015	4	6	0	0	1	25,00%	2	33,33%	0
Năm 2016	4	5	0	0	2	50,00%	2	40,00%	0
Năm 2017	4	4	0	0	2	50,00%	2	50,00%	0
Năm 2018	1	2	0	0	0	0,00%	0	0,00%	0
Năm 2019	3	3	0	0	1	33,33%	1	33,33%	0
Năm 2020	9	10	0	0	2	22,22%	2	20,00%	0
Năm 2021	10	13	0	0	4	40,00%	5	38,46%	0
Năm 2022	9	11	0	0	2	22,22%	3	27,27%	0
Tổng cộng	58	75	0	0	20	34,48%	25	33,33%	0

Bảng 2.9. Thống kê số liệu xét xử sơ thẩm tội xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn cả nước từ năm 2016 đến năm 2022

Tỉnh/ Năm	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Tổng	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
Bắc Ninh											1	1	1	1	2	2
Bình Phước													2	3	2	3
Bình Dương											1	1			1	1
Hà Nội									2	3	1	2	2	3	5	8
Hải Dương													1	1	1	1
Hồ Chí Minh	1	2	2	2	1	2	1	1	1	1	2	2	2	2	10	12
Phú Thọ									1	1					1	1
Thái Nguyên													1	3	1	3
Tổng cộng	1	2	2	2	1	2	1	1	4	5	5	6	9	13	23	31

BIỂU ĐỒ

